

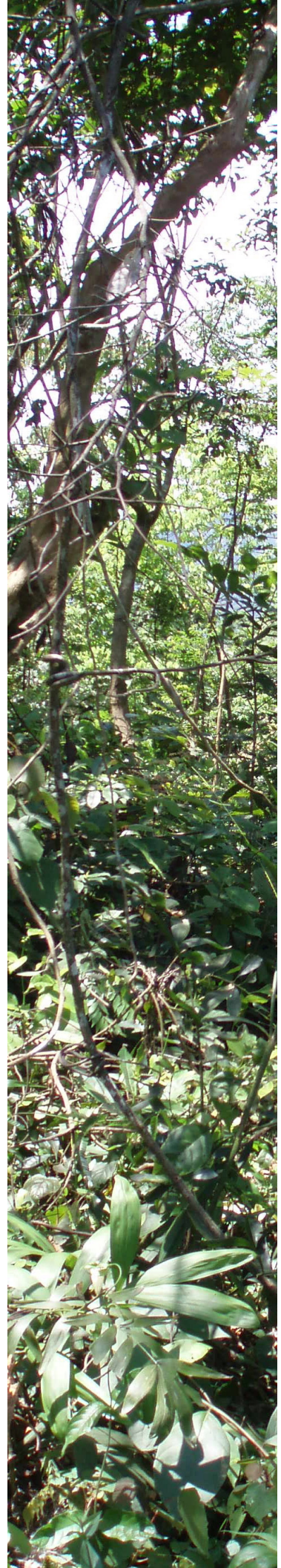
**Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Tỉnh Quảng Bình**

Tài liệu hướng dẫn

Quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

(Được ban hành kèm theo Quyết định số 1330/QĐ-SNN, ngày 16/072009,
của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Bình)

Tháng 7 năm 2009



Tài liệu hướng dẫn

Quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Nhóm tác giả:

Tiến sĩ Bjoern Wode
Bà Marianne Meijboom
Ông Nguyễn Văn Hợp
Ông Vũ Văn Mạnh

Nhóm tác giả:

Ts. Hans-Juergen Wiemer, Nguyễn Việt Nhung, Trần
Vĩnh Đức, Nguyễn Văn Long, Trần Chí Phương,
Phùng Văn Bằng

Tháng 7 năm 2009



PHỤ LỤC

Lời nói đầu	iv
DANH SÁCH NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT	v
Giới thiệu.....	1
Bối cảnh công tác quản lý rừng cộng đồng ở tỉnh Quảng Bình.....	1
Cơ sở hỗ trợ thực hiện QLRCĐ	2
Một số nguyên tắc cơ bản	2
Vai trò của người hướng dẫn	2
Phần I: Phương pháp lập và thực hiện kế hoạch QLRCĐ	3
1. CHUẨN BỊ	4
1.1. Hợp xã và thành lập BQLR cấp xã.....	4
1.2. Thu thập tài liệu có liên quan.....	6
1.3. Tập huấn cho thành viên BQLR cấp xã và cấp thôn	6
2. KHOANH LÔ RỪNG VÀ THÀNH LẬP CÁC NHÓM SỬ DỤNG RỪNG/TQLR CẤP THÔN	6
2.1 Khoanh lô trạng thái rừng.....	6
2.2 Mô tả đặc điểm lô rừng.....	7
2.3 Thành lập nhóm hộ.....	7
2.4 Hợp thôn và thành lập TQLR cấp thôn.....	7
2.5 Xác định mốc ranh giới giữa các nhóm sử dụng rừng.....	8
KIỂM KÊ RỪNG CÓ SỰ THAM GIA.....	9
3.1 Điều tra tài nguyên rừng.....	9
3.2 Phân tích số liệu và xác định sản lượng gỗ khai thác bền vững.....	9
LẬP KẾ HOẠCH QLRCĐ 5 NĂM	10
4.1 Xác định mục tiêu quản lý rừng.....	11
4.2 Xác định sản lượng gỗ khai thác 5 năm.....	12
4.3 Mô tả các hoạt động quản lý rừng.....	12
4.4 Hoàn chỉnh kế hoạch QLRCĐ theo nhóm sử dụng rừng hoặc theo thôn, bản.....	13
PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH QLRCĐ 5 NĂM	13
5.1 Trình kế hoạch QLRCĐ lên UBND xã và UBND huyện.....	13
5.2 Phê duyệt kế hoạch QLRCĐ	13
ĐỀ XUẤT XIN KHAI THÁC GỖ VÀ VẤN ĐỀ HƯỚNG LỢI.....	13
6.1 Đơn xin khai thác gỗ.....	14
6.2. Giám sát và đánh giá việc thực hiện QLRCĐ	19
Phần II: Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch QLRCĐ	20
1. Giới thiệu.....	22
2. Khoanh lô trạng thái rừng và thành lập nhóm sử dụng rừng.....	23
3. Thành lập Tổ Quản lý rừng cấp thôn	25
Phụ lục 1: Quy chế của Tổ quản lý rừng cấp thôn	43
Phụ lục 2: Quyết định thành lập BQLR cấp xã	46
Phụ lục 3: Quyết định thành lập TQLR cấp thôn.....	47
Phụ lục 4: Xây dựng Mô hình rừng bền vững.....	48
Phụ lục 5: Mẫu kế hoạch quản lý rừng cộng đồng cấp thôn bản	55
Phụ lục 6: Đơn xin khai thác gỗ chọn lọc từ rừng tự nhiên	60
Phụ lục 7: Sổ theo dõi của xã/thôn – khai thác gỗ rừng tự nhiên.....	61
Phụ lục 8: Hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh đối với quản lý rừng tự nhiên.....	62

Lời nói đầu

Tài liệu hướng dẫn Quản lý rừng cộng đồng (QLRCĐ) này do Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung (SMNR-CV) soạn thảo. Dự án SMNR-CV được Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) tài trợ và Nhóm tư vấn GFA cùng Tổ chức đồng thực hiện. Tài liệu này được xây dựng trên cơ sở những kinh nghiệm thực hiện quản lý rừng cộng đồng tại Việt Nam: Dự án Lâm nghiệp Xã hội Sông Đà và Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc do Tổ chức GTZ tài trợ, Dự án Quản lý và trồng rừng tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên do Tổ chức Hợp tác Tài chính Đức tài trợ và chương trình thí điểm về QLRCĐ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn do TFF tài trợ.

Tài liệu Hướng dẫn này được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Quảng Bình về công tác giao đất giao rừng (GDGR) trong những năm vừa qua rừng và đất lâm nghiệp đã và sẽ giao cho hộ gia đình cá nhân quản lý và sử dụng.

Do đó, thuật ngữ **Quản lý rừng cộng đồng** trong tài liệu này được hiểu là hình thức các chủ rừng cá thể thành lập thành các nhóm sử dụng rừng cùng tham gia vào công tác quản lý rừng. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất cũng như việc hưởng lợi từ rừng vẫn duy trì ở cấp hộ gia đình, cá nhân. Chúng tôi chân thành cảm ơn tất cả các thành viên đã cung cấp những kinh nghiệm quý báu để chúng tôi có được kết quả này.

Để phương pháp quản lý rừng cộng đồng được thực hiện có hiệu quả tại các thôn bản. Trong thời gian qua dự án SMNR-CV phối hợp với Sở Nông nghiệp - Chi cục kiểm lâm tỉnh, các thành viên Nhóm tham vấn lâm nghiệp đã tiến hành điều chỉnh nhiều lần và đã được thống nhất tại Hội thảo cấp tỉnh ngày 18/5/2009 tại Thành phố Đồng Hới.

Chúng tôi hy vọng rằng Tài liệu hướng dẫn này sẽ góp phần xây dựng các quy trình liên quan tiếp theo sau khi thực hiện GDGR nhằm đảm bảo việc sử dụng và phát triển nguồn tài nguyên rừng một cách bền vững và có hiệu quả kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến nhận xét, đóng góp của quý cơ quan, ban ngành và các đồng nghiệp để tiếp tục hoàn thiện quy trình lập kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về:

Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung (SMNR-CV)

Số 6, Phan Chu Trinh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

ĐT: ++ 84 52 840773

Fax: ++ 84 52 840772

Email: office@smnr-cv.org.vn

hjwiemer@smnr-cv.org.vn

hop.nguyen@smnr-cv.org.vn

Nhóm tác giả:

Chỉnh lý tài liệu:

Björn Wode, Marianne Meijboom, Nguyễn Văn Hợp, Vũ Văn Mạnh
Ts. Hans-Juergen Wiemer, Nguyễn Viết Nhung, Trần Vĩnh Đức,
Nguyễn Văn Long, Trần Chí Phương, Phùng Văn Bằng

DANH SÁCH NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

QLRCĐ	Quản lý rừng cộng đồng
BQLR	Ban quản lý rừng
UBND	Ủy ban nhân dân
Sở NN-PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
DBH	Chiều cao đường kính ngang ngực (độ cao 1.3 m)
ĐTQHR	Điều tra quy hoạch rừng
GĐGR	Giao đất giao rừng
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
QUBVPTR	Quy ước bảo vệ phát triển rừng
KL	Kiểm lâm
GIS	Hệ thống thông tin địa lý toàn cầu
GPS	Hệ thống định vị địa lý
GTZ	Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức
KFW	Tổ chức Hợp tác Tài chính Đức
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
Phòng TNMT	Phòng Tài nguyên môi trường
QHSDĐ	Quy hoạch sử dụng đất
SMNR-CV	Dự án quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
TQLR	Tổ quản lý rừng

Giới thiệu

Cuốn tài liệu này phản ánh tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và giới thiệu khái niệm về QLRCĐ, Trình tự, thủ tục hành chính và hướng dẫn quy trình lập kế hoạch QLRCĐ có sự tham gia của người dân. Tài liệu này gồm hai phần: Phần I giới thiệu tổng quan các bước về QLRCĐ; Phần II giới thiệu một số bài thực hành để tiến hành đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia và xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm. Ngoài ra, cuốn tài liệu còn có một số phụ lục, một số biểu mẫu cần thiết đối với công tác QLRCĐ.

Điều quan trọng là quy trình lập kế hoạch được nêu trong tài liệu này chỉ là một phần của quá trình lập kế hoạch có sự tham gia bắt đầu từ công tác GĐGR¹ và xây dựng QJ'BPTR². Do cuốn tài liệu này sử dụng các kết quả đầu ra của quy trình lập kế hoạch trước đây và các kết quả đầu ra này sẽ được hoàn tất trước khi thực hiện QLRCĐ. Vì vậy, sử dụng tài liệu này cần phải đánh giá thực trạng lập kế hoạch tại thôn, bản trước khi thực hiện bất cứ các hoạt động nào có liên quan đến QLRCĐ.

Trước khi thực hiện công tác QLR thì những thông tin về diện tích, tình trạng sở hữu rừng, chức năng rừng và sự phân bố các trạng thái rừng cần phải được xác định và được công nhận về mặt pháp lý. Quá trình này được thực hiện tại giai đoạn QHSDĐ-GĐGR

Trên cơ sở những kết quả của việc QHSDĐ-GĐGR, quyền và nghĩa vụ liên quan sẽ được thông tin đến cộng đồng dân cư để người dân chủ động quản lý bền vững tài nguyên rừng tại thôn, bản của họ. Do đó, cần phải xây dựng khung pháp lý về quyền và lợi ích của người dân về QLSD rừng.

QLRCĐ là một khái niệm khá mới ở Việt Nam nói chung và mới đối với tỉnh Quảng Bình nói riêng. Vì vậy, QLRCĐ cần được thực hiện thí điểm và giám sát chặt chẽ để đánh giá tiềm năng trong việc tăng cường công tác quản lý rừng, bao gồm cả việc BV&PTR, đồng thời nâng cao lợi ích cho người dân từ tài nguyên rừng mà họ quản lý.

Tài liệu hướng dẫn này là một công cụ cho cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn người dân xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ như: Cán bộ dự án, cán bộ khuyến lâm, cán bộ các phòng ban cấp huyện hoặc cán bộ xã.

Bối cảnh công tác quản lý rừng cộng đồng ở tỉnh Quảng Bình

Thuật ngữ **Lâm nghiệp cộng đồng** thường đề cập đến công tác quản lý rừng mà trong đó toàn thể cộng đồng dân cư thôn, bản được giao quyền quản lý, sử dụng tài nguyên rừng nhằm đảm bảo các lợi ích môi trường và đóng góp vào cải thiện đời sống của chính họ... Tuy nhiên, trong bối cảnh của tỉnh Quảng Bình, hầu hết đất lâm nghiệp đã và sẽ được giao cho các hộ gia đình cá nhân theo từng lô có diện tích khá nhỏ. Việc giao rừng cho toàn bộ cộng đồng dân cư chưa được thực hiện hoặc thực hiện còn rất hạn chế. Trong quy trình GĐGR, việc phân chia diện tích đất lâm nghiệp thành từng lô nhỏ cho các hộ gia đình sẽ đảm bảo được tính công bằng. Tuy nhiên, thực trạng này sẽ kéo theo những khó khăn, bất cập trong công tác quản lý sử dụng rừng của người dân cũng như công tác giám sát của các cấp quản lý.

Trước thực tế này, việc liên kết các hộ gia đình có diện tích rừng liền kề nhau thành từng Nhóm để cùng nhau quản lý sử dụng, đặc biệt là việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh được xem là cách thức quản lý có tính thực tế và khá thuận lợi. Việc thành lập nhóm hộ và lập kế hoạch theo nhóm hộ được nêu rõ trong nội dung của tài liệu này.

Khái niệm sở hữu cá nhân nhưng tham gia bảo vệ và quản lý chung thường đề cập đến QLRCĐ khác với khái niệm Lâm nghiệp cộng đồng như đã trình bày trên đây.

¹ Xem chi tiết trong tài liệu hướng dẫn cấp tỉnh về Quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng (theo Quyết định 2311/QĐ-SNN ban hành ngày 16/12/2008)

² Xem chi tiết trong tài liệu hướng dẫn cấp tỉnh về xây dựng Quy ước bảo vệ và Phát triển Rừng (theo Quyết định 261/QĐ-SNN ban hành ngày 20/03/2008)

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Cơ sở hỗ trợ thực hiện QLRCĐ

Trước đây, nhà nước chịu trách nhiệm về phát triển, bảo tồn và quản lý rừng thông qua các doanh nghiệp nhà nước. Hiểu một cách chung nhất thì Nhà nước có thể đảm bảo tốt nhất công tác quản lý rừng vì những lí do sau đây: 1) Quản lý rừng là một công tác phức tạp; rừng phải đảm bảo nhiều chức năng về sản xuất, bảo tồn đa dạng sinh học cũng như đảm bảo chức năng về bảo vệ môi trường; 2) Rừng không chỉ đóng vai trò quan trọng trong phạm vi hẹp mà còn đảm bảo một số chức năng bảo vệ môi trường trong khu vực; 3) Chu kỳ sản xuất kinh doanh dài.

Khả năng quản lý và áp dụng kỹ thuật vào sản xuất của người dân địa phương vẫn còn hạn chế, họ chưa đủ khả năng để xem xét, nhận thức đúng tầm quan trọng của rừng trên địa bàn dẫn đến hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng hiệu quả chưa cao.

Tuy nhiên phải thừa nhận thực tế là người dân sống ở vùng miền núi cần phải tiếp cận lâm sản để đảm bảo những nhu cầu thiết yếu hàng ngày, từ đó họ nhận thấy được sự cần thiết phải quản lý rừng một cách bền vững. Ngoài ra, tài nguyên rừng chủ yếu được quản lý bởi các doanh nghiệp nhà nước đã xuất hiện mâu thuẫn về lợi ích của người dân sống liền kề về nhu cầu sử dụng lâm sản và sinh kế của người dân, đây được xem là một trong những nguyên nhân rừng quản lý sử dụng thiếu hiệu quả. Vì thế, nhà nước đang rà soát, sắp xếp đổi mới các nông lâm trường quốc doanh, rà soát lại đất lâm nghiệp là đất rừng sản xuất để giao cho các hộ gia đình cá nhân, các nhóm hộ hoặc cộng đồng thôn, bản... để họ trực tiếp quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý rừng và đồng thời cải thiện sinh kế của người dân. Đối với rừng đặc dụng và rừng phòng hộ chủ yếu vẫn chịu sự quản lý của Nhà nước nhằm đảm bảo hiệu quả và duy trì các chức năng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

Một số nguyên tắc cơ bản

Tài liệu hướng dẫn QLRCĐ được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản sau đây:

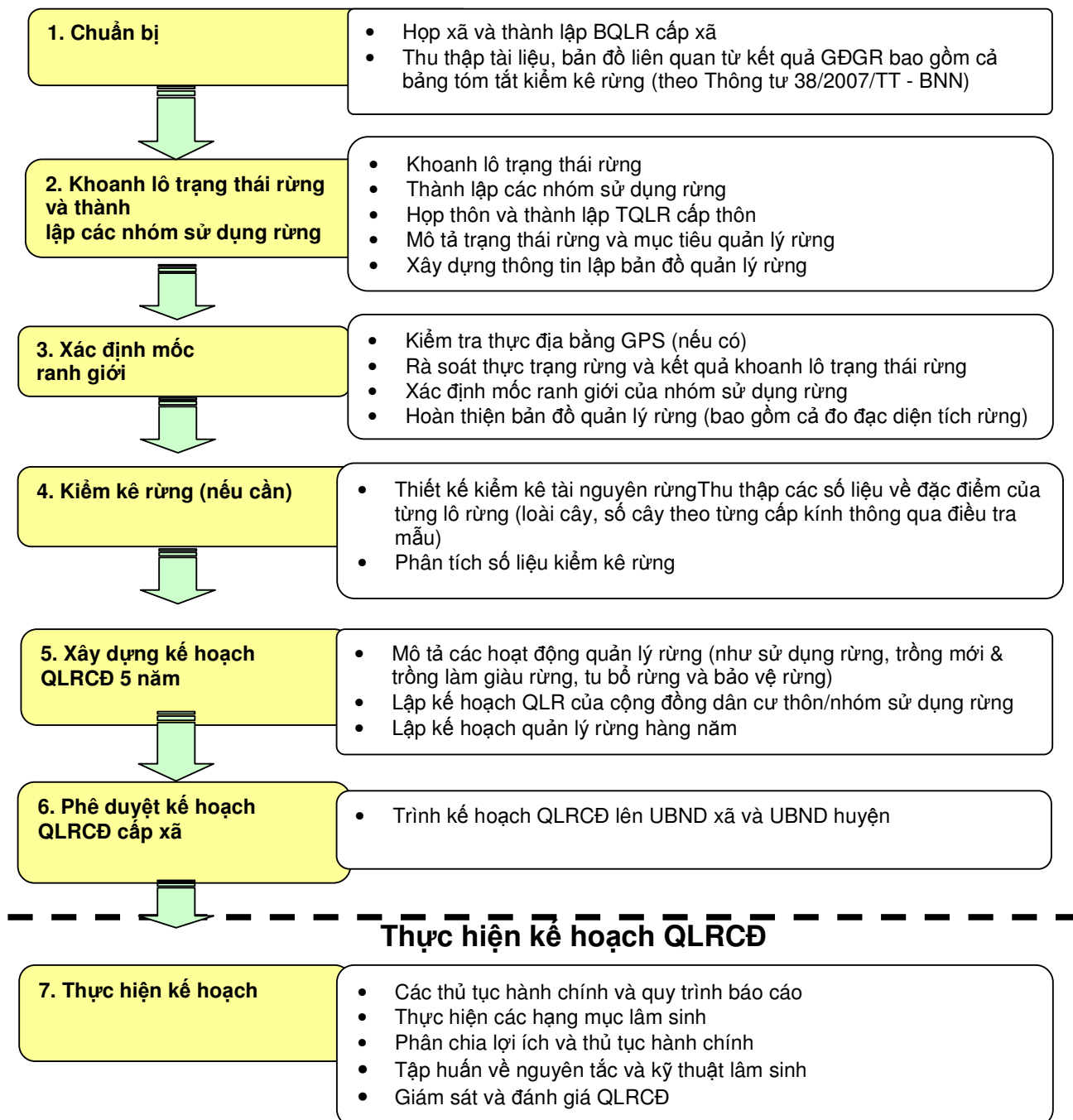
1. **Đảm bảo có sự tham gia của người dân** - người dân cần tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch quản lý rừng. Nếu như người dân quan tâm đến việc quản lý rừng và không tự chủ trong quá trình thực hiện thì họ sẽ không thực hiện QLRCĐ một cách tích cực.
2. **Đơn giản** – nhằm giúp người dân hiểu làm cái gì, làm như thế nào và họ có thể tự thực hiện được.
3. **Chi phí hợp lý** – nhằm đảm bảo nguồn lực hiện có để thực hiện quy trình QLRCĐ.
4. **Khoa học** – nhằm đảm bảo rằng việc lập kế hoạch QLRCĐ sẽ cung cấp những thông tin cần thiết cho công tác quản lý rừng đảm bảo tính khả thi.
5. **Tăng cường công tác quản lý rừng bền vững**, giúp giảm thiểu tác động xấu đến khả năng cung cấp lâm sản và dịch vụ môi trường.
6. **Phản ánh nhu cầu** về tiếp cận và sử dụng lâm sản của người dân địa phương.
7. **Đảm bảo tính pháp lý**: QLRCĐ phù hợp với khung chính sách pháp lý hiện hành.

Vai trò của người hướng dẫn

Tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi địa phương, các ban ngành, đơn vị khác nhau có thể tham gia hỗ trợ và hướng dẫn lập kế hoạch QLRCĐ tại thực địa. Cùng với cán bộ xã, các phòng, ban ngành liên quan cấp huyện như: Phòng TNMT, Hạt KL, Phòng NN&PTNT có thể hỗ trợ và hướng dẫn người dân xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ. Điều quan trọng nhất là các kế hoạch QLRCĐ được xây dựng phải phản ánh các mối quan tâm của các nhóm sử dụng rừng hoặc của cộng đồng dân cư thôn, bản và phải dựa trên cơ sở nguồn tài nguyên rừng hiện có. Mục đích dài hạn của công tác QLRCĐ, như nâng cao hiệu quả quản lý rừng và cải thiện sinh kế, chỉ có thể đạt được khi thực hiện dựa trên mối quan tâm của người dân và căn cứ vào hiện trạng rừng. Vì thế, cán bộ hướng dẫn QLRCĐ tại thực địa phải đảm bảo sự tham gia của tất cả các nhóm sử dụng rừng trong quá trình lập kế hoạch QLRCĐ, và đảm bảo công tác QLRCĐ được thực hiện phù hợp với các quy định luật pháp, đảm bảo trình tự và thực hiện theo các bước đề ra của quy trình QLRCĐ.

Phần I: Phương pháp lập và thực hiện kế hoạch QLRCĐ

Quy trình chính của công tác QLRCĐ hướng đến việc chấp thuận kế hoạch 5 năm, triển khai thực hiện kế hoạch và phân chia lợi ích được minh họa theo biểu đồ sau đây:



Hình 1: Các bước lập kế hoạch QLRCĐ

1. CHUẨN BỊ

Những hoạt động trong bước chuẩn bị:

1. *Họp xã và thành lập BQLR cấp xã*
2. *Thu thập và phân tích tài liệu, bản đồ liên quan*
3. *Tập huấn cho cán bộ xã, trưởng thôn và thành viên chủ chốt trong thôn*

1.1. Họp xã và thành lập BQLR cấp xã.

Tổ chức cuộc họp xã để thành lập BQLR cấp xã với các thành viên tham gia như: đại diện UBND xã, cán bộ Địa chính - Lâm nghiệp xã, cán bộ Hạt kiểm lâm sở tại hay cán bộ kiểm lâm địa bàn và đại diện các thôn bản liên quan.

Mục đích cuộc họp:

- 1) Thống nhất quy trình lập kế hoạch QLRCĐ (các bước, hoạt động và trình tự);
- 2) Thống nhất cách tổ chức xây dựng kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn xã;
- 3) Thành lập BQLR cấp Xã;
- 4) Phân công trách nhiệm thu thập các tài liệu và bản đồ liên quan
- 5) Thống nhất những khu vực/thôn phù hợp để xây dựng kế hoạch QLRCĐ
- 6) Thông báo cho cán bộ xã và các trưởng thôn về chương trình tập huấn lập kế hoạch QLRCĐ
- 7) Xây dựng kế hoạch và triển khai

Thống nhất quy trình lập kế hoạch QLRCĐ

Trước khi thực hiện lập kế hoạch QLRCĐ, các bên liên quan cần thống nhất thực hiện các quy trình lập kế hoạch QLRCĐ đã được nêu trong tài liệu. Điều chú ý là quá trình này có tầm quan trọng giống như kết quả đầu ra.

Thống nhất cách tổ chức triển khai thực hiện QLRCĐ trên địa bàn xã

QLRCĐ bao gồm một loạt các quy trình lập kế hoạch, báo cáo và giám sát của tất cả các cấp hành chính khác nhau (từ cấp cơ sở cho đến cấp huyện hoặc cấp tỉnh). Do đó, trách nhiệm của các Ban, Ngành chức năng là hỗ trợ các nhóm sử dụng rừng trong việc thực hiện trình tự, thủ tục hành chính và các quy trình kỹ thuật.

Trách nhiệm của cán bộ lâm nghiệp xã và cán bộ kiểm lâm địa bàn là hỗ trợ kỹ thuật và giám sát việc xây dựng cũng như thực hiện các kế hoạch QLRCĐ.

Các trưởng thôn và trưởng nhóm sử dụng rừng (thành lập tại mục 2) có trách nhiệm trực tiếp hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ, kể cả việc tổ chức các cuộc họp liên quan và báo cáo kịp thời cho cán bộ xã và cán bộ kiểm lâm.

Ngoài ra, trưởng nhóm sử dụng rừng và trưởng thôn cũng cần đảm bảo các kế hoạch QLRCĐ được trình lên UBND xã, sau khi các kế hoạch QLRCĐ được cấp huyện phê duyệt thì mới được phép tiến hành triển khai các kế hoạch QLRCĐ cũng như kế hoạch khai thác gỗ.

Thành lập BQLR cấp xã

Để đảm bảo cho việc chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện QLRCĐ ở các thôn bản. UBND xã cần có Quyết định thành lập BQLR để tham mưu cho UBND xã về các hoạt động QLRCĐ. (xem mẫu quyết định thành lập BQLR cấp xã trong Phụ lục 1).

- Nhiệm vụ và trách nhiệm chính của BQLR cấp xã bao gồm: Chỉ đạo và hỗ trợ xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện QLRCĐ trên địa bàn xã.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

- Kiểm tra, thẩm định và thông qua các đề xuất xin khai thác gỗ Kiểm tra, thẩm định và trình các kế hoạch QLRCĐ lên chính quyền cấp huyện.
- Đảm bảo các hoạt động QLRCĐ được thực hiện theo các điều luật quy định của Nhà nước.

Thành viên BQLR cấp xã nên bao gồm:

- Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND xã - làm Trưởng ban.
- Cán bộ Địa chính - làm Ban viên.
- Cán bộ Kiểm lâm địa bàn - làm Ban viên.
- Cán bộ Lâm nghiệp xã - làm Ban viên.
- Các Trưởng thôn. - làm Ban viên.

Thống nhất khu vực/thôn phù hợp để xây dựng kế hoạch QLRCĐ

Các kế hoạch QLRCĐ có thành công hay không là phụ thuộc vào nhiều yếu tố và được xem xét trong suốt quá trình lựa chọn, ví dụ như:

- Rừng có trữ lượng và người dân có thể hưởng lợi từ khai thác lâm sản để sử dụng hoặc bán.
- Đời sống của người dân phụ thuộc vào tài nguyên rừng và họ nhận thức được tính cần thiết phải quản lý rừng theo hướng bền vững.
- Những nơi có mối liên kết xã hội mạnh mẽ giữa các cá nhân người dân trong cộng đồng dân cư hay nhóm hộ sử dụng rừng.

Lập kế hoạch QLRCĐ phải xuất phát từ hiện trạng rừng và nhu cầu của người dân. Do đó, cần phải trình bày quan điểm cũng như các mục tiêu của QLRCĐ cho người dân biết trước khi họ quyết định thực hiện QLRCĐ.

Đối với vấn đề hưởng lợi lâu dài nằm ngoài chỉ tiêu kế hoạch của các bên liên quan cần phải được trình bày chi tiết. Sau đó, trên cơ sở cuộc họp này đại diện của thôn truyền đạt cho người dân trong thôn và hỗ trợ họ trong quá trình quyết định. Phát thêm tờ rơi hướng dẫn nhằm đảm bảo thông tin được phổ biến đầy đủ trong cuộc họp thôn.

Lập kế hoạch hoạt động cấp xã

Sau khi đã chọn được thôn, bản BQLR cấp xã cần lập dự thảo kế hoạch thực hiện như: tiến độ, trách nhiệm, vị trí và kinh phí cần thiết cho việc tổ chức các cuộc họp.

Đối với công tác thực địa, cần chuẩn bị bản đồ GDGR của thôn/xã, sơ đồ thôn, bản sẽ được sử dụng để xây dựng kế hoạch QLRCĐ và lựa chọn địa điểm tiến hành kiểm kê rừng.

Thu thập và phân tích thông tin hiện có

Sau khi BQLR cấp xã hoàn thành việc thu thập số liệu thì tiến hành phân tích sơ bộ số liệu dưới dạng tổng hợp thông tin của từng thôn theo mẫu dưới đây:

Bảng 1: Thống kê rừng và đất lâm nghiệp đã giao của thôn.

Thôn:

Xã:

Người sử dụng rừng (Hộ, nhóm hộ,)	Địa danh địa phương	Địa danh			Diện tích (ha)	Trạng thái rừng
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Kế hoạch hoạt động xây dựng kế hoạch QLRCĐ tại thôn, bản

Quá trình xây dựng kế hoạch QLRCĐ cần lưu ý về mặt thời gian, sắp xếp thời gian phải phù hợp với thực tiễn của cộng đồng. Cần tránh thực hiện vào thời gian cao điểm nông vụ hoặc những ngày sinh hoạt cộng đồng.

1.2. Thu thập tài liệu có liên quan

Để việc lập kế hoạch QLRCĐ cũng như giúp các cuộc họp thôn đạt được mục tiêu thì BQLR cấp xã cần thu thập trước các tài liệu và bản đồ liên quan sau:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.
- Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của xã (nếu có)
- Tài liệu địa chính liên quan đến GDGR gồm: danh sách nhận đất nhận rừng, diện tích, trạng thái rừng.
- Bản đồ hiện trạng rừng dựa trên kết quả phân loại ba loại rừng năm 2007.
- Một số chính sách lâm nghiệp liên quan như: Luật BV&PTR (25/2004/L-CTN), Quyết định 178/2001/QĐ-TTg, Quyết định 186/2006/QĐ-TTg, Quyết định 40/2005/QĐ-BNN...
- Quy ước BV&PTR được UBND huyện phê duyệt của tất cả các thôn tham gia thực hiện kế hoạch QLRCĐ.
- Các bản đồ phác thảo đã được xây dựng trong quá trình xây dựng QUBV&PTR nếu có.

1.3. Tập huấn cho thành viên BQLR cấp xã và TQLR thôn

Tổ chức tập huấn cho TQLR cấp thôn, BQLR cấp xã về quy trình và các kỹ năng, kỹ thuật cần thiết về xây dựng kế hoạch QLRCĐ, nội dung của khoá tập huấn như sau:

- Những nguyên tắc cơ bản về QLRCĐ và cách áp dụng thực tế.
- Các bước triển khai, hoạt động và thủ tục trong lập kế hoạch QLRCĐ.
- Luật và các Chính sách liên quan đến QLRCĐ (Luật BV&PTR theo lệnh Số 25/2004/L-CTN), Quyết định 178/2001/QĐ-TTg về quyền hưởng lợi của người dân và Quy phạm khai thác lâm sản.
- Những công cụ áp dụng trong xây dựng kế hoạch QLRCĐ có sự tham gia.

2. KHOANH LÔ RỪNG VÀ THÀNH LẬP CÁC NHÓM SỬ DỤNG RỪNG/TQLR CẤP THÔN

Những hoạt động:

- 1. Khoanh lô trạng thái rừng*
- 2. Mô tả đặc điểm lô rừng và đánh giá hiện trạng lô rừng*
- 3. Thành lập các nhóm hộ sử dụng rừng*
- 4. Họp thôn và thành lập TQLR cấp thôn*
- 5. Xác định mốc ranh giới giữa các nhóm hộ*

2.1 Khoanh lô trạng thái rừng

Đầu tiên là rà soát diện tích các loại rừng khác nhau cũng như hình thức sở hữu tương ứng đối với từng diện tích rừng. Đây là cơ sở để thành lập các nhóm hộ, xây dựng kế hoạch và xác định mức hưởng lợi của người dân khi khai thác lâm sản.

Khoanh lô trạng thái rừng là việc xác định rãnh giới những diện tích rừng có cùng **trạng thái** và **loại rừng**. Từ đó, tiến hành kiểm kê rừng cho từng đơn vị quản lý độc lập và xây dựng kế hoạch quản lý rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

2.2 Mô tả đặc điểm lô rừng.

Việc xác định lô quản lý rừng được thực hiện ở bước nêu trên đòi hỏi cần có sự kiểm tra thực địa liên quan đến trạng thái và loại rừng dựa theo mẫu mô tả lô rừng. Quá trình thực hiện này do cán bộ kiểm lâm địa bàn và TQLR cấp thôn tiến hành.

Mô tả đặc điểm lô rừng nhằm phân tích những tiềm năng và khó khăn đối với các lô rừng cụ thể để xác định mục tiêu quản lý.

Công tác kiểm tra thực địa cần phải được thực hiện vì thông tin từ các bản đồ hiện có có thể không đủ chi tiết hoặc là không còn phù hợp nữa.

Trong trường hợp nếu công tác kiểm tra thực địa có những thay đổi so với kết quả của tài liệu hiện có thì cần tiến hành điều chỉnh thông tin.

Trong quá trình kiểm tra thực địa cần xác định lại ranh giới lô theo chủ sở hữu rừng được ghi trong sổ đỏ và phải đánh dấu lại mốc ranh giới để tránh tranh chấp trong quá trình QLRCĐ.

2.3 Thành lập nhóm hộ.

Trong trường hợp tài nguyên rừng được giao cho cộng đồng dân cư thôn bản thì việc thành lập Nhóm hộ quản lý không cần thiết mà chúng ta tiến hành lập kế hoạch QLR cho cả thôn trên cơ sở việc khoanh vẽ lô trạng thái rừng.

Trường hợp rừng đã được giao cho từng hộ cá thể thì cần phải tổ chức họp thôn để nêu rõ những khó khăn và thuận lợi của công tác quản lý rừng theo nhóm hộ cho người dân hiểu rõ. Sau khi người dân hiểu được khái niệm quản lý rừng có sự tham gia, cán bộ hướng dẫn hỗ trợ thành lập các nhóm hộ trên cơ sở nhu cầu của người dân. Những hộ nhận các lô rừng gần nhau nên lập thành một nhóm để cùng nhau quản lý sử dụng. Đặc biệt, những diện tích rừng tương đối xa khu dân cư thường rất khó quản lý theo từng hộ. Vì vậy, những diện tích này nên thành lập theo từng nhóm hộ để có điều kiện quản lý và sử dụng có hiệu quả hơn.

Quá trình thành lập nhóm hộ được quyết định tại các cuộc họp thôn với sự tham gia của tất cả các hộ nhận rừng, việc thành lập nhóm hộ cần phải được thảo luận, thống nhất và bầu ra trưởng nhóm.

Thành lập nhóm hộ

Đất lâm nghiệp ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã được giao cho từng hộ gia đình theo những dải dài và hẹp. Cho dù việc GDGR như vậy đảm bảo được tính công bằng, tuy nhiên trên thực tế hình thức này lại hạn chế công tác quản lý và sử dụng rừng do ranh giới giữa các lô thường không rõ ràng hoặc khó duy trì. Vì thế, những hộ gia đình được nhận đất, nhận rừng theo hình thức này nên lập thành từng nhóm sử dụng rừng để cùng quản lý phần diện tích đất được giao. Nhóm hộ cùng nhau xác định rõ ranh giới diện tích của cả nhóm và chia sẻ trách nhiệm bảo vệ cũng như vấn đề hưởng lợi từ rừng. Mỗi nhóm bầu ra một trưởng nhóm- đóng vai trò là người liên hệ và chịu trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ với sự tham gia của tất cả các thành viên trong nhóm. Các thành viên trong nhóm nên cùng nhau thảo luận kỹ và thống nhất về vấn đề chia sẻ trách nhiệm và lợi ích từ việc cùng quản lý rừng; ví dụ: *trách nhiệm của các thành viên trong nhóm là thay phiên nhau đi tuần tra, bảo vệ diện tích rừng của nhóm.*

2.4 Họp thôn và thành lập TQLR cấp thôn.

Trước khi thực hiện quy trình QLRCĐ tại thôn, bản cần phải tổ chức họp thôn với sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể, các chủ hộ được GDGR và các trưởng nhóm sử dụng rừng. Cán bộ hướng dẫn sẽ điều hành cuộc họp với sự hỗ trợ của trưởng thôn.

Mục đích của cuộc họp nhằm:

- 1) Giới thiệu chung về QLRCĐ cho người dân trong thôn.
- 2) Thảo luận những vấn đề tổ chức thực hiện QLRCĐ và thành lập TQLR cấp thôn.
- 3) Xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc lập kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Giới thiệu chung về QLRCĐ cho người dân trong thôn

Cán bộ hướng dẫn giới thiệu tổng quan về QLRCĐ và giải thích về các bước, các hoạt động trong xây dựng kế hoạch QLRCĐ. Ngoài ra, cán bộ hướng dẫn cũng cần làm rõ về các vấn đề liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ và chính sách hưởng lợi của người dân trong quản lý, sử dụng rừng.

Tổ chức thực hiện kế hoạch QLRCĐ và thành lập Tổ QLR cấp thôn

Thôn, bản là đơn vị thực hiện QLRCĐ như việc bảo vệ, lập kế hoạch, báo cáo và sử dụng tài nguyên rừng. Quá trình này cần phải có sự hướng dẫn của các ban, ngành chức năng và sự phối hợp của các hộ gia đình cá thể hoặc của nhóm hộ.

Ở các thôn, bản có rừng do nhóm hộ quản lý thì việc thành lập TQLR cấp thôn là không bắt buộc và tùy thuộc vào yêu cầu của các nhóm hộ sử dụng.

Ở các thôn, bản mà tài nguyên rừng do cộng đồng dân cư cùng quản lý thì bắt buộc phải thành lập TQLR cấp thôn.

TQLR cấp thôn làm đầu mối liên lạc với cơ quan hành chính và các nhóm... để có được những thông tin về việc triển khai thực hiện trên thực địa.

TQLR cấp thôn được thành lập trên cơ sở thống nhất của người dân thông qua các cuộc họp thôn và được UBND xã ra quyết định thành lập (phụ lục 2).

Nhiệm vụ của TQLR cấp thôn như sau:

- Hỗ trợ các nhóm hộ trong việc xây dựng các kế hoạch QLRCĐ.
- Trình các kế hoạch QLRCĐ 5 năm của thôn, bản lên BQLR cấp xã.
- Phối hợp với BQLR cấp xã, giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn.
 - Thu thập, tổng hợp và trình BQLR cấp xã các đề xuất xin khai thác lâm sản chóc ac nhóm để triển khai thực hiện.
 - Theo dõi, cập nhật kết quả những hoạt động đã được thực hiện.

Thành viên TQLR cấp thôn nên bao gồm:

- Trưởng thôn
- Đại diện các tổ chức đoàn thể
- Từ 2-3 người dân chủ chốt

Tiêu chí chọn lựa những người dân chủ chốt như sau:

- Hiểu rõ về tài nguyên rừng của thôn.
- Được người dân trong thôn tín nhiệm.
- Năng động và quan tâm đến QLRCĐ.

2.5 Xác định mốc ranh giới giữa các nhóm sử dụng rừng.

Tài nguyên rừng chỉ có thể được quản lý sử dụng hiệu quả khi ranh giới giữa các hộ, nhóm hộ được xác định và đánh dấu rõ ràng, dễ nhận thấy trên thực địa.

Ranh giới giữa các nhóm hộ cần phải được đánh dấu trên thực địa bởi vì công tác quản lý, sử dụng rừng, cũng như việc giám sát đánh giá sẽ do nhóm hộ tiến hành.

Trong trường hợp nhóm hộ xác định được các quy định cụ thể về vấn đề hưởng lợi theo hộ dựa trên số đo của từng hộ, thì bản thân các thành viên nhóm nên tìm ra biện pháp phù hợp để đánh dấu ranh giới hộ gia đình cá thể trong lô rừng quản lý.

Việc xác định ranh giới rừng của Nhóm hộ được tiến hành bằng máy định vị GPS dựa trên thông tin bản đồ GDGR.

Trong trường hợp nếu tất cả các ranh giới dễ nhận biết như sông suối, đường giao thông việc đánh dấu mốc ranh giới sẽ được tiến hành trực tiếp trên thực địa.

3. KIỂM KÊ RỪNG CÓ SỰ THAM GIA.

Các hoạt động cần tiến hành:

1. Thiết lập ô tiêu chuẩn (ô mẫu) và đánh giá tài nguyên rừng.
2. Phân tích số liệu và xác định mức khai thác bền vững

3.1 Kiểm kê rừng

Các số liệu chính xác về tài nguyên rừng hiện có rất quan trọng đối với công tác quản lý rừng bền vững. Để có được số liệu tài nguyên rừng thì cần tiến hành kiểm kê rừng một cách chính xác.

Trong trường hợp đã thực hiện kiểm kê rừng toàn diện trong quá trình GDGR theo quy định của Thông tư 38/2007/TT-BNN, thì có thể sử dụng số liệu đó để xây dựng kế hoạch quản lý rừng 5 năm sau khi GDGR. Đối với đất lâm nghiệp có trạng thái IA, IB và IC không cần phải tiến hành công tác kiểm kê rừng.

Trong trường hợp đã hoàn thành GDGR thì sử dụng số liệu kiểm kê rừng từ cơ sở dữ liệu GDGR để xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm lần thứ nhất. Tất cả các kế hoạch QLRCĐ 5 năm đều do người dân thực hiện dưới sự giám sát của các cơ quan cấp huyện.

Kiểm kê tài nguyên rừng phải tuân thủ theo bảng mô tả kỹ thuật trong Phụ lục 7 Thông tư 38/2007/TT-BNN. Tuy nhiên, do QLRCĐ không yêu cầu số liệu về trữ lượng gỗ cho nên không cần thực hiện đo chiều cao của cây mà chỉ xác định đường kính thân cây theo từng cấp kính bằng cách sử dụng thước dây màu (*tham khảo tài liệu hướng dẫn cấp tỉnh về QHSDĐ và GDGR có sự tham gia*). Cán bộ kiểm lâm địa bàn hỗ trợ và phối hợp với người sử dụng rừng thực hiện trên thực địa.

Các ô mẫu có thể được phân bố theo lưới ô vuông mang tính hệ thống và bằng cách sử dụng máy định vị GPS (nếu có sẵn) hoặc có thể đặt trên các đường cắt ngang theo độ dốc địa hình và có tính đại diện cao. Dung lượng (số lượng) ô mẫu do cán bộ chuyên môn xác định với tổng diện tích ô mẫu khoảng 0,75-1,5% diện tích rừng cần kiểm kê. Số lượng ô mẫu nhiều hay ít phụ thuộc vào tính đồng nhất của từng trạng thái rừng.

Ô mẫu được lập theo hình chữ nhật, có diện tích 500m² (20m x 25m). Có thể sử dụng dây thừng để định vị trí ô mẫu trên thực địa. Đối với những khu vực có độ dốc lớn thì cần tiến hành khống chế cự ly ngang để tính toán diện tích. Trong các ô mẫu, tiến hành đo đường kính ngang ngực của tất cả các cây có kích thước đường kính từ 8cm trở lên và xác định tên cây. Điều quan trọng là việc đo đạc phải chính xác và cẩn thận bởi vì kết quả đầu ra của các ô mẫu sẽ quyết định số lượng cây được khai thác mà không gây ra bất cứ tác động xấu nào đối với tài nguyên rừng.

Việc thu thập số liệu sẽ được thực hiện bởi nhóm điều tra gồm một cán bộ kỹ thuật và hai người dân.. Sự tham gia tích cực của người dân là yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo người dân nắm được kết quả đầu ra của công tác kiểm kê rừng, quyền sở hữu kết quả kiểm kê cũng như sẵn sàng thích nghi với những kết quả đó trong quá trình thực hiện kế hoạch QLRCĐ, mặt khác sẽ làm giảm gánh nặng cho các cơ quan chuyên môn.

3.2 Phân tích số liệu và xác định sản lượng gỗ khai thác bền vững

Khai thác gỗ là giải pháp lâm sinh quan trọng trong công tác quản lý rừng bền vững. Việc khai thác gỗ phải dựa trên tiêu chuẩn cụ thể và dễ dàng cho người sử dụng rừng và chính quyền địa phương thực hiện và giám sát, đánh giá.

Trong lâm nghiệp cộng đồng, các chỉ tiêu đơn giản nhưng chính xác là rất cần thiết bởi vì nó có thể: a) Đáp ứng được mọi nhu cầu của người sử dụng rừng; b) Đảm bảo tính bền vững của tài nguyên rừng.

Trong lâm nghiệp truyền thống, trữ lượng gỗ tính theo đơn vị mét khối để lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát. Sản lượng khai thác được tính m³/ha và cường độ khai thác được tính theo tỷ lệ % của sản lượng khai thác trên trữ lượng lô rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Việc cung cấp nhu cầu sử dụng gỗ theo từng cấp kính rất quan trọng, nó phản ánh nhu cầu đa dạng của người sử dụng rừng đồng thời đảm bảo tính bền vững của rừng mà phương pháp khác chưa đề cập đến.

Số cây trên một cấp kính là đơn vị cụ thể mà người dân và cán bộ hiện trường dễ dàng xác định được. Đồng thời, nó còn mang lại sự mô tả chính xác thực trạng và động thái phát triển của rừng mà chỉ dựa vào số liệu trữ lượng gỗ không thể thể hiện được.

Kết quả kiểm kê rừng được trình bày trên biểu đồ số cây theo cấp kính, còn sản lượng khai thác được tính bằng sự chênh lệch dôi ra trên thực tế với số thân cây được quy định trong mô hình rừng bền vững. Mô hình rừng bền vững thể hiện cấu trúc rừng phát triển tốt trên cơ sở quản lý bền vững. Xem mô tả chi tiết về khái niệm mô hình bền vững ở Phụ lục 3.

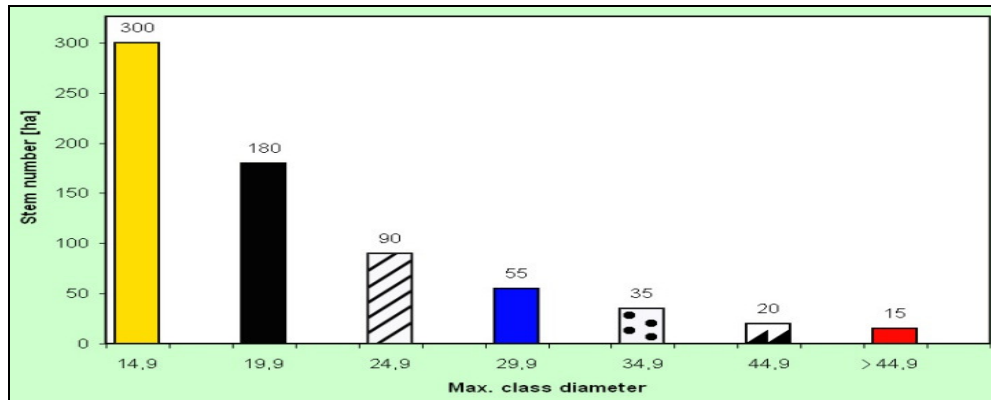
Hiện nay, phương pháp mô hình rừng bền vững được Bộ NN&PTNT áp dụng trong chương trình thí điểm lâm nghiệp cộng đồng. Tài liệu hướng dẫn chính thức của dự án được ban hành theo công văn 815/CV-LNCD ngày 12/06/2007 về việc áp dụng tài liệu này trên địa bàn 40 xã vùng dự án.

Sản lượng khai thác tối đa tại từng thời điểm được xác định bằng số cây của từng cấp kính dôi ra so với số lượng cây của mô hình rừng bền vững. Do đó, bất cứ khai thác cây ở cấp kính nào cũng đều nhằm mục đích điều chỉnh **cấu trúc rừng hiện có**, hướng đến mô hình rừng bền vững theo quy trình tía thưa lặp đi lặp lại. Như vậy, tất cả các kỹ thuật trong khai thác gỗ sẽ góp phần tu bổ rừng thay vì làm suy thoái tài nguyên rừng.

Mô hình rừng bền vững là công cụ giám sát hiệu quả, phù hợp với khả năng của cán bộ hiện trường cũng như người dân. Điều này giúp người dân nâng cao trách nhiệm và cảm thấy tự tin khi làm việc với các cơ quan chức năng (ví dụ như đề xuất xin khai thác gỗ...)

Tổng hợp kết quả kiểm kê rừng sẽ là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng, ước tính mức độ khai thác gỗ bền vững cũng như cung cấp thông tin cho thương mại sau này.

Mẫu mô hình rừng bền vững được trình bày dưới đây, các màu sắc thể hiện chỉ số cấp đường kính khi sử dụng thước đo cấp kính của cây.



Hình 2: Mẫu mô hình rừng bền vững

4. LẬP KẾ HOẠCH QLRCĐ 5 NĂM

Các hoạt động:

1. Xác định mục tiêu quản lý rừng.
2. Xác định sản lượng gỗ khai thác 5 năm.
3. Mô tả các hoạt động quản lý rừng.
4. Hoàn thiện kế hoạch QLRCĐ dân cư thôn, bản/nhóm sử dụng rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Trên cơ sở phân tích số liệu kiểm kê rừng, cần xây dựng các kế hoạch QLRCĐ cho từng đơn vị quản lý rừng. Xây dựng kế hoạch QLRCĐ 5 năm để đảm bảo tính ổn định cần thiết trong việc thực hiện nhất quán các hoạt động quản lý rừng theo hướng bền vững đã được nêu trong kế hoạch.

Các hoạt động lập kế hoạch QLRCĐ bao gồm xác định mục tiêu quản lý rừng, mô tả các hoạt động chính liên quan đến việc khai thác gỗ chọn lọc, trồng mới và trồng làm giàu rừng, tu bổ rừng, bảo vệ rừng, và cuối cùng là hoàn chỉnh kế hoạch QLRCĐ.

Kế hoạch QLRCĐ cung cấp mức hưởng lợi và các nhiệm vụ cụ thể cho người dân cũng như hỗ trợ cán bộ. Mặt khác, các căn cứ hành chính trong khai thác gỗ sẽ dựa trên cơ sở thông tin số lượng chính xác về điều kiện của tài nguyên rừng. Tiến hành công tác giám sát dựa trên việc thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm do người dân/ nhóm hộ chuẩn bị.

4.1 Xác định mục tiêu quản lý rừng

Xác định mục tiêu và định hướng phù hợp trong quản lý rừng đối với từng lô rừng, từng khu vực rừng là rất cần thiết. Nó sẽ giúp cho người dân quản lý và sử dụng một cách hiệu quả và bền vững về kinh tế và môi trường cho từng đối tượng rừng.

Xác định mục tiêu quản lý rừng cần phải nhìn thấy được cấu trúc của rừng trong tương lai và thực hiện công tác quản lý rừng một cách nhất quán trong suốt thời gian thực hiện kế hoạch. Do vậy mục tiêu QLR của các lô rừng, đối tượng rừng không nhất thiết giống nhau, mà nó phụ thuộc vào đối tượng rừng, mục đích sử dụng của người dân. Ví dụ: rừng có cây gỗ nhỏ thì sử dụng vào mục đích khai thác củi, rừng có cây gỗ lớn thì sử dụng vào mục đích khai thác gỗ xây dựng...

Mục tiêu quản lý rừng được xác định bằng câu hỏi: “Bà con muốn rừng của chúng ta cung cấp những sản phẩm gì và rừng sẽ như thế nào trong 20 - 30 năm nữa để cung cấp những sản phẩm này?”

Từ sự khác nhau giữa trạng thái rừng hiện có và trạng thái rừng mong muốn trong tương lai sẽ quy định phương pháp và các giải pháp quản lý.

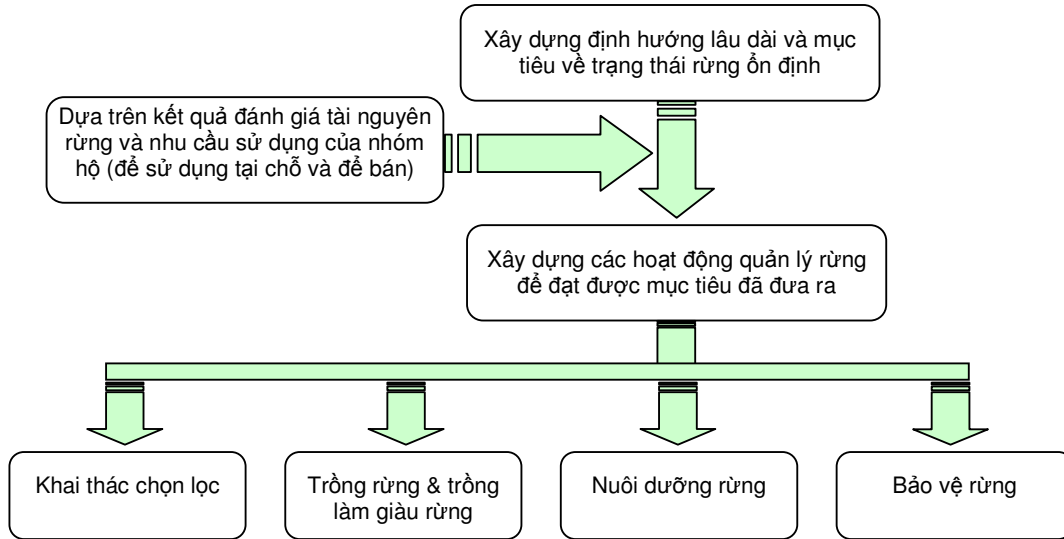
Bảng 2: Một vài ví dụ trong xây dựng mục tiêu và các hoạt động liên quan trên cơ sở hiện trạng rừng

Hiện trạng rừng thực tế	Mục tiêu quản lý rừng	Hoạt động chính
Rừng nghèo, trung bình và giàu	Rừng trung bình và giàu để khai thác gỗ, thu hái củi và các LSNG khác và bảo tồn đa dạng sinh học	Khai thác chọn lọc (trên cơ sở sơ đồ phân bố cấp kính DBH) Bảo vệ Nuôi dưỡng rừng (đặc biệt là đối với rừng có trạng thái < IIIA1)
IIA-III A1 Rừng nghèo	Rừng nghèo (IIB/IIIA1) để lấy củi, thu hái LSNG và khai thác những cây gỗ bé hơn theo hình thức chọn lọc	Nuôi dưỡng rừng (bao gồm tỉa thưa + tỉa cành để lấy củi và lấy đi những loài không cần thiết) Bảo vệ Trồng làm giàu rừng bằng các loài LSNG và cây lấy gỗ

Việc lập kế hoạch có sự tham gia sẽ giúp cho người dân hiểu được: làm thế nào và tại sao phải quyết định các hoạt động quản lý rừng nhằm đảm bảo nhu cầu và mong đợi của họ phù hợp với kết quả; các nhóm hộ có cơ hội để nói lên nhu cầu của họ cũng như áp dụng hiểu biết của họ vào quá trình này. Đồng thời nhóm hộ sẽ nhận thức được quyền sở hữu và sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm quản lý rừng về lâu dài.

Không có biện pháp hỗ trợ nào hơn việc bảo vệ rừng nhằm mục đích bảo tồn đa dạng sinh học ở các khu rừng núi đá vôi. Bởi vì, rừng núi đá vôi rất dễ suy thoái khi bị khai thác. Vì vậy, rừng núi đá vôi không nên đưa vào mục đích sử dụng gỗ mà đưa vào kinh doanh LSNG.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm



Hình 3: Tổng quan xây dựng mục tiêu quản lý rừng

4.2 Xác định sản lượng gỗ khai thác 5 năm.

Trên cơ sở phân tích số liệu kiểm kê rừng để xác định sản lượng gỗ có thể đưa vào khai thác (theo số cây chênh lệch giữa thực tế và mô hình rừng bền vững của từng cấp kính). Tuy nhiên, người sử dụng rừng không nhất thiết khai thác toàn bộ số cây này mà phải dựa vào nhu cầu để xác định sản lượng gỗ mà họ muốn khai thác trong 5 năm tới.

Trong trường hợp không đủ lâm sản cần nêu rõ những khó khăn và cơ hội hiện có của công tác quản lý rừng. Cần có biện pháp để khắc phục khó khăn cũng như có hoạt động để tận dụng lâm sản khác.

4.3 Mô tả các hoạt động quản lý rừng

Phần quan trọng nhất của kế hoạch QLRCĐ là xác định các giải pháp, tiến độ, khối lượng thực hiện hàng năm đối với từng đối tượng rừng, các giải pháp quản lý rừng được phân thành các nhóm như sau:

Khai thác gỗ: Khai thác gỗ có chọn lọc theo từng cấp kính, xác định đối tượng khai thác theo mục đích sử dụng rừng. Khai thác các cây gỗ già, ước tính kích thước cây, sản lượng khai thác và tiến hành khai thác.

Nuôi dưỡng rừng: Bao gồm các hoạt động như tỉa thưa, tỉa cành, luống vệ sinh rừng và cắt bỏ những cây phi mục đích, cây tại những vị trí có mật độ cao, nhằm điều chỉnh cấu trúc của rừng để thúc đẩy sự tăng trưởng tốt nhất của cây mục đích.

Trồng làm giàu rừng: Thường được tiến hành đối với những khu vực rừng nghèo đang phục hồi, cây mục đích có mật độ thấp hoặc là những khu vực rừng tái sinh kém. Hiệu quả của giải pháp trồng làm giàu rừng là thúc đẩy khả năng tái sinh và khả năng sản xuất của rừng nhằm đáp ứng nhu cầu lâm sản của người dân. Trồng làm giàu rừng bằng các loài lâm sản ngoài gỗ như song mây, có thể cung cấp và đáp ứng lợi ích ngắn hạn cho người dân.

Việc chọn loài cây trồng phụ thuộc vào mục đích sử dụng rừng. Đa số người dân đều thích trồng các loài cây có khả năng sinh trưởng nhanh, có chu kỳ kinh doanh ngắn từ 6 – 8 năm như: *Bạch đàn*, *Keo các loại*. Tuy nhiên cần khuyến cáo với người dân về tác động xấu đến môi trường của cây Bạch đàn như làm nghèo đất, Keo lai là loài cây mọc nhanh, đang được khuyến khích trồng nhiều nhưng cũng cần phải xem lại liệu việc trồng cây Keo lai sau một vài chu kỳ có để lại ảnh hưởng xấu đến chất lượng đất và nguồn nước hay không? Vì vậy, tốt nhất nên trồng xen nhiều loài hỗn giao có giá trị cao nhưng tăng trưởng chậm như Lát hoa (*Chukrasia tabularis*), Trâm dó

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

(*Aquilaria crassna*) hay một số loài khác để giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường và lợi ích lâu dài.

Bảo vệ rừng: Được quy định trong Quy ước BVPTN đã được phê duyệt. Tuy nhiên, một số hoạt động cụ thể như xây dựng băng cản lửa, xác định thời gian hoặc trách nhiệm bảo vệ rừng cần phải được bổ sung vào kế hoạch quản lý rừng (Xem chi tiết trong tài liệu hướng dẫn cấp tỉnh về Quy ước Bảo vệ Phát triển rừng).

Việc sử dụng **Lâm sản ngoài gỗ** không cần phải có quy định cụ thể về khối lượng (ví dụ như bao nhiêu kg, bao nhiêu sters...) thay vào đó cần phải nêu rõ các kỹ thuật khai thác có thể đảm bảo tính bền vững của tài nguyên rừng. Bởi vì, hiện nay không có một số liệu chính xác nào về mức độ khai thác cũng như không có các kỹ thuật kiểm kê rừng đối với hầu hết các loài LSNG.

4.4 Hoàn chỉnh kế hoạch QLRCĐ theo nhóm sử dụng rừng hoặc theo thôn, bản.

Sau khi thống nhất các hoạt động nêu trên cũng như biết được làm thế nào, khi nào thực hiện các hoạt động đó và thực hiện ở đâu, thôn, bản/ nhóm hộ cần tổng hợp tất cả các thông tin thành kế hoạch QLRCĐ mang tính toàn diện cho từng lô rừng. Tùy thuộc vào tài nguyên rừng tham khảo hai biểu mẫu khác nhau ở phụ lục 4.

Kế hoạch quản lý rừng phải được biên soạn thành tài liệu và cung cấp cho những ai có vai trò ra quyết định. Vì vậy, cần phải chi tiết bản kế hoạch theo từng nhóm hộ, nêu rõ các giải pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm đảm bảo tất cả các cấp quản lý hiểu rõ những gì cộng đồng đang làm và tại sao lại làm như vậy.

5. PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH QLRCĐ 5 NĂM

Các hoạt động:

1. Trình kế hoạch QLRCĐ lên UBND xã và UBND huyện
2. Phê duyệt kế hoạch QLRCĐ

5.1 Trình kế hoạch QLRCĐ lên UBND xã và UBND huyện.

Sau khi có sự thống nhất và hoàn thiện kế hoạch quản lý của từng nhóm hộ hoặc cả cộng đồng (tùy thuộc vào từng hình thức quản lý rừng của từng địa phương), TQLR cấp thôn/bản tiến hành tổng hợp thành bản KHQLR cho cả thôn, bản và trình kế hoạch quản lý rừng 5 năm lên UBND xã xem xét thông qua.

UBND xã thông qua kế hoạch QLRCĐ của các thôn, bản với sự tham mưu của BQLR cấp xã sau đó trình lên UBND huyện phê duyệt.

5.2 Phê duyệt kế hoạch QLRCĐ

Sau khi tiếp nhận kế hoạch QLRCĐ của xã, UBND huyện với sự tham mưu của Hạt Kiểm lâm, Phòng NN&PTNT và Phòng Tài nguyên môi trường (nếu cần thiết) để tiến hành thẩm định các nội dung của bản kế hoạch QLRCĐ của xã, trên cơ sở các văn bản thẩm định UBND huyện ra Quyết định phê duyệt kế hoạch QLRCĐ. Sau đó chuyển về cho UBND xã và các thôn, bản để triển khai thực hiện kế hoạch.

TQLR cấp thôn có trách nhiệm phổ biến kế hoạch đã được phê duyệt cho mọi người dân, các Nhóm hộ quản lý rừng trong thôn bản và lưu giữ để làm cơ sở triển khai thực hiện và tổ chức giám sát, đánh giá.

6. ĐỀ XUẤT XIN KHAI THÁC GỖ VÀ VẤN ĐỀ HƯỞNG LỢI

Các hoạt động cần tiến hành:

1. Đề xuất xin khai thác gỗ.
2. Cơ chế hưởng lợi.
3. Giám sát và đánh giá.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình

Chi cục kiểm lâm

Tuy tổng khối lượng gỗ khai thác đã được phê duyệt ở bản kế hoạch QLRCĐ, nhưng việc khai thác và sử dụng gỗ trên thực tế phải có đơn xin khai thác và quy trình báo cáo hàng năm. Trong trường hợp khai thác gỗ để bán thì cần phải thực hiện theo thủ tục và quy chế khai thác gỗ hiện hành. Trong tài liệu này, cơ chế hưởng lợi được trình bày trên cơ sở phù hợp với khung chính sách pháp lý về thuế tài nguyên rừng cũng như các chính sách bảo vệ, phát triển rừng.

Tuy nhiên, một số quy định được nêu sau đây khác với các chính sách hiện hành về vấn đề hưởng lợi theo Quyết định 178³ và những quy định này được hiểu như là những đề xuất góp phần xây dựng chính sách lâm nghiệp. Vì vậy, các quy trình được nêu trong tài liệu hướng dẫn này cần phải được UBND tỉnh thông qua trước khi áp dụng trên quy mô toàn tỉnh.

Cơ chế hưởng lợi quy định những lựa chọn cho: i) sử dụng gỗ để dùng và việc phân chia lợi ích nội bộ giữa các thành viên trong nhóm hộ; ii) sử dụng gỗ để bán có sự thống nhất về thuế giữa nhóm hộ và các cấp chính quyền.

Toàn bộ kế hoạch khai thác như: lựa chọn cây, tiến hành khai thác và viết báo cáo đều dựa vào số cây có khả năng khai thác theo từng cấp kính. Việc tính toán sản lượng gỗ để bán thì do cán bộ chuyên môn thực hiện phù hợp với các quy định về khấu trừ thuế tài nguyên rừng.

6.1 Đơn xin khai thác gỗ

Quy mô, thời gian, mục đích khai thác gỗ do người dân quyết định và đưa vào trong kế hoạch quản lý rừng hàng năm. Kế hoạch này phải được chính quyền cấp xã phê duyệt và gửi lên chính quyền cấp huyện để báo cáo.

Ít nhất 15 ngày trước khi khai thác, việc xác định, đánh dấu và lập danh sách các cây được khai thác phải được hoàn tất theo hướng dẫn của tài liệu kỹ thuật lâm sinh và kết quả lập kế hoạch phải được trình lên UBND xã.

Ngoài việc xác định mục đích của việc lập kế hoạch khai thác gỗ (để dùng hay để bán), công tác chuẩn bị và các bước đề xuất để khai thác gỗ phải được hoàn tất theo Bảng 4 từ điểm 1 đến điểm 3.

Thủ tục và quy trình khai thác gỗ.

Các thủ tục và quy trình khai thác lâm sản trong quản lý rừng cộng đồng được thực hiện theo Bảng 4 dưới đây.

³ 178/2001/QĐ-TTg về lợi ích và nghĩa vụ của các hộ gia đình, các cá nhân được giao, thuê, nhận khoán đất lâm nghiệp và rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Bảng 4: Thủ tục hành chính, các bước kỹ thuật của việc sử dụng rừng và vấn đề hưởng lợi trong QLRCĐ

TT	Nhiệm vụ	Mô tả	Trách nhiệm
1. Quy trình lập kế hoạch và chấp thuận của việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng			
1.1	Xây dựng kế hoạch quản lý rừng 5 năm	Xây dựng kế hoạch quản lý rừng 5 năm dựa trên việc đánh giá tài nguyên rừng về mặt kỹ thuật có sự tham gia tích cực của người dân.	TQLR cấp thôn, bản hỗ trợ về mặt tổ chức, người dân thực hiện, Hạt KL hỗ trợ về mặt kỹ thuật nếu cần.
1.2	Chấp thuận kế hoạch quản lý rừng 5 năm	Kế hoạch quản lý rừng 5 năm cần được cấp huyện phê duyệt	BQLR cấp xã có trách nhiệm thông báo và trình kế hoạch QLRCĐ lên UBND huyện; UBND huyện phê duyệt kế hoạch QLRCĐ 5 năm.
1.3	Xây dựng và chấp thuận kế hoạch hoạt động hàng năm	Kế hoạch quản lý rừng 5 năm sẽ được chia thành các kế hoạch hoạt động hàng năm và phải được cấp xã phê duyệt. Kế hoạch hoạt động hàng năm cần phải được trình lên Hạt KL trước khi tiến hành thực hiện các hoạt kỹ thuật lâm sinh trên thực địa.	TQLR cấp thôn, bản xây dựng và trình UBND xã phê duyệt và báo cáo UBND huyện và các phòng ban.
2. Chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động năm; đề xuất xin khai thác gỗ và báo cáo			
2.1	Hợp thôn/ nhóm hộ	Trình bày các hoạt động khai thác dự kiến của kế hoạch sắp tới dựa trên kế hoạch quản lý rừng 5 năm và kế hoạch hoạt động năm.	TQLR cấp thôn tổ chức họp thôn
2.2	Quyết định sử dụng lâm sản	TQLR cấp thôn tổ chức họp thôn để xác định nhu cầu sử dụng gỗ để dùng của tất cả các nhóm hộ. Trong trường hợp nhu cầu sử dụng gỗ để dùng cao nhưng khả năng cung cấp gỗ lại thấp hoặc không đủ thì không thể tiến hành bán gỗ trong giai đoạn lập kế hoạch. Việc bán gỗ phải được hiểu là số gỗ thừa sau khi nhu cầu tiêu thụ gỗ của người dân được đáp ứng.	TQLR cấp thôn tổ chức họp thôn/nhóm hộ; người dân xác định nhu cầu khai thác gỗ để dùng và để bán.
2.3	TQLR cấp thôn xác định các lô rừng được khai thác.	Trên cơ sở số liệu kiểm kê rừng của quá trình lập kế hoạch QLRCĐ, kế hoạch hoạt động năm và những chuyến khảo sát thực địa để xác định các lô rừng có khả năng khai thác gỗ.	TQLR cấp thôn họp; Hạt KL và BQLR cấp xã tư vấn.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

2.4	Lập kế hoạch khai thác gỗ và mạng lưới vận chuyên gỗ.	Lập kế hoạch khai thác gỗ và phân công nhiệm vụ cho tất cả các hoạt động liên quan đến khai thác gỗ (Kế hoạch khai thác gỗ) như: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đánh dấu cây, chặt bỏ cây leo, đốn cây, phát quang đường vận chuyển, vận chuyển gỗ, bảo quản... ▪ Quyết định thời gian, trách nhiệm, tài chính và địa điểm. 	TQLR cấp thôn hợp; BQLR xã, Hạt KL có trách nhiệm tư vấn
2.5	Đánh dấu cây và lập danh sách các cây sẽ khai thác.	Trên cơ sở kế hoạch khai thác gỗ, các hộ gia đình sẽ chọn những cây để khai thác (dựa trên tài liệu hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh). Các cây sẽ được đánh dấu bằng những con số tại chiều cao ngang ngực và dưới đường ghé bị đốn. Các cây được chọn cần phải được ghi chép thành 1 danh sách về số cây, loài cây, cấp đường kính (tham khảo đường kính ngang ngực ở phụ lục 4, bảng 5) Cán bộ kiểm lâm và BQLR cấp xã kiểm tra ngẫu nhiên kết quả đánh dấu cây của người dân có đảm bảo theo kế hoạch đã được duyệt và có văn bản thẩm định.	TQLR cấp thôn giám sát việc thực hiện; Hạt KL và BQLR cấp xã chỉ giám sát một cách ngẫu nhiên việc thực hiện.
2.6	Trình kế hoạch khai thác gỗ lên chính quyền xã và chính quyền huyện để phê duyệt, theo dõi và giám sát.	Theo nguyên tắc, mỗi thôn chỉ thực hiện việc khai thác gỗ để bán một năm một lần nhằm hạn chế thời gian và nguồn tài nguyên theo quy định hành chính. Kế hoạch khai thác gỗ và danh sách các cây được chọn để khai thác phải được trình lên cấp xã, sau đó sẽ trình lên hạt KL. Kế hoạch khai thác gỗ phải phù hợp với chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm và kế hoạch hoạt động năm. Kế hoạch khai thác gỗ được trình lên các cấp chính quyền ít nhất là ba tuần trước khi khai thác. Cơ quan chức năng sẽ tiến hành đánh giá kế hoạch khai thác gỗ và so sánh số lượng cây được khai thác ở mỗi lô rừng dựa trên kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch quản lý rừng 5 năm của từng lô rừng. Khi có văn bản thẩm định của chính quyền xã và các cơ quan chuyên môn thì việc khai thác gỗ mới được tiến hành.	TQLR cấp thôn tổng hợp đánh dấu cây và số liệu lập kế hoạch khai thác, sau đó trình BQLR cấp xã; BQLR cấp xã trình Hạt KL để họ nắm thông tin kịp thời. Hạt KL có thể chỉnh sửa lại việc đánh dấu cây trên thực địa nếu cần.
2.7	TQLR cấp thôn tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác gỗ	TQLR cấp thôn tổ chức họp thôn và thảo luận thời gian và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các hộ gia đình.	TQLR cấp thônTQLR cấp thôn tổ chức họp thôn; người dân xác định thời gian thực hiện và trách nhiệm.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

3. Các hoạt động khai thác gỗ			
3.1	Tiến hành khai thác gỗ	<p>Tiến hành khai thác các cây đã được đánh số theo văn bản thẩm định và dựa trên tài liệu hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh.</p> <p>Tiến hành cắt khúc (sơ chế) tại khu vực khai thác.</p> <p>Có thể sử dụng máy cưa xích để khai thác đối với những cây gỗ lớn.</p> <p>Lập lý lịch gỗ khai thác (bao gồm thân cây chính, các cành lớn và những cây bị đè ngã) bao gồm số lượng cây, loài cây, chiều dài và đường kính giữ.</p>	<p>Đội khai thác gỗ thực hiện việc khai thác; TQLR cấp thôn/TQLR cấp thôn giám sát và ghi chép lại kết quả khai thác.</p>
3.2	Theo dõi sau khi khai thác gỗ	<p>Tiến hành đánh giá thiệt hại trong khai thác gỗ, những cây bị đổ, địa điểm khai thác, phát quang rừng và tình trạng rừng sau khai thác.</p>	<p>TQLR cấp thôn/TQLR cấp thôn kiểm tra địa điểm khai thác gỗ.</p>
3.3	Vận chuyển gỗ	<p>Tiến hành vận chuyển gỗ đến nhà kho hoặc bãi gỗ đã chọn.</p> <p>Lập danh sách những cây trong kho đối chiếu với danh sách những cây được đánh dấu</p>	<p>Đội khai thác gỗ tổ chức việc vận chuyển gỗ về kho.</p> <p>TQLR cấp thôn lập danh sách gỗ và giám sát việc vận chuyển gỗ.</p>
3.4	Vệ sinh rừng sau khai thác	<p>Dọn sạch phần gỗ còn lại và thu nhặt củi từ tán cây theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh.</p>	<p>Đội khai thác gỗ thu dọn khu vực khai thác; người dân/nhóm hộ thu nhặt củi.</p>

4. Kiểm tra việc khai thác, sử dụng gỗ và vấn đề hưởng lợi			
4.1a Sử dụng gỗ để bán			
4.1.1	Kiểm tra kho gỗ và đóng búa kiểm lâm	<p>Hạt KL cùng với TQLR cấp thôn kiểm tra kho gỗ và đóng búa tất cả những cây gỗ để bán</p> <p>Cán bộ KL và TQLR cấp thôn tiến hành tính toán khối lượng gỗ đối chiếu, rà soát lý lịch gỗ khai thác với hồ sơ thiết kế ban đầu..</p>	<p>Hạt KL cùng với TQLR cấp thôn và chính quyền xã kiểm tra kho gỗ.</p> <p>Hạt KL đóng búa gỗ được đăng ký</p>
4.1.2	Vận chuyển gỗ về kho và bán gỗ	<p>Việc mua, bán và vận chuyển gỗ được thực hiện theo cơ chế thị trường và khả năng thực tế của cộng đồng (có thể được bán tại địa phương, có thể bán tại cơ sở tiêu thụ gỗ)...</p>	<p>TQLR cấp thôn bán gỗ với sự hỗ trợ của UBND xã, Hạt KL,</p>
4.1.3	Thuế tài nguyên rừng	<p>Nhóm hộ sẽ đóng thuế tài nguyên rừng theo quy định hiện hành của nhà nước. .</p>	<p>Phòng Tài chính huyện cấp biên lai nộp thuế.</p>

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

4.1.4	Đóng thuế cho UBND xã/ BQLR cấp xã	Sau khi trừ đi thuế tài nguyên rừng và chi phí khai thác gỗ thực tế thì sẽ trích lại 5% cho UBND xã/ BQLR cấp xã để thực hiện công tác QLR các cấp.	UBND xã/ BQLR cấp xã cấp biên lai thu thuế.
4.1.5	Phân chia lợi ích trong nội bộ thôn/nhóm hộ	Trong trường hợp nếu sổ đỏ được giao cho toàn thể cộng đồng dân cư thì lợi nhuận bán gỗ sẽ do TQLR cấp thôn quản lý và dùng vào việc phát triển thôn, bản, phát triển rừng hoặc là chia cho các hộ gia đình trong thôn theo nhu cầu và đầu vào của mỗi cá nhân. Trong trường hợp nếu sổ đỏ được cấp cho các hộ gia đình cá thể thì các nhóm hộ phải tự phân chia lợi nhuận từ bán gỗ giữa các thành viên bảo đảm sự công bằng.	TQLR cấp thôn và cấp xã theo dõi giám sát việc phân chia doanh thu bán gỗ trong nội bộ thôn.
4.1b	Sử dụng gỗ để dùng		
4.1.1	Phân phát khối lượng gỗ cho người dân	Trên cơ sở nhu cầu gỗ của các hộ gia đình cá thể (xem bước 2.2) gỗ sẽ được chia cho người dân để dùng.	TQLR cấp thôn phân phát gỗ cho các hộ gia đình cá thể.
4.1.2	Phân chia lợi ích trong nội bộ thôn/nhóm hộ	Dựa trên QUBVPTR đã được phê duyệt, người sử dụng gỗ phải nộp một khoản tiền nhất định cho TQLR cấp thôn để hỗ trợ cho các hoạt động lâm nghiệp trong tương lai và bù đắp chi phí khai thác bảo vệ (Phụ lục 1: quy chế của tổ QLR của thôn)	TQLR cấp thôn quản lý và giám sát việc giữ sổ theo dõi chi phí.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

6.2. Giám sát và đánh giá việc thực hiện QLRCĐ

Giám sát việc thực hiện các hoạt động QLRCĐ rất quan trọng nhằm đánh giá xem liệu QLRCĐ có mang lại những hiệu quả về quản lý rừng như mong muốn và có làm tăng thu nhập hợp pháp cho người dân từ tài nguyên rừng hay không. Hơn nữa, giám sát các hoạt động sẽ góp phần xác định những khó khăn để đưa ra những giải pháp tốt nhất. Lập sổ theo dõi các cây được khai thác trên một cấp đường kính cũng như lệ phí phải nộp sẽ do từng nhóm hộ và TQLR cấp thôn quản lý. Dựa vào sổ theo dõi này để tính toán số cây đã khai thác và thu nhập của người dân (xem phụ lục 5 trang ...?).

Công tác kiểm kê rừng cần phải được tiến hành nhằm giám sát tác động của QLRCĐ về trạng thái rừng. Việc kiểm kê rừng có sự tham gia sẽ được tiến hành 5 năm một lần, bao gồm cả việc trình bày kết quả kiểm kê bằng biểu đồ phân bố cấp đường kính ngang ngực. Sau đó, so sánh kết quả kiểm kê mới với các số liệu trước đây và đối chiếu với Mô hình rừng bền vững. Bằng cách này có thể đánh giá được quá trình hướng đến cấu trúc rừng tốt hơn.

Phần II: Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch QLRCĐ

Phần này giới thiệu về những hướng dẫn và một số bài tập thực hành phục vụ cho việc kiểm kê rừng có sự tham gia và lập kế hoạch QLRCĐ 5 năm như đã mô tả trong phần 1. Mặc dù các bài thực hành đã được trình bày chi tiết nhưng cán bộ hướng dẫn vẫn cần phải linh hoạt trong việc sử dụng các tài liệu hỗ trợ lập kế hoạch QLRCĐ. Một số bài thực hành có thể áp dụng ở thôn này tốt hơn ở thôn kia và đòi hỏi cán bộ hướng dẫn phải có khả năng phản ứng nhanh, linh hoạt và tự điều chỉnh mỗi bài thực hành một cách phù hợp.

Các bài thực hành được thiết kế theo hướng khuyến khích sự tham gia của người dân với sự trợ giúp của cán bộ hướng dẫn. Sự tham gia ở đây được hiểu là mọi người cùng tham gia mà không có nghĩa người dân tự mình làm tất cả mọi việc hoặc cán bộ hướng dẫn tự làm mọi việc cho tất cả các thành viên tham gia.

Trên thực tế, người dân địa phương không có đủ khả năng lập các kế hoạch QLRCĐ của chính họ mà không có sự hỗ trợ từ các cán bộ hướng dẫn. Còn cán bộ hướng dẫn cũng không thể tự mình lập được kế hoạch QLRCĐ bởi vì họ không nắm rõ điều kiện cụ thể của địa phương cũng như các nhu cầu của người dân. Trong mỗi bài thực hành đều nêu rõ mục đích, thời gian, vật liệu cần thiết và các bước hướng dẫn để dẫn dắt người dân thực hành. Cán bộ hỗ trợ cần nắm rõ từng phần trước khi tiến hành thực hiện cũng như cần nắm rõ những thông tin chung của cả quá trình lập kế hoạch QLRCĐ.

Các thành viên tham gia trong lập kế hoạch là các đại diện của các nhóm hộ sử dụng rừng hoặc người dân chủ chốt được chọn ra trong trường hợp rừng được giao cho cộng đồng thôn, bản. Sự tham gia của phụ nữ trong lập kế hoạch QLRCĐ là rất cần thiết vì giữa phụ nữ và nam giới thường có những sự quan tâm khác nhau về lâm sản và quản lý rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Bảng 5: Chương trình hướng dẫn lập kế hoạch QLRCĐ.

Phần 1 Nội dung	Các bước thực hiện
Giới thiệu (30 phút)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giới thiệu về QLRCĐ ▪ Giới thiệu các cán bộ hỗ trợ và người dân tham gia ▪ Mong đợi của người dân.
Khoanh lô trạng thái rừng và thành lập nhóm hộ sử dụng rừng (~3 giờ tùy thuộc vào những thông tin hiện có)	<p>Phân chia rừng của thôn, bản thành các lô rừng có cùng trạng thái và mỗi lô có một mục tiêu quản lý và người sử dụng riêng.</p> <p>Lập sơ đồ phân bố các lô rừng đã được phân chia.</p> <p>Xác định diện tích của từng lô rừng</p>
Thành lập TQLR cấp thôn (~3 giờ)	<p>Xây dựng quy chế của TQLR cấp thôn.</p> <p>Lựa chọn thành viên cho TQLR cấp thôn.</p>
Mô tả lô rừng và đánh giá hiện trạng rừng (~3 giờ tùy thuộc vào khoảng cách đến rừng)	<p>Mô tả từng lô rừng dựa trên thông tin hiện có.</p> <p>Thảo luận những khó khăn và thuận lợi của công tác quản lý rừng hiện nay.</p> <p>Tiến hành đánh giá hiện trạng rừng.</p>
Đánh mốc ranh giới giữa các nhóm hộ (Tùy thuộc vào số lượng và diện tích các lô rừng)	<p>Tiến hành đánh mốc ranh giới giữa các nhóm hộ bằng cách sử dụng GPS.</p> <p>Đánh mốc ranh giới trên thực địa.</p>
Kiểm kê rừng có sự tham gia. (Tùy thuộc vào hiện trạng và diện tích của lô rừng)	<p>Cung cấp thông tin định lượng về tài nguyên rừng</p> <p>Thành lập tổ điều tra và hướng dẫn tổ điều tra rừng.</p> <p>Thiết kế kiểm kê rừng (xác định ô tiêu chuẩn).</p> <p>Tiến hành kiểm kê rừng.</p>
Phân tích số liệu. (~3 giờ tùy thuộc vào số ô mẫu được đo)	<p>Biên soạn và tổng hợp số liệu ô mẫu cho từng lô rừng do nhóm sử dụng/ cộng đồng dân cư quản lý.</p> <p>Trình bày số liệu bằng cách sử dụng biểu đồ</p> <p>Thảo luận về việc áp dụng quản lý rừng và sử dụng lâm sản.</p>
Lập kế hoạch QLRCĐ 5 năm. (2 giờ)	<p>Mô tả chi tiết cho nhóm sử dụng rừng về các hoạt động sẽ được thực hiện trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm.</p> <p>Lập kế hoạch QLRCĐ 5 năm.</p>
Đánh giá và kết thúc khoá học (30 phút)	<p>Xem lại những mong đợi của của người dân.</p> <p>Xác định những yếu tố cần nâng cao trong việc triển khai tới.</p>

1. Giới thiệu.

Các bước tiếp theo của quy trình lập kế hoạch chỉ được thực hiện khi mà người dân tham gia tích cực vào tất cả các bước thực hiện và hiểu được các kết quả lập kế hoạch. Vì vậy, sự tham gia tích cực của người dân trong suốt quá trình lập kế hoạch sẽ quyết định việc thực hiện kế hoạch sau này đảm bảo hay không.

Quy trình được miêu tả dưới đây nhằm hướng dẫn người dân tất cả quy trình lập kế hoạch cần thiết của công tác quản lý rừng bền vững.

Mục tiêu:

- Giới thiệu về QLRCĐ.
- Giới thiệu các cán bộ hỗ trợ và người dân tham gia.
- Mong đợi của người dân.

Thời gian: 30 phút

Vật tư: Giấy A0, bút viết bảng và thẻ màu, chương trình khoá học, bản photocopy các bước và hoạt động trong lập kế hoạch QLRCĐ.

Các bước tiến hành:

1. Chào mừng người dân tham gia, giới thiệu mục tiêu, các bước tiến hành, thời gian yêu cầu của bài thực hành và vai trò của người dân, giới thiệu chương trình lập kế hoạch QLRCĐ.
2. Giới thiệu các thành viên tham gia (tự giới thiệu), sau đó thống nhất về một số quy định đưa ra trong quá trình thực hiện lập kế hoạch như: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, giờ nghỉ trưa và một số quy định cần thiết khác.
3. Giải thích ngắn gọn về lập kế hoạch QLRCĐ.
4. Giải thích kế hoạch quản lý rừng sẽ do nhóm hộ hoặc do toàn thể cộng đồng dân cư trong thôn xây dựng tùy thuộc vào hình thức GDGR.
5. Nêu rõ mục tiêu thực hiện chỉ tập trung xây dựng kế hoạch QLRCĐ, không đề cập sâu đến kỹ thuật lâm sinh trong công tác quản lý rừng. Tập huấn về kỹ thuật lâm sinh sẽ được tiến hành sau khi kế hoạch QLRCĐ được phê duyệt.
6. Tiếp theo yêu cầu các người dân đưa ra những mong đợi của họ từ việc lập kế hoạch (trên thẻ màu). Tổng hợp và trình bày các mong đợi nội dung chính. Tiếp đó cần giải thích rõ ý kiến mong đợi nào là phù hợp và những mong đợi nào nằm ngoài khả năng của công tác lập kế hoạch.
7. Viết lại những mong đợi của người dân trên giấy A0 và giữ lại kết quả đó để sau khoá học đối chiếu lại. Phát các bản photocopy các bước chính của lập kế hoạch QLRCĐ cho người dân.

2. Khoanh lô trạng thái rừng và thành lập nhóm sử dụng rừng

Khái niệm lô trạng thái rừng được hiểu là diện tích rừng trong đó thảm thực bì (cây gỗ) có tính đồng nhất về tuổi, kích thước, trữ lượng (hay còn gọi là đồng nhất về cấu trúc).

Khoanh lô trạng thái rừng là việc xác định những diện tích rừng có cùng **trạng thái**. Các diện tích rừng có cùng trạng thái xem như là lô quản lý riêng lẻ để tiến hành kiểm kê rừng và cần phải xây dựng kế hoạch quản lý rừng đối với từng khu vực rừng.

Mục tiêu:

- Phân chia rừng của thôn, bản thành các lô trạng thái rừng và mỗi lô có một mục tiêu quản lý riêng.
- Lập sơ đồ phân bố các lô trạng thái rừng trong thôn.
- Xác định diện tích của lô trạng thái rừng.

Thời gian yêu cầu: 3 giờ (tùy thuộc vào thông tin hiện có)

Vật tư: Giấy A0, bút viết, bút viết bảng, giấy can bản đồ (giấy bóng mờ), bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ GDGR, hồ sơ quản lý rừng, danh sách diện tích rừng đã giao cho nhóm hộ.

Các bước tiến hành:

1. Nêu rõ mục tiêu của việc phân chia lô trạng thái rừng .
2. Giới thiệu bản đồ hiện trạng rừng đã được lập trong quá trình QHSDD-GDGR..
3. Giải thích khái quát về hệ thống phân loại trạng thái rừng (Nhóm I- Đất trống, đồi núi trọc, Nhóm II- Rừng tái sinh, Nhóm III- Rừng trung bình, Nhóm IV- Rừng giàu).
4. Dùng giấy bóng mờ và đặt nó lên bản đồ GDGR, dùng bút viết bảng và hướng dẫn cho người dân vẽ trên giấy bóng mờ và xác định các đường ranh giới. .
5. Yêu cầu người dân vẽ các đường ranh giới xung quanh khu vực rừng mà họ thấy là giống nhau về trạng thái rừng (ví dụ trạng thái rừng IIA hoặc IIIA1) và loại rừng (ví dụ rừng lá kim hoặc rừng lá rộng) để họ có thể xem xét từng lô trạng thái rừng. Phải để cho người dân tự khoanh mốc ranh giới, không nên hối thúc họ.
6. Khi sơ đồ các lô rừng đã hoàn chỉnh, yêu cầu người dân nhìn lên bản đồ và xem xét lại nếu như có các chi tiết không hợp lý. Hỏi xem họ đã vẽ những gì? (ví dụ: ai là chủ rừng? dự án nào hỗ trợ việc trồng rừng? vv...) và viết các thông tin lên trên giấy bóng mờ.
7. Khi bản đồ hoàn thành, giải thích cho họ rằng những diện tích rừng giống nhau sẽ được xếp vào một nhóm và được xem như là một lô rừng cho việc quản lý rừng về sau.

Chú ý: Các bước tiếp theo được yêu cầu trong trường hợp giao rừng tự nhiên cho các hộ gia đình cá nhân .

8. Hướng dẫn thảo luận về những thuận lợi và khó khăn của công tác quản lý rừng theo hộ gia đình cá nhân hoặc theo nhóm hộ (điền vào Bảng 6 thông qua các câu hỏi hướng dẫn)

Bảng 6: Thuận lợi và khó khăn của công tác quản lý rừng theo nhóm hộ

Hình thức quản lý	Kiểm kê/ lập kế hoạch	Báo cáo/chấp thuận	Bảo vệ	Đánh mốc ranh giới	Phân chia lợi ích
Hộ gia đình cá thể					
Nhóm hộ					

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

9. Chỉ ra rằng việc lập kế hoạch và báo cáo sẽ được thực hiện tốt hơn nếu làm theo nhóm.

10. Phân chia lợi ích cần nhấn mạnh rằng mặc dù việc quản lý rừng được tổ chức theo nhóm hộ, nhưng lợi ích từ việc sử dụng rừng vẫn có thể phân chia trên cơ sở quyền sở hữu cá nhân. Đồng thời, việc này sẽ chỉ do mỗi nhóm hộ quyết định.

11. Trong trường hợp các chủ rừng cá thể đồng ý tham gia vào các nhóm hộ thì diện tích và các thành viên tương ứng cần phải được xác định.

12. Dựa vào bản đồ GDGR để xác định lô rừng lân cận mà có thể hợp thành một nhóm. Yêu cầu người dân thảo luận về những mong muốn của họ khi tham gia vào một nhóm cụ thể.

13. Diện tích của từng nhóm hộ quản lý nên có kích thước nhỏ nhất là 10 ha để đảm bảo kích thước phù hợp cho việc lập kế hoạch và báo cáo.

14. Ghi chép tên từng hộ gia đình và diện tích, loại rừng tương ứng trong mỗi nhóm hộ, yêu cầu từng người ký vào sổ ghi chép này.

15. Tiến hành khoan mốc ranh giới lô rừng (ranh giới giữa các nhóm hộ cần phải được xác định trên giấy bóng mờ và sau đó được đánh dấu trên thực địa).

16. Xác định tổng diện tích rừng của nhóm hộ, viết diện tích và tên từng nhóm hộ lên giấy bóng mờ và tổng hợp theo biểu sau đây:

Bảng 7: Tổng diện tích đất rừng do nhóm hộ quản lý (ha)

<i>Tên thành viên nhóm hộ</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Khoảnh rừng</i>	<i>Lô rừng</i>	<i>Diện tích (ha)</i>	<i>Trạng thái rừng</i>

17. Tóm tắt kết quả và kết thúc bài tập.

3. Thành lập Tổ Quản lý rừng cấp thôn

Để đảm bảo cho việc hỗ trợ người dân xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ được tốt, đồng thời là cầu nối giữa người sử dụng rừng với các cấp quản lý như Thôn, xã, huyện trong việc hỗ trợ thực hiện và tổ chức theo dõi giám sát và đánh giá, thì cộng đồng dân cư thôn, bản cần thành lập TQLR cấp thôn, bản. Vai trò và chức năng của TQLR cấp thôn được xác định thông qua quyền và trách nhiệm đối với mỗi hoạt động quản lý rừng riêng lẻ.

Trong phần này, hướng dẫn người dân bằng cách xây dựng ma trận quản lý rừng làm cơ sở để xây dựng quy chế của TQLR cấp thôn và trình UBND xã phê duyệt.

Mục đích:

- Nâng cao hiểu biết về các hoạt động quản lý rừng chủ yếu
- Nhận thức được quyền và trách nhiệm đối với hoạt động lâm nghiệp
- Xây dựng và trình phê duyệt quy chế TQLR cấp thôn

Thời gian: 3 giờ

Vật tư: Giấy Ao, bút viết giấy, chuẩn bị sơ đồ quy định trách nhiệm QLR trên hai mặt của giấy Ao, thẻ màu, bút viết bảng.

Các bước tiến hành:

1. Giải thích những lợi ích của việc thành lập TQLR thôn bản.

Lợi ích của việc tổ chức quản lý rừng theo nhóm:

- Phân chia nhiệm vụ bảo vệ rừng cũng như hỗ trợ nhau giải quyết các tranh chấp, đặc biệt là chống lại sự xâm phạm của người ngoài.
- Một người tìm kiếm thông tin vì lợi ích của nhóm hơn là tất cả các thành viên cùng tìm kiếm một thông tin giống nhau cho từng lợi ích cá nhân.
- Có chuyên gia làm việc vì lợi ích của nhóm.
- Phát huy tinh thần đoàn kết tập thể.

2. Dán bảng quy định trách nhiệm đã được chuẩn bị sẵn lên tường để tất cả mọi người đều nhìn thấy. Bắt đầu với vấn đề bảo vệ rừng trước tiên.

3. Giải thích cụ thể lô-gic của bảng quy định trách nhiệm. Chuyển qua lĩnh vực bảo vệ rừng. Điền thông tin vào hàng thứ nhất về bảo vệ rừng bằng cách giải thích trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên và của TQLR cấp thôn.

4. Giải thích sự khác nhau giữa trách nhiệm và quyền hạn của TQLR thôn.

5. Thông qua từng hoạt động quản lý và yêu cầu xác định quyền và trách nhiệm đối với từng hoạt động, Sau khi thống nhất về từng hoạt động quản lý rừng, điền vào lĩnh vực cụ thể của bảng ma trận.

6. Kết quả đầu ra chính là xác định được quyền và trách nhiệm của từng hộ riêng lẻ và của TQLR cấp thôn trong suốt quá trình quản lý rừng. Đây là cơ sở để xây dựng quy chế hoạt động của TQLR cấp thôn.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Bảng 8a: Quy định trách nhiệm các bên có liên quan trong Quản lý rừng Cộng đồng

Hoạt động	Hộ gia đình riêng lẻ hoặc nhóm hộ	Ban Quản lý rừng cấp thôn
Bảo vệ (băng cản lửa chống cháy rừng; đi tuần tra; phổ biến; giải quyết tranh chấp; phạt/ đền bù)	Quyền: - Ngăn chặn người vi phạm và tịch thu tạm thời các lâm sản khai thác trái phép Trách nhiệm: - Tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng	Quyền: - Áp dụng mức phạt đối với người vi phạm và tịch thu các lâm sản khai thác trái phép Trách nhiệm: - Tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng - Thông báo cho cộng đồng dân cư trong thôn về các trường hợp vi phạm - Thông báo cho Hạt KL về các trường hợp vi phạm nghiêm trọng
Điều tra danh mục rừng	Trách nhiệm: - Thực hiện điều tra danh mục rừng theo định kỳ 5 năm	Quyền: - Chỉ định hộ gia đình riêng lẻ tham gia điều tra danh mục rừng Trách nhiệm: - Tham gia phân tích số liệu
Kế hoạch quản lý rừng (5 năm)	Quyền: - Tham gia xây dựng kế hoạch Trách nhiệm: - Thực hiện và chấp hành kế hoạch quản lý	Quyền: - Kêu gọi thành viên của TQLR cấp thôn và người dân tham gia xây dựng kế hoạch Trách nhiệm: - Tổng hợp kết quả và trình kế hoạch lên cấp cao hơn để phê duyệt - Giám sát việc thực hiện kế hoạch
Khai thác gỗ và LSNG	Quyền: - Khai thác và sử dụng lâm sản theo hướng bền vững Trách nhiệm: - Nộp đơn xin khai thác gỗ - Tuân thủ khai thác gỗ với khối lượng cho phép và các kỹ thuật khai thác đã được phê duyệt - Báo cáo kết quả khai thác gỗ cho TQLR cấp thôn	Quyền: - Kiểm tra, giám sát việc khai thác gỗ của các hộ gia đình - Áp dụng mức phạt/ đền bù đối với những trường hợp khai thác không hợp lệ Trách nhiệm: - Xác nhận đơn xin khai thác gỗ - Hướng dẫn kỹ thuật khai thác gỗ
Tiếp thị và bán lâm sản	Quyền: - Tiến hành tiếp thị và bán các lâm sản khai thác được - Lựa chọn thời gian, địa điểm và người bán Trách nhiệm: - Nộp đơn xin bán lâm sản và hạn chế việc bán lâm sản theo khối lượng đã được phê duyệt	Quyền: - Quyết định khối lượng gỗ để bán. Trách nhiệm: - Điều tra khảo sát và xác định thị trường lâm sản - Xây dựng thủ tục pháp lý để vận chuyển và bán lâm sản - Báo cáo khối lượng lâm sản khai thác được lên chính quyền cấp xã, huyện trước khi bán
Phân chia lợi ích	Quyền: - Hưởng tất cả lâm sản - Bàn bạc và quyết định mức phí đóng góp vào quỹ của thôn/ nhóm hộ sử dụng Trách nhiệm: - Đền bù cho người dân/ nhóm sử dụng đối với việc sử dụng lâm sản riêng lẻ	Quyền: - Thu thuế đóng góp vào quỹ Phát triển Rừng Thôn, bản Trách nhiệm: - Tổ chức họp thôn để thông báo về mức thuế lâm sản - Tổ chức họp bàn về mức bồi thường riêng lẻ

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Quản lý tài chính	Quyền: - Quyết định áp dụng mức bồi thường đối với các hoạt động quản lý rừng - Giám sát và kiểm tra tiến độ giải ngân - Ngăn chặn việc chi tiêu sai mục đích	Quyền: - Đề xuất việc áp dụng mức bồi thường đối với các hoạt động quản lý rừng Trách nhiệm: - Quản lý việc bồi thường phù hợp với quy định của thôn/ nhóm hộ sử dụng - Thông báo việc áp dụng mức bồi thường đến thôn, bản/ nhóm hộ sử dụng
--------------------------	---	--

7. Sau đó, trách nhiệm và quyền hạn đã được ghi trong bảng sẽ được chuyển thành văn bản để xây dựng và trình phê duyệt quy chế cuối cùng (theo cấu trúc phụ lục 1)
8. Cán bộ hỗ trợ cùng với một hoặc hai đại diện của thôn, bản chịu trách nhiệm viết quy chế (tốt nhất là nên hoàn tất nhiệm vụ này sau khi kết thúc phần này)
9. Chọn một hoặc hai thành viên tham gia viết quy chế, nêu rõ ngày, tháng, địa điểm. Ghi lại tất cả những nội dung chi tiết kế hoạch hoạt động tiếp nối của phần này lên trên giấy.
10. Sau khi đã có bản dự thảo quy chế, phát bản phô tô cho người dân. Sau đó khoảng 3 - 5 ngày sau tổ chức họp thôn/ nhóm hộ sử dụng để thống nhất bản quy chế cuối cùng.
11. Xác định người chịu trách nhiệm phổ biến, thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp. Ghi lại tất cả các điểm được thống nhất lên trên giấy.
12. Xác định thời gian bầu thành viên TQLR cấp thôn. Nên tiến hành bầu thành viên TQLR cấp thôn ngay trong cuộc họp chung hoặc trong một cuộc họp riêng sau khi in ấn và phổ biến bản quy chế cuối cùng.
13. Tổng kết phần làm việc bằng việc giải thích rằng quy chế này chỉ là bản dự thảo đầu tiên mà nhóm họp xây dựng và người dân trong thôn/ thành viên nhóm hộ sử dụng phải chấp thuận trong cuộc họp thảo luận chung trước khi quy chế này có hiệu lực.

4. Mô tả lô rừng và đánh giá hiện trạng rừng

Dựa vào kết quả đầu ra của các bước trước, các lô rừng sẽ được vẽ trên bản đồ GĐGR. Tuy nhiên, thông tin trên bản đồ hiện có liên quan đến trạng thái và loại rừng có thể không cụ thể hoặc là lạc hậu. Do đó, cần phải kiểm tra trên thực địa trước khi tiến hành các bước lập kế hoạch quản lý rừng.

Mục tiêu:

- Mô tả từng lô rừng dựa trên thông tin hiện có và sự hiểu biết của người dân.
- Thảo luận những khó khăn và thuận lợi của công tác quản lý rừng hiện nay.
- Tiến hành đánh giá hiện trạng rừng.

Thời gian yêu cầu: 1 giờ.

Vật tư: Giấy Ao, bút viết giấy, phiếu mô tả (mỗi lô một phiếu có mẫu ở trang sau).

Các bước tiến hành:

1. Giới thiệu mục tiêu bài thực hành.
2. Hướng dẫn mỗi nhóm tự điền vào phiếu mô tả cho từng lô rừng của mình. Trong trường hợp các nhóm có cùng trạng thái và loại rừng thì chỉ cần điền vào một phiếu đại diện.
3. Phát phiếu để mọi người xem qua (đại diện của nhóm/ cộng đồng dân cư phải có một phiếu). Tổng kết và giải thích thông tin cần thiết cho từng phần tại biểu mô tả lô rừng dưới đây:

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Đường đi: khoảng cách đi bộ từ thôn, bản ra rừng

Mục tiêu quản lý: Mục đích sản xuất chính của lô rừng, các tiêu chí chính bao gồm:

- i) Lâm sản yêu cầu chính (gỗ, củi, LSNG).
- ii) Sự hỗn giao trong lô rừng (ví dụ: 70% loài cây gỗ, 30% loài cây lấy củi)
- iii) Tên các loài có thể cung cấp gỗ.
- iv) Cấp đường kính yêu cầu cho từng loại sản phẩm.
- v) Chu kỳ sản xuất yêu cầu đối với từng lâm sản (ví dụ sản xuất gỗ có chu kỳ 30 năm, cây lấy củi có chu kỳ chỉ 5 năm)

Tuổi rừng: Chủ yếu đối với các lô rừng trồng hoặc rừng sau khi khai thác.

Những loài chiếm ưu thế: Liệt kê các loài thực vật hiện có và mang tính đại diện.

Sản phẩm: Nếu người dân đang khai thác gỗ hoặc LSNG tại lô rừng hoặc có dự định khai thác trong thời gian sắp tới (trong vòng 5 năm). Liệt kê những cây sẽ khai thác và giải thích vì sao chưa tiến hành khai thác.

Mối đe dọa: Nêu rõ những nguy cơ có thể đe dọa đến tài nguyên rừng như cháy rừng, dây leo che phủ, khai thác gỗ trái phép, chăn thả, sinh vật ngoại lai xâm hại vv...

4. Chia thành các nhóm khảo sát và quyết định xem nhóm nào sẽ khảo sát lô rừng nào.

5. Để từng nhóm tiến hành khảo sát trên thực địa (thời gian 30 phút không tính thời gian đi đường), đồng thời, tiến hành đánh giá bằng mắt thường về trạng thái rừng theo nhóm cụ thể sau đây:

Nhóm I: Đất không có rừng, chỉ có cây cỏ, cây bụi, cây gỗ, tre rải rác có độ che phủ ít hơn 30%. Tùy thuộc vào trạng thái rừng nhóm này được chia thành:

- IA: thảm cỏ, cây bụi và lau lách.
- IB: thảm cây bụi và một số cây gỗ hoặc tre rải rác.
- IC: rừng cây bụi có cây gỗ tái sinh rải rác với chiều cao trên 1m và mật độ dưới 1.000 cây/ha.

Nhóm II: Diện tích rừng gồm cây có đường kính nhỏ. Tùy thuộc vào trạng thái và nguồn gốc, nhóm rừng này được phân loại như sau:

- IIA: là những lô rừng được phục hồi sau nương rẫy. Trạng thái rừng này, loài cây chiếm ưu thế là các loài tiên phong ưa sáng, mọc nhanh.
- IIB: là rừng được phục hồi sau khai thác kiệt. Hầu hết những lô rừng này bao gồm các quần thể cây con cần nhiều ánh sáng, đa dạng về loài, không có cây gỗ lớn.

Nhóm III: Là rừng thứ sinh hoặc rừng đã bị khai thác. Những khu rừng bị khai thác ở cấp độ khác nhau làm ảnh hưởng đến cấu trúc và tổ thành của rừng. Tùy thuộc vào mức độ khai thác và khả năng tái sinh của rừng, nhóm rừng này được chia làm các loại sau đây:

▪ IIIA: có đặc điểm là bị khai thác nhiều và chỉ còn lại rất ít gỗ. Cấu trúc rừng nguyên sinh hoàn toàn bị tác động và cơ bản đã bị thay đổi. Rừng thuộc loại này được chia làm 3 nhóm nhỏ sau đây:

▪ IIIA1: là rừng đã bị khai thác đến cạn kiệt, tán rừng bị cắt đoạn, một số cây cao lớn ở tầng trên vẫn còn nhưng kém chất lượng, dây leo, cây bụi, tre nứa chiếm ưu thế.

▪ IIIA2: là rừng bị khai thác cạn kiệt nhưng đã được phục hồi. Rừng này có đặc điểm là cây thuộc tầng giữa và đa số các cây có đường kính ở độ cao ngang ngực từ 20 - 30cm. cấu trúc rừng 2 tầng tán, mà tầng trên có tán thưa được tạo thành từ những cây của tầng giữa, trong khi đó một số cây to khỏe rải rác mọc quá tầng này.

▪ IIIA3: là rừng đã bị khai thác hoặc là phát triển từ rừng thuộc trạng thái IIIA2. Tán rừng gần giống với những lô rừng có hai hay nhiều tầng. Trạng thái rừng này có đặc điểm là số lượng cây nhiều bao gồm một số cây có đường kính trên 35cm thích hợp cho việc khai thác.

Nhóm IV Bao gồm rừng nguyên sinh già và rừng thứ sinh chưa bị khai thác. Những lô rừng này có cấu trúc phù hợp, nhiều tầng tán. Nhóm rừng này được phân thành 2 loại sau đây:

- IVA – Rừng thứ sinh đã có thời gian dài phục hồi

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

- IVB – Rừng nguyên sinh chưa bị tác động.
- 6. Sau khi trở về, đại diện của từng nhóm trình bày kết quả của nhóm.
- 7. Cùng nhau phân tích kết quả, đưa ra những kết luận các giải pháp sử dụng rừng.
- 8. Tiến hành đối chiếu kiểm tra lại thực địa dựa trên kết quả lập kế hoạch của bài thực hành khoanh lô rừng và điều chỉnh bổ sung nếu cần.
- 9. Cuối cùng, kiểm tra các đường tạm thời được vẽ trên giấy bóng mờ
- 10. Xác định những diện tích cần tiến hành điều tra ô mẫu (trong các ô có dự định khai thác gỗ và không tiến hành lập danh mục GĐGR) dựa trên bản đồ thôn, bản.
- 11. Ranh giới nhóm hộ nên được bổ sung vào dữ liệu GIS nếu có.
- 12. Tóm tắt lại kết quả và kết thúc bài thực hành.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Mẫu mô tả lô rừng

Đường đi	Đi từ bản đến lô rừng này mất bao nhiêu thời gian?					
	Ít hơn 1 tiếng		Từ 1- 2 tiếng		Hơn 2 tiếng	
Mục tiêu quản lý rừng						
Loại rừng/ tuổi rừng	Rừng tự nhiên			Trạng thái rừng/ tuổi rừng		
	Rừng trồng			Già	trung bình	non
Những loài cây nào chiếm ưu thế?			Sử dụng			
			Sử dụng			
			Sử dụng			
			Sử dụng			
Lâm sản	Bà con có khai thác loại lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?				Có	Không
	Nếu không khai thác được, bà con cho biết lý do tại sao không có lâm sản để khai thác?					
	Bà con mong muốn khai thác lâm sản nào tại lô rừng này?					
	Gỗ		Củi		Lâm sản ngoài gỗ	
	Khác					
Cỏ dại che phủ	Đánh giá thực trạng cỏ dại che phủ trên tầng mặt đất.					
	Đã bị phủ nhiều hơn 50%		bị phủ ít hơn 50% song thường xuyên		hiện tại không bị che phủ	
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng này bị cháy chưa?					
	Hàng năm	Trong vòng 5 năm gần đây	Trong vòng 5 - 10 năm gần đây	Chưa bao giờ		
Mức độ chặn thả	Mức độ chặn thả trong lô rừng này như thế nào? (kiểm tra mức độ chặn thả trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như phân gia súc, khu vực bị giẫm phá, cỏ mọc lơ thơ, cây cỏ bị gặm nhấm...)					
	Mức độ cao	Mức độ trung bình	mức độ thấp	Không có		
Mức độ che phủ của tán	Kiểm tra xem ánh sáng chiếu từ trên xuống rừng tái sinh tự nhiên có nhiều không?					
	Mở – thiếu các cây lớn, tầng cây bụi rải rác, mặt đất bị tre hoặc cỏ dại xâm lấn.					
	Khoảng cách lớn – những cây lớn cách nhau hơn 1 tán cây, không có cây tái sinh hoặc không có tầng cây bụi					
	Vừa phải – các tán cây cách nhau 1 tán					
	Đóng – các tán cây giao nhau					

5. Cắm mốc ranh giới nhóm sử dụng rừng

Khi các lô quản lý rừng được xác định, , ranh giới các lô rừng của từng nhóm hộ phải được xác định trên bản đồ và trên thực địa. Chỉ khi ranh giới rõ ràng và dễ dàng nhận biết khi đó việc quản lý và sử dụng rừng mới mới có hiệu quả.

Mục tiêu:

- Xác định ranh giới thực địa ranh giới các nhóm hộ.
- Đánh dấu ranh giới trên thực địa

Thời gian: Tùy thuộc vào số lượng và kích cỡ các lô rừng

Vật liệu: Bản đồ kết quả giao đất rừng, giấy bóng mờ thể hiện ranh giới các nhóm hộ sử dụng, máy định vị GPS cầm tay, sơn đỏ.

Các bước thực hiện:

- Chuẩn bị

1. Trong trường hợp thông tin bản đồ GĐGR chỉ có theo số liệu cấp quốc gia VN2000, thì cần chuyển đổi thông tin bản đồ qua hệ thống UTM hoặc cần sử dụng máy định vị GPS sử dụng hệ thống số liệu VN2000.

2. Nếu ranh giới đi theo địa hình như sông, suối hoặc các tuyến đường thì không cần kiểm tra thực địa bằng GPS và có thể đánh dấu ranh giới ngay tại thực địa.

Công tác thực địa

1. Chuyển đầy đủ số điểm mốc (khoảng cách giữa các điểm khoảng 25m): a) trực tiếp từ bản đồ giao đất rừng hoặc b) từ cơ sở dữ liệu GIS vào máy định vị GPS cầm tay.

2. Mời đại diện nhóm hộ sử dụng có liên quan và các nhóm lân cận tham gia hoạt động thực địa.

3. Cán bộ kỹ thuật vận hành máy GPS thì tại các điểm được xác định sẽ đánh dấu bằng sơn đỏ để định vị ranh giới cùng với số tham chiếu và điền vào bản đồ.

4. Việc đánh dấu ranh giới được tiến hành bởi thôn, bản/nhóm hộ sử dụng rừng theo Thông tư 38/2007/TT-BNN. Chỉ đánh dấu trên ranh giới của toàn bộ diện tích lô quản lý rừng của thôn, bản/nhóm hộ sử dụng rừng.

5. Trong trường hợp người dân muốn đánh dấu ranh giới các thửa rừng của mình, họ phải có sự tham gia và thống nhất của các hộ lân cận tránh gây ra tranh chấp sau này.

6. Cuối cùng, tất cả ranh giới các nhóm hộ sử dụng rừng được đánh dấu trên thực địa và diện tích chính xác của từng lô quản lý rừng (ha) phải được tính toán để làm cơ sở điều tra rừng (nếu cần thiết).

6. Lập danh mục rừng có sự tham gia

Hoạt động này chỉ cần thiết nếu chưa có số liệu kiểm kê danh mục rừng trong công tác GDGR. Trong năm đầu tiên sau GDGR cùng với danh mục rừng hiện có, tất cả các dữ liệu phục vụ việc lập kế hoạch quản lý rừng có thể được trích từ kết quả GDGR.

Các dữ liệu đáng tin cậy về các nguồn tài nguyên rừng hiện tại rất cần thiết cho việc xây dựng kế hoạch QLRCĐ và cho công tác quản lý rừng trong tương lai. Dựa vào nguồn tài nguyên hiện có, các hoạt động quản lý như khai thác chọn, làm giàu rừng có thể được xác định. Ngoài ra, kết quả điều tra danh mục rừng rất hữu ích cho việc theo dõi đánh giá tác động của kế hoạch QLRCĐ.

Trước khi tiến hành thực hiện trên thực địa cần phải giới thiệu ngắn gọn quy trình về kiểm kê danh mục rừng có sự tham gia. Tuy nhiên, đối với người nông dân, hướng dẫn trên thực địa tỏ ra hiệu quả hơn nhiều.

Mục tiêu:

- Cung cấp các thông tin định tính và định lượng về tài nguyên rừng phục vụ xây dựng kế hoạch quản lý rừng;
- Hình thành các nhóm đo đạc và nhóm hướng dẫn;
- Xác định và bố trí việc điều tra rừng (số ô mẫu, vị trí các ô mẫu);
- Tiềm hành điều tra rừng;

Thời gian: Tùy theo trạng thái rừng và diện tích lô điều tra (mỗi đội thực hiện 4 - 5 ô mẫu/ngày)

Vật liệu: Bảng ghi chép, bút đánh dấu, phấn, thước đo điều chỉnh (xem hướng dẫn bên dưới), thước đo 30m, dụng cụ đo độ dốc, 2 cuộn dây thừng (dài 20m, thắt nút tại điểm 10m) buộc móc ở 2 đầu, bản đồ trạng thái rừng, các mẫu điền thông tin ô mẫu, bút chì, com-pa, dao hoặc rựa.

Các bước thực hiện:

Chuẩn bị

1. Nhóm trợ giúp chuẩn bị đầy đủ thước đo tùy theo số nhóm đo đạc và lập sẵn bảng miêu tả dưới đây.

Cấp đường kính (cm)	Chu vi tối thiểu [cm]	Màu	Thước đo chu vi và cấp đường kính
08 - 14,9	25,13	Vàng	Nếu đã tiến hành điều tra rừng trong quá trình GDGR, có thể sử dụng chung thước đo để điều tra danh mục QLRCĐ. Đường kính ở độ cao ngang ngực (DBH) được đo theo cấp đường kính qua các dải màu (xem bảng). Thước dây đo đường kính được làm bằng nhựa bền và dai (chia theo cm) được gắn với dải màu hoặc trực tiếp đánh dấu màu lên thước
15 - 19,9	47,12	Đen	
20 - 24,9	62,83	Sọc	
25 - 29,9	78,54	Xanh	
30 - 34,9	94,25	Chấm	
35 - 44,9	109,96	Răng cưa	
>45	141,37	Đỏ	

2. Trình bày các mục tiêu của điều tra rừng và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đo chính xác các lô. Dữ liệu thu thập được trong quá trình điều tra ô mẫu sẽ là cơ sở xác định khả năng khai thác gỗ.

3. Giải thích công tác thực địa sẽ được tiến hành độc lập theo nhóm và mô tả nhiệm vụ của từng thành viên.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Tên	Công việc chính	Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật
Người ghi chép (Cán bộ kỹ thuật)	Tìm vị trí ô mẫu theo đường cắt ngang hoặc GPS Đo độ dốc Ghi chép thông tin cây	Đánh dấu điểm cắt ngang và điểm đầu của ô mẫu
2 người đo đạc (Nông dân)	Đo cấp đường kính (thước màu) Xác định các loài cây Quyết định mỗi cây có phù hợp cho khai thác gỗ hay không Dùng phấn đánh dấu cây	Vẽ đường cắt ngang (điểm đỉnh) Rải dây thừng 20m Cắt dây sau khi đo

4. Giải thích số các ô mẫu ở mỗi lô rừng sẽ tùy thuộc vào kích thước của lô và trạng thái rừng (theo Quyết định 684/1994/QĐ-BNN).

Bảng 8b: Mật độ ô mẫu theo trạng thái rừng

Trạng thái rừng	Diện tích mẫu (% tổng diện tích)
Đất LN có trạng thái (IA, IB, IC)	Không cần ô mẫu (không có rừng)
Rừng phục hồi, rừng nghèo (IIA, IIB, IIIA1)	1%
Rừng trung bình, rừng giàu (IIIA2, IV)	1.5%

5. Để xác định số ô mẫu trên mỗi lô rừng và khoảng cách giữa các ô mẫu, cần tính toán theo công thức sau (xem cơ sở dữ liệu điều tra danh mục trên Excel):

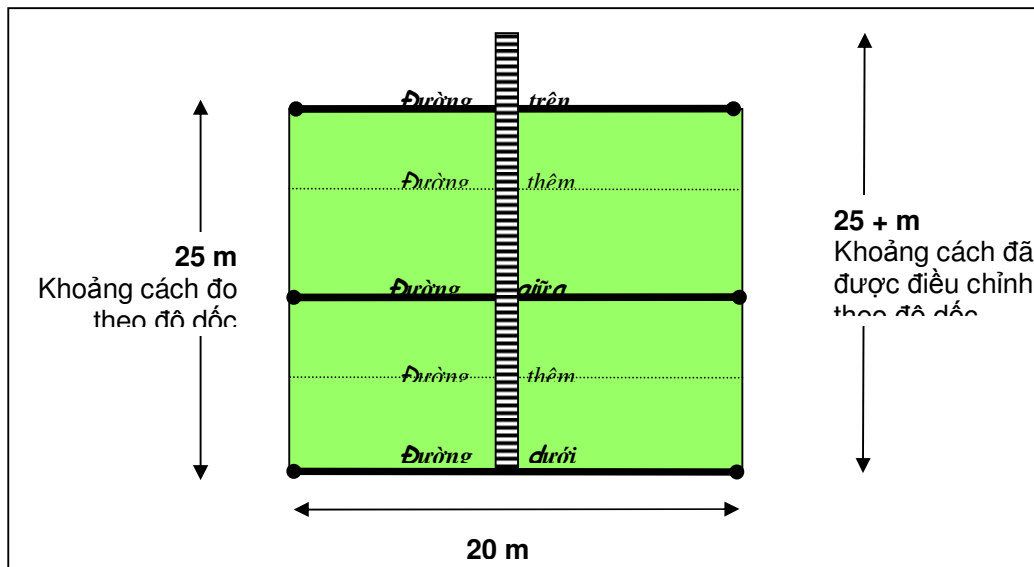
- Dung lượng mẫu = $\frac{\text{Diện tích lô rừng (m}^2\text{)}}{100 \times \text{mật độ mẫu}}$
- Số ô mẫu = $\frac{\text{Diện tích mẫu}}{\text{Diện tích một ô mẫu}}$
- Khoảng cách ô tiêu chuẩn = $\frac{\text{Diện tích Lô rừng (m}^2\text{)}}{\text{Số ô mẫu}}$

Sử dụng giấy bóng mờ vẽ lưới ô vuông với khoảng cách ô được tính trước (căn cứ vào tỉ lệ bản đồ để đo khoảng cách chính xác). Đặt giấy bóng kính lên khoảnh rừng liên quan và vẽ các đường cắt ngang bằng cách nối các điểm thẳng hàng trong lưới ô vuông. Vẽ các điểm cắt ngang sao cho chúng vuông góc các đường đồng mức (chạy lên hay xuống mặt nghiêng). Tùy theo vị trí mặt dốc (ví dụ: chân đồi, sườn đồi, v.v...) đặc điểm tài nguyên của cùng một lô rừng có thể rất khác nhau, việc phân bố các ô mẫu phải mang tính đại diện cao.

6. Điểm bắt đầu đường cắt ngang nên là một điểm dễ dàng nhận ra trên thực địa..

7. Sử dụng giấy Ao để vẽ viền ngoài của lô rừng. Ô mẫu được vẽ theo hình chữ nhật 500m² (20x25m) và được đánh dấu tạm thời bằng dây thừng buộc nylon như hình dưới đây:..

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm



Hình 4: Sơ đồ ô mẫu điều tra danh mục rừng

Công tác thực địa

8. Các bên tham gia đến một điểm bắt đầu tại đường ranh giới lô rừng được chọn, (điểm bắt đầu đã được thống nhất trên bản đồ trước đó).

9. Một người vạch một đường cắt ngang thẳng bằng thước dây 30m, cán bộ kỹ thuật chỉnh hướng giúp người vẽ cho đến khi chạm điểm bắt đầu của ô mẫu đầu tiên.

10. Tại những vị trí đặt ô mẫu để điều tra có độ dốc cao thì chúng ta cần phải sử dụng phương pháp cải bằng diện tích để đảm bảo số liệu điều tra chính xác. Phương pháp cải bằng diện tích được thực hiện bằng cách nở rộng chiều dài cạnh tương ứng với từng độ dốc cụ thể. (diện tích thực tế = diện tích đo được x hệ số điều chỉnh theo độ dốc)

11. Các đường ranh giới trên và dưới của ô mẫu được xác định bằng cách sử dụng thước dây 20m đặt vuông góc với đường cắt ngang (theo hình vẽ trên). Tùy vào tầm nhìn từng ô mẫu, có thể vẽ thêm hai hay nhiều đường phụ bên trong thửa mẫu nhằm xác định ranh giới ô mẫu được chính xác.

12. Người phụ trách ghi chép điền các thông tin vào Bảng kiểm kê (xem mẫu Bảng kiểm kê ở cuối phần này). Chú ý điền các thông tin về ngày tháng, tên thôn, số lô và ô mẫu ngay khi bắt đầu ghi chép.

13. Bên trong ô mẫu, tất cả số cây có đường kính ngang ngực (DBH) ≥ 8 cm được ghi chép cùng với tên cây (tên địa phương hoặc tên khoa học), màu cấp đường kính, và có khả năng cho gỗ, những cây nằm trên biên thì tính một nửa cây.

14. Khả năng cung cấp gỗ tùy thuộc vào hình dạng thân cây như: thẳng, phát triển khoẻ, cho gỗ tốt hay thân cây hình dạng cong queo hoặc bị bệnh không phù hợp để lấy gỗ xây dựng.

15. Sau khi đo đạc và điền số liệu vào biểu mẫu, dùng phấn đánh dấu vào thân cây để tránh tránh bị lộn.

16. Đếm số cây tre, nứa có trong ô và điền vào bảng ghi theo cấp kích cỡ ở cuối mẫu điều tra.

17. Sau khi hoàn tất công việc ở một ô mẫu, theo đường cắt đến vị trí ô mẫu tiếp theo theo dựa vào khoảng cách đã xác định giữa các ô mẫu.

BẢNG KIỂM KÊ: Đối với cây có đường kính $\geq 8\text{cm}$ (toàn bộ ô mẫu 20*25)

Tỉnh		Huyện		Xã	
Thôn		Ngày		Người ghi chép	
Khoảnh		Lô rừng		Chủ rừng	
Độ dốc		Số ô mẫu		Ghi chú	

Tên địa phương của cây (đánh dấu cây gỗ bằng ký hiệu hoa thị)	☺ Cấp đường kính của những cây có khả năng cho gỗ							☹ Cấp đường kính của cây không có khả năng cho gỗ						
	Vàng	Đen	Sọc	Xanh	Chám	Răng cưa	Đỏ	Vàng	Đen	Sọc	Xanh	Chám	Răng cưa	Đỏ
Số thân cây tre	Cỡ lớn			Cỡ vừa				Cỡ nhỏ						

7. Phân tích số liệu

Thu thập số liệu là một bước khó, do đó cần được tiến hành chậm, không được hối thúc người dân. Cần có một người ghi chép (tốt nhất là cán bộ kỹ thuật hoặc người có thể viết và tính toán chính xác). Không nên mong rằng các người dân sẽ tự mình có thể tính toán chính xác – nên có một cán bộ kỹ thuật hỗ trợ họ.

Phải nhớ rằng, quy trình đang thực hiện cùng với người dân có ý nghĩa quan trọng tương đương với kết quả đầu ra. Sự tham gia của các người dân sẽ đảm bảo họ hiểu được đó thực sự là số liệu của chính họ và các số liệu này sẽ được sử dụng trong việc tính toán sau này.

Mục tiêu:

- Để tổng hợp số liệu của ô mẫu cho lô rừng do nhóm hộ quản lý
- Giúp trình bày số liệu theo cách mà người dân có thể hiểu dễ dàng và biết sử dụng biểu đồ
- Giúp người dân thảo luận xem số liệu đó có ý nghĩa như thế nào trong việc quản lý rừng và sử dụng lâm sản

Thời gian: 3 giờ đồng hồ (tùy thuộc vào số lượng ô mẫu)

Vật tư: Phiếu tổng hợp ô mẫu (1 phiếu/1 nhóm), máy tính bỏ túi, giấy A0, bút nhớ, thước chia độ, bảng kiểm kê đã điền đầy đủ thông tin.

Các bước thực hiện

Thu thập số liệu

1. Chia nhóm theo lô quản lý rừng đã điều tra riêng biệt và đảm bảo mỗi nhóm đều có bảng kiểm kê đã điền đầy đủ thông tin cho một lô rừng và phiếu tóm tắt (hoặc trong trường hợp sử dụng số liệu điều tra danh mục GĐGR thì sử dụng bảng số liệu tương ứng).
2. Yêu cầu mỗi nhóm điền dữ liệu vào phần đầu của phiếu, gồm: tên thôn, diện tích, nhóm hộ, số lô vv đồng thời phát cho mỗi người dân một bảng kiểm kê.
3. Yêu cầu mỗi người dân đọc tên của các cây đã điền vào phiếu và xác định cây đó có khả năng cho gỗ hay không. Nếu cây có khả năng cho gỗ thì đánh dấu hoa thị ở cuối tên của cây trong phiếu thu thập thông tin ô mẫu. Cán bộ hướng dẫn có thể viết tên của tất cả các cây lấy gỗ trên giấy khổ to để cho mọi người cùng tham khảo. Đảm bảo là mọi người đều nhất trí với danh sách đó.
4. Giải thích cho người dân nội dung ghi trong phiếu tóm tắt và để mỗi nhóm biên soạn lại dữ liệu đã điền vào phiếu từ phiếu ô mẫu đã điền đầy đủ thông tin.
5. Nhập số liệu đường kính cây đã được thu thập từ thấp đến cao, từ cây có khả năng cho gỗ và cây không có khả năng cho gỗ để dễ dàng sử dụng số liệu sau này. Để nhập dữ liệu có hệ thống và hạn chế sai sót cần phân công cho mỗi người dân một cấp đường kính.
6. Tiếp tục với các cấp cao hơn cho đến khi hoàn tất với cấp cao nhất (cấp đồ).
7. Để có số tổng số cây trên mỗi hecta, ta lấy tổng số cây của tất cả các thửa chia cho tổng diện tích các thửa (Tổng diện tích của các thửa, ô tính bằng ha).
8. Cộng số cây ☺+☹ cho từng cấp màu để có số tổng “Tổng số cây”.

Phân tích số liệu

9. Chia người dân thành 2 nhóm cho mỗi lô quản lý rừng. Mỗi nhóm vẽ một biểu đồ thể hiện các thông tin của lô rừng. Một nhóm vẽ biểu đồ thể hiện thông tin cây cho gỗ. Nhóm còn lại vẽ biểu đồ thể hiện thông tin phân bố tất cả các loài cây (cho gỗ và không cho gỗ).
10. Cả hai biểu đồ phải có cùng một tỷ lệ để người dân dễ so sánh số liệu.
11. Viết cấp đường kính cũng như màu của cấp kính dưới mỗi cột màu trong biểu đồ. Yêu cầu mỗi nhóm viết tên và nhãn của biểu đồ để thể hiện thông tin được trình bày trong đó.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

12. Sử dụng giấy bóng mờ để vẽ biểu đồ mô hình rừng bền vững tương ứng để so sánh với biểu đồ lô rừng được đánh giá (các biểu đồ được xây dựng cùng loại và cùng tỷ lệ)

13. Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả của mình về cách xây dựng biểu đồ: biểu đồ thể hiện điều gì, đặc biệt biểu đồ có thể hiện những vấn đề hay những khả năng gì đáng lưu tâm về nguồn tài nguyên của lô rừng hay không.

14. Sau khi trình bày xong, giảng viên đặt giấy bóng mờ lên trên biểu đồ "mô hình phân bổ cấp đường kính" trên biểu đồ do nhóm quản lý và giới thiệu khái niệm về mô hình cấu trúc rừng bền vững. Sau đó mời người trình bày biểu đồ giải thích cho các người dân tham gia họ hiểu như thế nào về nguồn tài nguyên hiện có trong lô. Ví dụ hiện đang có những nguồn tài nguyên nào trong lô rừng? Những nguồn tài nguyên nào có thể khai thác được? Xem một số câu hỏi ví dụ trình bày dưới đây.

15. Bằng cách so sánh kỹ lưỡng cấu trúc rừng "thực tế" với cấu trúc mô hình rừng bền vững, các người dân có thể xác định phương án quản lý đối với lô rừng của mình. Ví dụ, nếu thiếu cây cỡ trung bình, cần bảo vệ số cây trong cấp đường kính đó và đảm bảo chăm sóc đủ số cây cấp đường kính nhỏ hơn sẽ phát triển thành cây đường kính trung bình trong tương lai.

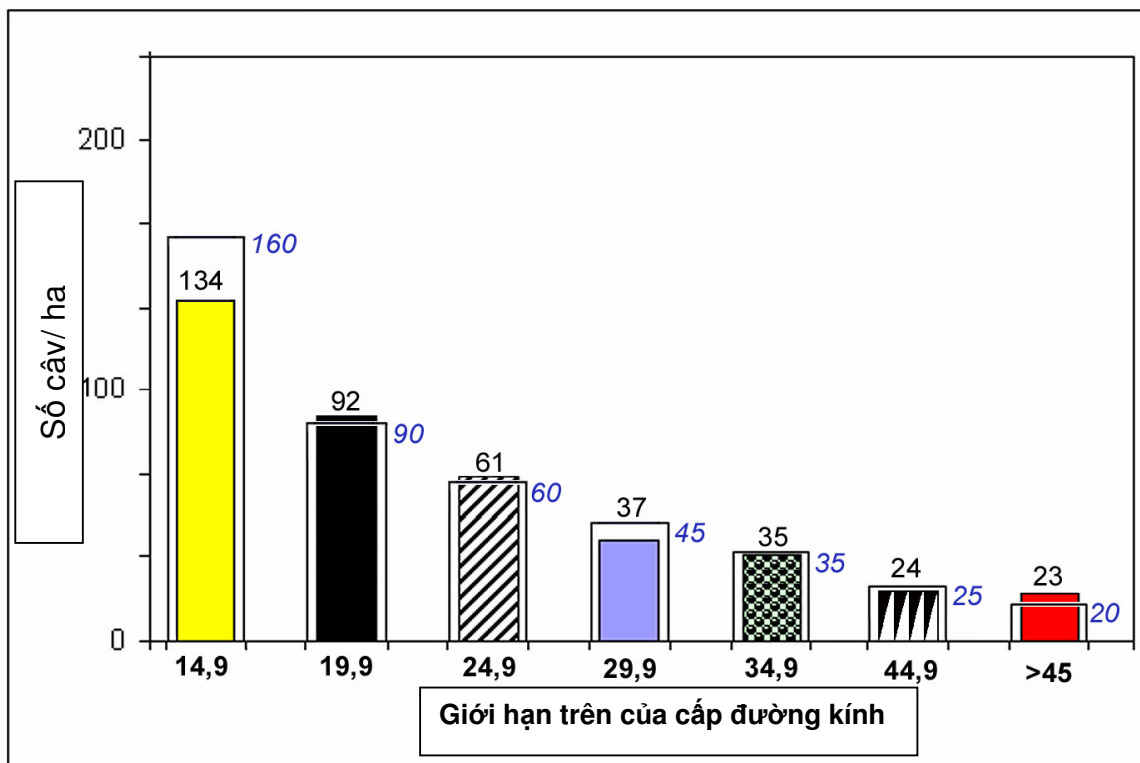
16. Ghi lại tất cả các điểm quan trọng để tham khảo cho quá trình lập kế hoạch sau này.

17. Tổng kết bài thực hành tóm tắt lại các kết quả chính đã đạt được trong quá trình phân tích số liệu điều tra danh mục rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Biểu tổng hợp danh mục rừng (theo lô quản lý rừng)

1) Huyện		2) Xã		3) Thôn											
4) Số hiệu lô		5) Diện tích lô [ha]		6) Tổng số ô mẫu [z]	7) Thừa số a = 1 / (z x 0.05)										
Số cây	Khả năng cho gỗ	Vàng (8 – 14,9 cm)		Đen (15 – 19,9 cm)		Sọc (20 – 24,9 cm)		Xanh (25 – 29,9 cm)		Chám (30 – 34,9 cm)		Răng cưa (35 – 44,9 cm)		Đỏ (>45cm)	
		Tổng số cây của các ô mẫu	N/ha	Tổng số cây của các ô mẫu	N/ha	Tổng số cây của các ô mẫu	N/ha	Tổng số cây của các ô mẫu	N/ha	Tổng số cây của các ô mẫu	N/ha	Tổng số cây của các ô mẫu	N/ha	Tổng số cây của các ô mẫu	N/ha
Số cây	Có														
	Không														
Tổng số cây															
Cây Tre		Cỡ lớn				Cỡ vừa				Cỡ nhỏ					



Biểu đồ 5: Ví dụ về phân tích khối lượng khai thác bền vững dựa vào Mô hình rừng Bền vững

Giải thích

Mô hình rừng bền vững được thể hiện bằng chữ số in nghiêng màu xanh (biểu đồ trên giấy bóng mờ)

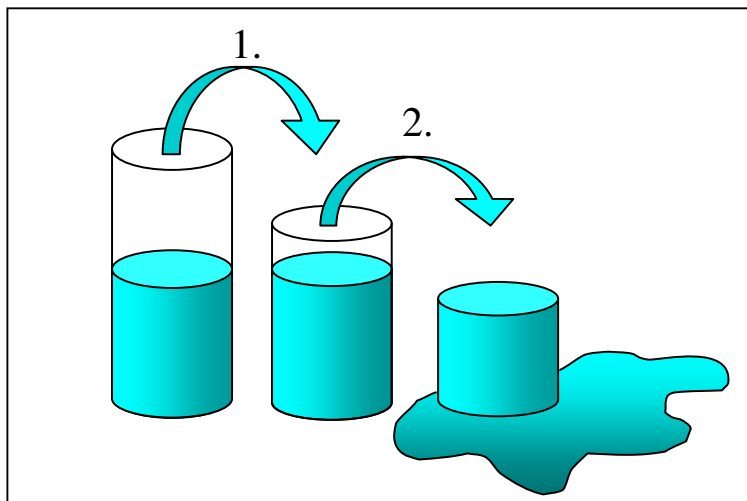
Kết quả điều tra rừng thực tế được thể hiện bằng chữ số màu đen (biểu đồ màu).

Khi so sánh từng cấp đường kính, khối lượng khai thác được xác định như sau:

2 cây trên hectare đối với cấp đường kính đen (15-19,9cm dbh), = 92 - 90

1 cây trên hectare đối với cấp đường kính sọc (20-24,9cm dbh), = 61 - 60

3 cây trên hectare đối với cấp đường kính đỏ (>45cm) = 23 - 20.



Hình 6: Gợi ý thảo luận theo biểu đồ

Nếu các người dân thấy khó khăn trong việc trình bày bằng sơ đồ thì việc áp dụng cách làm khác có tên gọi "đổ nước vào chai" theo hình ảnh minh họa trên.

Các câu hỏi hướng dẫn thảo luận về biểu đồ điều tra danh mục rừng

Cây con và cây tái sinh

- Tình trạng cây tái sinh ở lô rừng này ra sao?
- Khi so sánh với trạng thái rừng chuẩn thì số lượng như vậy có được không?
- Nếu số lượng ít thì do nguyên nhân gì?
- Nên làm gì để cải thiện thực trạng cây tái sinh này?
- Sau này việc gì sẽ xảy ra với các cây nhỏ (cây có độ tuổi trung bình) nếu số lượng cây con ít?

Cây nhỏ (cây trung niên – cây có độ tuổi trung bình)

- Cấp đường kính của cây nhỏ phân bố ở khu vực này ra sao?
- Liệu có loại cây có cấp đường kính nào đó ít hơn số cây cần thiết của cấp đường kính đó trong khu vực rừng không?
- Nếu như vậy thì do nguyên nhân gì?
- Làm thế nào để cải thiện tình hình?
- Liệu có loại cây có cấp đường kính nào đó nhiều hơn số cây cần thiết của cấp đường kính đó trong khu vực rừng không?
- Việc gì sẽ xảy ra với các cây trưởng thành (cây có đường kính khai thác gỗ) nếu số lượng cây nhỏ ít?
- Cần thực hiện việc gì để tránh tình trạng này xảy ra?

Cây trưởng thành (cây cho gỗ)

- Hiện trạng của cây trưởng thành (cây cho gỗ) ở trong rừng?
- Liệu có đủ số cây cho gỗ lớn để khai thác trong vòng 5 năm, hay 10 năm?
- Nếu không đủ thì tại sao?
- Nếu có đủ số cây gỗ lớn để khai thác thì thôn có thể khai thác bao nhiêu cây/năm?
- Nếu không thì cần thực hiện việc gì để tăng số cây có thể cho gỗ?
- Tổng số cây gỗ lớn so với với tổng số cây của tất cả các loài cây là bao nhiêu? Nếu tổng số cây của loài cây gỗ thấp thì nguyên nhân là gì?
- Làm cách nào có thể tăng số cây gỗ?
- Các hoạt động nào có thể giúp tăng chất lượng cây gỗ?

8. Chuẩn bị kế hoạch QLRCĐ 5 năm

Phần cuối cùng và quan trọng nhất trong quy trình lập kế hoạch QLRCĐ đó là việc lập kế hoạch quản lý rừng trình chính quyền cấp huyện phê duyệt chính thức.

Mục tiêu:

- Giới thiệu chi tiết các hoạt động của kế hoạch QLRCĐ trong thời gian 5 năm của từng nhóm quản lý rừng.
- Xây dựng kế hoạch QLRCĐ thôn

Thời gian: 90 phút

Vật tư: Giấy A0, bút viết bảng, biểu đồ, bản copy biểu mẫu kế hoạch hoạt động QLRCĐ 5 năm (Phụ lục 4)

Các bước thực hiện:

1. Chia nhóm theo nhóm hộ sử dụng (hoặc theo các nhóm phụ) và để mỗi nhóm nghĩ ra những hoạt động chính được tiến hành trong một lô quản lý rừng. Có thể phân loại những hoạt động này theo 4 nhóm hoạt động như sau:

- **Sử dụng** - khai thác gỗ, hoặc cắt bỏ các cây trưởng thành có thể cho gỗ.
- **Nuôi dưỡng rừng** - cắt bỏ một số cây được lựa chọn hay luống dọn vệ sinh rừng. Ngoài ra, trồng rừng hoặc làm giàu rừng cũng đồng nghĩa với việc tăng độ che phủ của rừng.

- **Bảo vệ rừng** - các hoạt động bảo vệ rừng tránh các mối nguy hiểm từ thiên nhiên (cháy rừng, sâu bệnh, gia súc phá hoại) và từ con người (chặt phá rừng trái phép, chuyển đổi, lấn chiếm đất rừng trái phép).

- **Các hoạt động khác/LSNG** - các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp như xây dựng đường xá, hay như canh tác và sử dụng các sản phẩm LSNG.

2. Đảm bảo mỗi nhóm đều có các phiếu đã chuẩn bị trong lần thực hành trước ở trước mặt và phát cho mỗi nhóm một bản copy nội dung của kế hoạch hoạt động.

3. Bắt đầu điền thông tin ở phần đầu của bảng biểu. Yêu cầu các nhóm điền thông tin vào cột “Mục tiêu quản lý” đối chiếu với các kết quả của bài thực hành miêu tả lô.

4. Trình bày lại các biểu đồ đã hoàn tất, đặt biểu đồ mô hình cấu trúc rừng bền vững đặt lên trên. Mời một người dân trình bày lại cách xác định các phương án khai thác hay bảo vệ rừng.

5. Đối với các hoạt động sử dụng và tu bổ rừng, cố gắng để các người dân đưa ra các hoạt động theo các cấp đường kính và điền thêm các thông tin vào cột “miêu tả”. Tốt nhất nên đưa ra các câu hỏi như thế nào? cái gì? khi nào? bao nhiêu? nên khai thác bao nhiêu để đảm bảo rừng không bị suy thoái (nhìn vào cấp đường kính nhỏ hơn và cố gắng xem mất bao lâu để cây có thể cho gỗ?, v.v...)

6. Đối với từng hoạt động, yêu cầu các người dân mô tả:

- Sẽ tiến hành hoạt động như thế nào?
- Khối lượng công việc ra sao?
- Ai là người thực hiện?

7. Thảo luận về mục tiêu của hoạt động sử dụng rừng, tu bổ rừng và chi tiết các hoạt động.

8. Nếu được yêu cầu, hỏi về khoản tài chính cần để thực hiện các hoạt động cụ thể, cần bao nhiêu và tiền lấy ở nguồn nào. Ghi lại các kết quả vào cột .

9. Đối với hoạt động bảo vệ rừng đã được xác định ở Quy ước BV&PTR, song nên hỏi các nhóm xem liệu nội dung Quy ước đã đầy đủ để bảo vệ lô quản lý rừng của họ hay chưa? Có cần phải tiến hành các hoạt động bảo vệ rừng nào khác không?

10. Giải thích đối với “LSNG”, sẽ không trình bày chi tiết khối lượng khai thác do khó tính toán và theo dõi số liệu. Thay vào đó, sẽ mô tả kỹ thuật khai thác để đảm bảo tính bền vững cho các loại LSNG cụ thể. Tuy nhiên, cần tham khảo Quy ước BV&PTR để biết về các kỹ thuật khai thác bị cấm sử dụng, ví dụ như: số lượng khai thác, mùa khai thác, loài được phép khai thác, kích thước được phép khai thác v.v...
✓

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

11. Yêu cầu đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả của nhóm và khuyến khích các thành viên khác đặt câu hỏi đối với phần trình bày của nhóm đó.

12. Kết thúc bài thực hành và giải thích rằng đây là phần chính của công tác xây dựng kế hoạch QLRCĐ. Đại diện các nhóm cần thảo luận với các thành viên trong nhóm để thống nhất về bản kế hoạch (trong trường hợp đất rừng đã được giao cho toàn thôn bản, cần thảo luận nội dung bản kế hoạch QLRCĐ trong cuộc họp thôn). Tập hợp tất cả các bản kế hoạch QLRCĐ của từng nhóm (mỗi bản kế hoạch tương ứng với một lô rừng trong thôn) thành bản kế hoạch QLRCĐ cấp thôn và trình UBND xã và huyện để xem xét phê duyệt.

9. Đánh giá và kết thúc

Để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch QLRCĐ đạt hiệu quả thì công tác giám sát, đánh giá là hết sức cần thiết. Ngoài ra, hoạt động đánh giá cũng được coi là bước hữu ích để xem lại những nội dung của khoá học có đáp ứng được những mong đợi của người dân hay không và những bước nào cần được áp dụng khi thực hiện trên thực địa.

Mục tiêu:

- Biết được đợt thực hiện đã đáp ứng được những mong đợi của người dân hay chưa.
- Tìm ra những giải pháp để cải tiến trong thời gian thực hiện tới.

Thời gian: 30 phút

Vật liệu: Giấy A0, bút đánh dấu, danh sách các mong đợi của người dân trong phần giới thiệu.

Các bước thực hiện:

1. Yêu cầu các người dân đưa ra những ý kiến đề xuất của họ và nói cho họ biết rằng những ý kiến này sẽ là cơ sở để cải tiến việc xây dựng kế hoạch QLRCĐ trong tương lai.

2. Tham khảo lại phần liệt kê những mong đợi mà người dân đã viết ra ở phần giới thiệu. Đọc qua những mong đợi đó và hỏi người dân là công tác lập kế hoạch đã đáp ứng được yêu cầu nào.

3. Hỏi người dân về những hoạt động cần thiết tiếp theo và các hỗ trợ cần thiết để thực hiện các hoạt động trên.

4. Hỏi người dân những câu hỏi cụ thể như: Anh (chị) học được nhiều kiến thức nhất ở phần nào? Những kiến thức nào là mới đối với anh (chị)? Nội dung nào anh (chị) không hiểu?

5. Ghi chú những ý kiến người dân nêu ra.

6. Cuối cùng cảm ơn người dân đã tham gia thực hiện lập kế hoạch QLRCĐ và đóng góp vào kết quả cuối cùng.

Phụ lục 1: Quy chế của Tổ quản lý rừng cấp thôn

Câu hỏi hướng dẫn xây dựng Quy chế Tổ quản lý rừng cấp thôn

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Lĩnh vực hoạt động chính của TQLR cấp thôn

*TQLR cấp thôn chịu trách nhiệm về phạm vi và diện tích nào?
Trách nhiệm xây dựng kế hoạch?
Trách nhiệm quản lý tài chính?
Trách nhiệm báo cáo lên các cấp cao hơn?*

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của TQLR cấp thôn

*TQLR cấp thôn có những nguyên tắc nào để thực hiện có hiệu quả khi hỗ trợ cộng đồng dân cư?
Những nguyên tắc kỹ thuật lâm sinh nào cần phải tuân theo vì lợi ích lâu dài của người dân?*

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Điều 3: Quyền của cộng đồng dân cư

*Ai là người có quyền bầu chọn thành viên cho TQLR cấp thôn?
Ai là người xây dựng quy chế hoạt động của TQLR cấp thôn?
Ai là người chịu trách nhiệm bãi bỏ các thành viên TQLR cấp thôn không có năng lực?
Người dân trong thôn cần có những quyền gì để đảm bảo TQLR hoạt động tốt? Làm thế nào tránh các hành động trái pháp luật của TQLR cấp thôn đối với người dân?
Làm thế nào để ra quyết định? Công tác quản lý tài chính?
Làm thế nào để đảm bảo rằng quyết định được thi hành và thực hiện?
Ai là người quyết định biện pháp phân chia lợi ích giữa cộng đồng dân cư thôn, bản?*

Điều 4: Trách nhiệm của cộng đồng dân cư

Cộng đồng dân cư có trách nhiệm gì nhằm đảm bảo việc bảo vệ, quản lý rừng có hiệu quả?

Bao lâu thì tổ chức họp và thảo luận về các vấn đề về quản lý rừng thôn, bản?

Ai là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm?

Nghĩa vụ của người dân khi khai thác các lâm sản là gì?

Ai là người hỗ trợ TQLR cấp thôn trong việc phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm?

Ai là người quyết định mức chi phí đối với những người làm việc cho cộng đồng?

Điều 5: Quy định tham gia QLRCĐ và quyền bầu chọn

Làm thế nào để đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong quá trình ra quyết định?

Những quyết định đó được xây dựng như thế nào trong cuộc họp? (bầu chọn/ đa số/%)

Ai là người có quyền bầu chọn trong cuộc họp?

Điều 6: Bãi bỏ thành viên TQLR cấp thôn

Làm thế nào có thể bãi bỏ các thành viên TQLR cấp thôn kịp thời nếu họ không tuân theo quy chế (tham nhũng) hoặc làm việc không hiệu quả (không tích cực)?

Ai là người hỗ trợ người dân khi xử lý các thành viên TQLR cấp thôn không có năng lực?

CHƯƠNG III

TỔ QUẢN LÝ RỪNG CẤP THÔN

Điều 7: Chức vụ và thời gian bầu chọn

TQLR cấp thôn cần có những chức vụ gì để làm việc có hiệu quả?
Các thành viên có thể làm việc cùng một chức vụ trong bao lâu?
Khi nào sẽ tiến hành bầu chọn lần tiếp theo?
Làm thế nào để bầu chọn một thành viên mới của TQLR cấp thôn?
Ai là người có đủ năng lực để trở thành thành viên của TQLR cấp thôn?
Ai không thể?
Tiêu chí chính để bình chọn thành viên là gì? (học vấn, quan điểm, hành vi ứng xử)

Điều 8: Quyền hạn của TQLR cấp thôn

TQLR cấp thôn cần có những quyền gì để QLRCĐ có hiệu quả?
a) Quản lý quỹ?
b) Tổ chức các cuộc họp?
c) Xử lý các trường hợp vi phạm/ bồi thường?
Làm thế nào để đảm bảo rằng các thành viên không lạm dụng quyền hạn của họ?

Điều 9: Trách nhiệm của TQLR cấp thôn

TQLR cấp thôn phải làm gì cho người dân?
a) Yêu cầu sự giúp đỡ của các cấp cao hơn?
b) Giám sát quy trình khai thác?
Làm thế nào TQLR cấp thôn có thể đảm bảo rằng các thành viên được thông báo đầy đủ về tất cả các hoạt động?

Điều 10: Phụ cấp cho thành viên TQLR cấp thôn

Làm thế nào các thành viên TQLR cấp thôn được chi trả cho những đóng góp của họ đối với cộng đồng dân cư?
Các thành viên TQLR cấp thôn có yêu cầu chi trả công lao động của họ không?
Nếu có, có thể lấy ngân sách ở đâu để chi trả?
Các tổ chức và cán bộ hiện hành có thể sử dụng được hay không? (Hội Phụ nữ- quản lý Quỹ)

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ RỪNG

Điều 11: Bảo vệ rừng

Tham khảo Quy định Bảo vệ Rừng
TQLR cấp thôn có vai trò như thế nào trong việc xử lý các trường hợp vi phạm?
Làm thế nào để thông báo và yêu cầu sự hỗ trợ của các cấp cao hơn?

Điều 12: Điều tra danh mục rừng

TQLR cấp thôn có vai trò gì trong việc thực hiện và phân tích điều tra rừng 5 năm?
Ai là người cất giữ số liệu/ thiết bị?

Điều 13: Kế hoạch Quản lý Rừng (5 năm)

TQLR cấp thôn có vai trò gì trong việc xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch QLRCĐ?
Ai là người trình kế hoạch lên cấp cao hơn để phê duyệt/ cung cấp thông tin?

Điều 14: Sử dụng rừng (tỉa thưa, khai thác)

TQLR cấp thôn có vai trò gì trong việc khai thác lâm sản?
Ai là người kiểm tra việc tuân thủ đúng các quy định khai thác?

Điều 15: Tiếp thị và bán lâm sản

Làm thế nào để cập nhật thông tin về nhu cầu thị trường và giá cả lâm sản?
Ai là người chịu trách nhiệm làm hợp đồng và xử lý các tranh chấp?
Nên bồi thường cho họ như thế nào?
Có mức phạt đối với những trường hợp làm sai quy định không?

Điều 16: Phân chia lợi ích

TQLR cấp thôn có vai trò gì trong việc đảm bảo phân chia lợi ích công bằng giữa các thành viên?

CHƯƠNG V QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 17: Quản lý tài chính

Ai là người quản việc tiền bồi thường?

Ai là người quyết định mục đích sử dụng nguồn tài chính?

Tiền tiết kiệm sẽ gửi ở đâu? (tài khoản tiết kiệm)

Làm thế nào để rút tiền và bao lâu thì rút?

Có thể hỗ trợ các hoạt động nào?

Làm thế nào để các thành viên có thông tin về tình hình tài chính?

CHƯƠNG VI

XỬ PHẠT

Điều 18: Xử lý các trường hợp vi phạm của TQLR cấp thôn

Nên làm gì nếu TQLR cấp thôn làm việc trái với lợi ích của các thành viên?

Các thủ tục để bãi bỏ thành viên TQLR cấp thôn là gì?

Sau khoảng thời gian nào thì thành viên TQLR cấp thôn có thể bị đuổi khi bị kết tội?

Thông báo trường hợp này cho ai?

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 19: Thực hiện và điều chỉnh

Khi nào thì Quy chế này có hiệu lực?

Quy chế này có hiệu lực trong bao lâu?

Khi nào và làm thế nào điều chỉnh và bổ sung quy chế?

Quy chế sẽ công bố cho toàn thể mọi người ở đâu?

Phụ lục 2: Quyết định thành lập BQLR cấp xã.

Ủy ban Nhân dân
.....
Số:...../QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----
Ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

(V/v Thành lập Ban quản lý rừng cấp xã)

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Quyết định 245/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998 và chỉ thị 12/2003/CT-TTg ngày 16/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng.
- Căn cứ tình hình thực tế về công tác Bảo vệ và Phát triển rừng trên địa bàn xã.....
- Căn cứ Biên bản cuộc họp UBND xã ngày / / 200... về việc triển thực hiện kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn xã.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban quản lý rừng cấp xã gồm các ông bà có tên sau:

1. Ông/bà....., Chủ tịch/Phó chủ tịch Trưởng Ban:
2. Ông/bà....., Cán bộ Hạt KL Phó ban:
3. Ông/bà....., Cán bộ lâm nghiệp xã Ban viên:
4. Ông/bà....., Ban viên:

Điều 2: Ban quản lý rừng cấp xã có nhiệm vụ:

- Tham mưu cho UBND xã trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ tạ các thôn, bản trên địa bàn xã. Chỉ đạo các thôn phối hợp với các cơ quan ban ngành, đoàn thể cấp xã thực hiện tốt công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch QLRCĐ của thôn.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn các thôn.
- Kiểm tra, đánh giá và phê duyệt các đề xuất xin khai thác gỗ theo hình thức tĩa thừa rừng để sửa chữa nhà cửa và sử dụng vào các mục đích khác.
- Kiểm tra, đánh giá và trình các đề xuất xin khai thác gỗ để bán (lên chính quyền cấp huyện).
- Kiểm tra, đánh giá và trình các kế hoạch QLRCĐ 5 năm lên UBND huyện phê duyệt
- Đảm bảo các hoạt động QLRCĐ được thực hiện theo các quy định của nhà nước.

.....
Điều 3: Văn phòng UBND xã, Trưởng các cơ quan ban, ngành có liên quan và các Ông, Bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhân:

- UBND huyện (b/c)
- T.vụ Đảng uỷ (b/c)
- TT HĐND xã
- Hạt KL
- Như điều 3.
- Lưu VP

**T/M UBND XÃ
CHỦ TỊCH**
(ký và đóng dấu)

Phụ lục 3: Quyết định thành lập TQLR cấp thôn.

Ủy ban Nhân dân
.....
Số:...../QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----
.....Ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(V/v Thành lập Tổ quản lý rừng thôn)

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Quyết định 245/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998 và chỉ thị 12/2003/CT-TTg ngày 16/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng.
- Căn cứ tình hình thực tế về công tác Bảo vệ và Phát triển rừng trên địa bàn xã.....
- Căn cứ Biên bản cuộc họp thônngày / / 200... về việc triển thực hiện kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn xã..... và đề đề nghị của thôn về việc thành lập TQLR

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Tổ quản lý rừng thôn gồm các ông bà có tên sau:

1. Ông/bà....., Trưởng thôn - Tổ trưởng
2. Ông/bà....., - Tổ viên
3. Ông/bà....., - Tổ viên
4. Ông/bà....., - Tổ viên

Điều 2: Nhiệm vụ của Tổ quản lý rừng cấp thôn bao gồm:

- Phối hợp với BQLR cấp xã, giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch QLRCĐ trên địa bàn thôn.
- Trình các kế hoạch QLRCĐ 5 năm lên BQLR cấp xã
- Thu thập và tổng hợp các đề xuất xin khai thác gỗ chọn lọc để sử dụng hoặc để bán và trình lên BQLR cấp xã
- Lưu trữ sổ theo dõi những hoạt động QLRCĐ đã được thực hiện
- Hỗ trợ các nhóm sử dụng rừng trong việc xây dựng các kế hoạch QLRCĐ và viết đề xuất xin khai thác gỗ
-

Điều 4: Văn phòng UBND xã, trưởng các phòng ban liên quan, Ban chỉ huy thônvà các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c)
- T.vụ Đảng uỷ (b/c)
- TT HĐND xã
- Hạt KL
- Như điều 3.
- Lưu VP

**T/M UBND XÃ
CHỦ TỊCH**
(ký và đóng dấu)

Phụ lục 4: Xây dựng Mô hình rừng bền vững

I. Cơ sở lý luận về hệ thống quản lý rừng dựa trên số thân cây

Khai thác gỗ là giải pháp lâm sinh quan trọng được áp dụng trong quản lý rừng dựa theo mô hình chuẩn, là phương pháp giúp cho các chủ rừng và chính quyền địa phương có thể dễ dàng đánh giá, giám sát và thực hiện.

Theo truyền thống, trữ lượng rừng được sử dụng để xác định các mức độ khai thác được tính toán từ các lô nghiên cứu tăng trưởng và trữ lượng dài hạn sau hàng thập kỷ áp dụng các biện pháp điều tra lặp đi lặp lại. Do đó biện pháp này áp dụng có hiệu quả cho các lâm phần thuần loài và đồng cấp tuổi. Hiện nay, Việt Nam chưa có các dữ liệu tin cậy về tình hình tăng trưởng của rừng tự nhiên và phải mất hàng chục năm để các nhà nghiên cứu cho ra được các kết quả đáng tin cậy. Dữ liệu điều tra hiện có tại các viện cấp quốc gia (Viện Điều tra Quy hoạch rừng) không thể sử dụng được để xây dựng các mô hình tăng trưởng rừng. Do việc thiết kế điều tra rừng hiện tại chỉ phục vụ cho các mục đích về thống kê của cấp quốc gia nên không cung cấp các dữ liệu tin cậy cho quản lý rừng ở cấp độ lâm phần.

Tuy nhiên, các hướng khoa học tiếp cận xác định trữ lượng gần như chắc chắn cho ra các kết quả quá phức tạp khiến chủ rừng cũng như các cán bộ chuyên môn khó có thể giải đoán được. Do đó, nhu cầu đặt ra cần có các chỉ số đơn giản nhưng đảm bảo độ tin cậy phục vụ việc khai thác bền vững nhằm lấp đầy khoảng cách hiện có cho đến khi có được các dữ liệu chi tiết hơn về mức độ tăng trưởng và trữ lượng rừng trong tương lai.

Trong bối cảnh QLRCĐ, phân bố số thân cây theo cấp đường kính được tách ra từ các kết quả điều tra danh mục rừng không có sự thay đổi và được xác định là cấu trúc của một mô hình rừng sản xuất được xây dựng tốt theo hướng quản lý bền vững – mô hình này được gọi là Mô hình rừng bền vững.

Các tham số của việc phân bố cấp đường kính theo số thân cây bao gồm số lượng thân cây và độ rộng của các cấp đường kính và số lượng thân cây theo từng cấp đường kính.

Cấu trúc mô hình rừng bền vững được xem là điểm chuẩn để so sánh với cấu trúc rừng hiện có tại khu vực trong quá trình xây dựng kế hoạch quản lý rừng cấp thôn. Sự mất cân bằng giữa Mô hình quản lý rừng bền vững với trạng thái rừng hiện tại sẽ giúp xác định các phương án khai thác bền vững hoặc các yêu cầu bảo vệ cho từng cấp đường kính.

Xét đến tính đơn giản và thực tế của các hướng tiếp cận trong QLRCĐ, người ta không tính toán trữ lượng mà sử dụng số thân cây theo từng cấp kính cho tất cả các hoạt động lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát.

Trong bối cảnh LNCD, việc đáp ứng các nhu cầu đa dạng của chủ rừng về gỗ thông qua các cấp đường kính cũng như cung cấp một cách ổn định các sản phẩm từ rừng. Các hệ thống quản lý rừng tập quán hoàn toàn trái ngược với các mô hình sử dụng rừng hiện có và nhu cầu của người dân sống phụ thuộc vào rừng và do đó không mang tính đại diện cho các giải pháp khả thi về kinh tế và xã hội.

Việc xác định số cây theo cấp đường kính là công việc mà người dân và các cán bộ hiện trường có thể đo đạc và cho phép miêu tả rất chính xác để xác định các biện pháp quản lý dự kiến – các biện pháp này không thể xác định được nếu chỉ sử dụng số liệu chung chung về trữ lượng. Do đó, bất kỳ yêu cầu khai thác nào cũng phải hướng tới việc cải thiện cấu trúc rừng hiện có tiến tới gần với cấu trúc mô hình rừng bền vững.

Mô hình rừng bền vững cung cấp công cụ giám sát hiệu quả với khả năng của các cán bộ hiện trường và của người dân, nhằm hỗ trợ tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm và tăng sự tự tin của người dân khi làm việc với các cơ quan chính quyền. Nếu không đặt ra các mốc chuẩn rõ ràng, việc phê duyệt các hoạt động khai thác của cộng đồng sẽ rất khó khăn và sẽ khiến họ dễ bị tổn hại bởi các khoản thuế gián tiếp.

Hướng dẫn thực hiện “thiết lập mô hình rừng tối ưu” đã được ban hành theo chương trình thí điểm về lâm nghiệp cộng đồng của Bộ NN&PTNT. Phần mô tả quy trình chính được nêu chi

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

tiết tại Công văn số 815/CV-LNCGĐ, ngày 12/07/2007 áp dụng cho 40 xã dự án TFF. Tuy nhiên, do các quy định được xây dựng trước khi ban hành Thông tư 38/2007/TT-BNN, các quy định này không sử dụng nguồn dữ liệu có sẵn trong quá trình GDGR. Ngoài ra, hướng dẫn không quy định rõ số cấp đường kính tương ứng hoặc độ rộng cấp đường kính sẽ áp dụng trong quá trình xây dựng mô hình rừng bền vững.

Đến nay, dự án đã xây dựng được 42 mô hình rừng bền vững trên tất cả các vùng sinh thái nông nghiệp của cả nước và đây sẽ là nguồn tham khảo hữu ích khi xây dựng mô hình rừng bền vững dựa trên nguồn cơ sở dữ liệu điều tra danh mục rừng trong GDGR.

II. Mô tả kỹ thuật hướng tiếp cận Mô hình rừng bền vững.

Với đặc điểm đặc trưng của rừng nhiệt đới, thì rừng tự nhiên có cấu trúc đa tầng tán, đa loài và nhiều cấp tuổi khác nhau. Sự phân bố số cây theo cấp đường kính giảm dần từ cấp đường kính nhỏ đến cấp đường kính lớn.

Với đặc điểm trên được miêu tả rõ nhất qua hàm số mũ âm thường được dùng làm tiêu chuẩn xác định kế hoạch khai thác cho rừng tự nhiên trong một hệ thống khai thác có nhiều chu kỳ (Gadow và Hui 1999). Sự phân bố này thường được so sánh với quy tắc phân bố của De Liocourt (1898) hoặc hàm số Meyer (1933) và cấu trúc phương trình chính là $Y = A \cdot e^{-B(\text{dbh})}$ trong đó A và B là các hằng số. Hằng số A phản ánh trữ lượng của các cây con rất nhỏ trong khi hằng số B quản lý tần suất tương đối giữa các cấp đường kính kế tiếp nhau.

Với cấu trúc rừng như vậy, khi khai thác một cây ở cấp đường kính lớn thì sẽ được thay thế bởi nhiều cây ở cấp kính nhỏ hơn giúp đảm bảo tính bền vững của lâm phần và do đó giúp ta xác định được tiêu chí quan trọng trong việc xây dựng cấu trúc rừng bền vững.

Các biến số của bất kỳ hàm phân bố số cây theo đường kính luôn bao gồm số cấp đường kính, độ rộng cấp đường kính và số cây trong mỗi cấp đường kính. Các biến số thể hiện cấu trúc rừng sản xuất được xây dựng tốt nhằm mục đích quản lý rừng bền vững, cấu trúc này được gọi là Mô hình rừng bền vững.

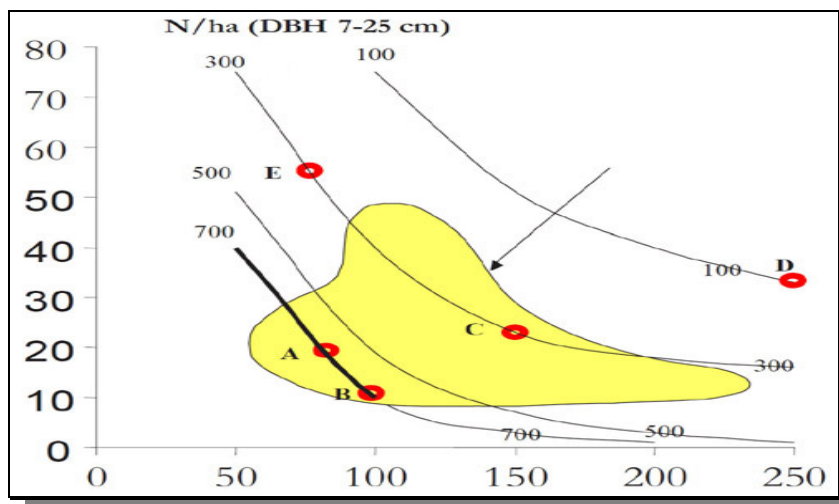
Cần hiểu hướng tiếp cận mô hình rừng bền vững như một mô hình tĩnh, so sánh trạng thái của khu rừng hiện có với trạng thái của mô hình rừng bền vững. Không cần hoặc không yêu cầu dự đoán sự tăng trưởng về trữ lượng trong giai đoạn 5 năm vì người ta chỉ khai thác số lượng cây bị dôi dư. Sau một giai đoạn 5 năm, cần đánh giá lại trạng thái rừng mới và trạng thái rừng mới sẽ lại được so sánh với trạng thái của mô hình chuẩn để xác định số lượng khai thác mới.

Trong trường hợp có thể lấy dữ liệu tin cậy về sự tăng trưởng và số lượng rừng, người ta có thể điều chỉnh độ rộng của các cấp đường kính tương ứng để thể hiện thời gian cây tăng trưởng và nhập vào cấp đường kính lớn hơn trong quãng thời gian 5 năm, được gọi là chuỗi thời gian của cây (Alder và Synnot 1992). Về mặt này, mô hình chuẩn có thể dự đoán được mức tăng trưởng của một lâm phần trong vòng 5 đến 10 năm tới. Tuy nhiên, như đã được đề cập ở trên, các dữ liệu về sự tăng trưởng và trữ lượng không phải là các biến số đầu vào bắt buộc để tính toán mô hình rừng bền vững.

Trong các hệ thống quản lý rừng ở Châu Âu, việc phân bố theo số cây theo cấp đường kính như vậy được gọi là "Stammzahleitkurven" theo cách gọi của Kurth (1978) và được áp dụng để điều chỉnh việc tỉa thưa và khai thác tại các lâm phần có độ tuổi không đồng đều.

Hình thức phân bố số cây thay đổi tùy thuộc vào a) chất lượng địa điểm và quan trọng nhất là vào b) cơ chế quản lý được áp dụng (cơ chế tỉa thưa). Tính bền vững cho một dạng rừng cụ thể có thể được đảm bảo thông qua việc áp dụng các kiểu phân bố số cây khác nhau. "Điện tích, cấu trúc rừng bền vững" được đề cập với tên gọi "Trái tim Mitscherlich" và được minh họa dưới dạng hình đa giác màu vàng ở hình 1.

Kết quả là tính bền vững của một kiểu rừng cụ thể có thể đạt được thông qua các mô hình rừng bền vững tùy thuộc theo mục tiêu quản lý mong muốn và công tác quản lý được áp dụng. Điều này cho thấy rằng không có tiêu chuẩn nào là duy nhất và cấu trúc phân bố có thể được người xây dựng mô hình điều chỉnh dựa trên các yêu cầu về quản lý rừng và chính trị/pháp lý.



Hình 1: Khu vực cấu trúc rừng bền vững (khu vực màu vàng) – Trái tim Mitscherlich

III. Các yêu cầu về dữ liệu để thiết lập mô hình rừng bền vững.

Việc xây dựng các mô hình rừng bền vững phải dựa trên các dữ liệu tổng hợp lấy từ danh mục điều tra rừng, mô tả các đặc điểm chính của rừng như số cây, đường kính, chiều cao cây và trữ lượng rừng.

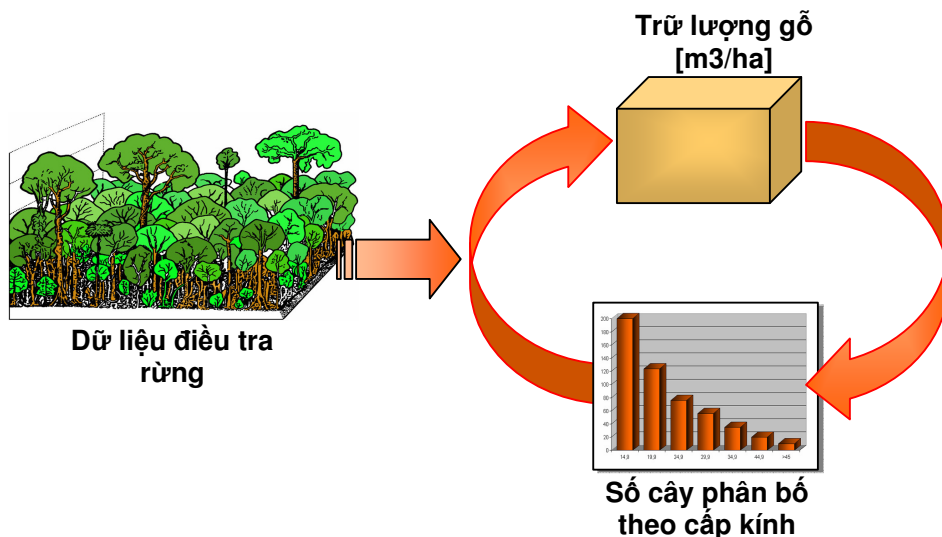
Các mô hình rừng bền vững phải được xây dựng riêng rẽ cho các dạng rừng chính trong mỗi vùng sinh thái để phản ánh chính xác các tiềm năng sản xuất cụ thể của từng dạng rừng.

Do chỉ có thể thực hiện QLRCĐ sau khi hoàn tất QHSDĐ&GDGR, nên chỉ cần xây dựng các mô hình rừng bền vững sau khi điều tra danh mục rừng tổng hợp đã được thực hiện tại khu vực rừng có liên quan.

Dữ liệu điều tra rừng trong quá trình GDGR cho ta một cơ sở đảm bảo yếu tố kỹ thuật và miễn phí để xây dựng các mô hình rừng bền vững, do các dữ liệu đã được phê duyệt là dữ liệu “hợp lệ” trong quá trình cấp hồ sơ quản lý rừng.

Với việc áp dụng dữ liệu điều tra từ các lâm phần thực tế tại điểm điều tra, hoàn toàn có thể đảm bảo các mô hình rừng bền vững đã được xây dựng nằm trong tiềm năng tăng trưởng thực tế của khu vực rừng liên quan.

Nhìn chung, dữ liệu điều tra rừng có thể được trình bày dưới hình thức: a) ước đoán trữ lượng, hoặc b) phân bố số cây theo cấp đường kính. Cả hai kết quả đều dựa trên cùng một cơ sở dữ liệu do đó thể hiện lâm phần giống nhau (xem Hình 2).



Hình 2: Các phương án trình bày các kết quả điều tra danh mục rừng

Kết quả là bất cứ số liệu nào liên quan đến trữ lượng cũng có thể chuyển sang biểu đồ số cây và ngược lại. Theo cách này, Quyết định 40/2005/QĐĐ-BNN ngày 07/07/2005 về việc quy định khai thác gỗ và lâm sản của Bộ NNPTNT có thể được áp dụng một cách trực tiếp (ví dụ 130m³/ha) và được minh họa dưới dạng biểu đồ số cây sử dụng dữ liệu thô tách ra từ cơ sở dữ liệu trong GDGR tại khu vực có liên quan.

Lưu ý: việc xây dựng các Mô hình rừng bền vững trong cùng một thời điểm phải kết hợp chặt chẽ với các yêu cầu về kỹ thuật lâm sinh và quản lý trong cùng một mô hình! Hình dáng chính xác của mô hình theo một vài khía cạnh phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của người xây dựng mô hình và không hoàn toàn chỉ dựa trên các kết quả nghiên cứu khoa học. Mô hình rừng bền vững không được đưa ra với mục đích mô tả một khu rừng tự nhiên chưa bị tác động bởi con người mà phải mô tả khu rừng có sự quản lý bền vững và được xây dựng theo nhu cầu của chủ sử dụng rừng.

IV. Các bước thực hiện xây dựng mô hình rừng bền vững

Bước 1: Phỏng vấn chủ rừng.

Mô hình rừng bền vững được thiết kế cần phải phản ánh được nhu cầu về lâm sản của người dân. Thêm vào đó, các loại lâm sản được chủ rừng ưu tiên lựa chọn sẽ quyết định mục tiêu quản lý cho lâm phần có liên quan. Nếu người dân cần các loại cây gỗ to để làm nhà, mục tiêu quản lý và theo đó là mô hình rừng bền vững cần phải khác biệt so với một mô hình tiêu biểu của khu rừng trong đó người dân cần các loài cây gỗ trung bình và nhỏ để lấy hỗn hợp gỗ, cọc và củi đun.

Do đó, việc phỏng vấn các chủ rừng không phải là một phương án lựa chọn mà là một hoạt động cần phải có đối với hướng tiếp cận của phương pháp xây dựng mô hình rừng bền vững.

Vì vậy, nên xác định mô hình rừng bền vững thông qua việc sử dụng đường kính khai thác mong muốn làm định hướng phân bố số cây theo cấp đường kính và thiết kế tối ưu cho mô hình.

Một việc quan trọng cần phải lưu ý đó là: mặc dù mô hình rừng bền vững xác định giới hạn trên của cấp đường kính, chủ rừng hoàn toàn không bị buộc phải khai thác nếu cây đạt đường kính có thể khai thác tương ứng. Thay vào đó, người dân được toàn quyền chọn lựa thời gian thích hợp để khai thác, miễn sao vẫn tuân thủ các giới hạn do mô hình rừng bền vững đặt ra.

Bước 2: Xác định các kiểu rừng phổ biến

Trước khi tiến hành tại thực địa, phải phân tầng các kiểu rừng phổ biến về tiềm năng sản xuất của các kiểu rừng khác nhau và kết cấu rừng đi kèm.

Mục tiêu là xác định các kiểu rừng khác nhau rõ rệt về các tiêu chí kể trên, sau đó mô tả chúng theo các mô hình rừng bền vững riêng biệt. Cần thu thập đầy đủ dữ liệu thông qua tìm hiểu các nguồn dữ liệu thứ cấp ví dụ như số liệu thống kê cấp tỉnh, kết quả điều tra phân loại 3 loại rừng hay các bộ dữ liệu về điều tra danh mục rừng trong GDGR.

Dựa trên kết quả phân tích dữ liệu thứ cấp, xác định số mô hình rừng bền vững mong muốn cho khu vực thực hiện tương ứng (huyện, tỉnh, vùng sinh thái nông nghiệp, v.v...).

Nếu tính đến yếu tố các ban ngành cấp huyện áp dụng mô hình rừng bền vững trong tương lai, nên hạn chế số lượng các mô hình rừng bền vững ở mức độ phù hợp nhất có thể.

Các mô hình rừng bền vững được thiết kế để trình bày cấu trúc rừng theo hướng quản lý bền vững chứ không phục vụ cho cấu trúc rừng tự nhiên chưa bị tác động. Việc quản lý dưới hình thức tái thừa tu bổ rừng là yếu tố quan trọng để định hình một khu vực rừng hướng đến cấu trúc rừng mong muốn. Do đó, các kiểu rừng khác nhau thông qua các biện pháp quản lý được áp dụng có thể được định hình trở về một kiểu cấu trúc rừng chung nhất. Vì vậy, các kiểu rừng khác nhau có thể được điều chỉnh phù hợp với một kiểu mô hình rừng bền vững đơn nhất.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Ngoài ra, hàng loạt các mô hình rừng bền vững xây dựng cho mỗi kiểu rừng, loại đất, điều kiện tăng trưởng khác nhau, v.v... sẽ dẫn đến chi phí quá cao và khó quản lý và không mang lại các lợi ích nào khác cho mục tiêu chung về bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

Bước 3: Thiết kế cấu trúc mô hình rừng bền vững

Thiết kế của cấu trúc mô hình rừng bền vững được dựa trên việc xác định số lượng và độ rộng của các cấp đường kính.

Dựa trên kinh nghiệm thực tế của các dự án khác tại Việt Nam, tất cả 7 cấp đường kính được đề xuất và xem xét là phù hợp nhất nhằm: a) cung cấp hướng dẫn yếu tố kỹ thuật đảm bảo cho các chủ sử dụng rừng trong quá trình sử dụng và quản lý (số cấp đường kính tối thiểu cần có) và b) phù hợp với năng lực của người dân địa phương tham gia vào quá trình thu thập dữ liệu, phân tích và lựa chọn cây để khai thác (cấp đường kính tối đa có khả năng khai thác).

Cấp đường kính tối thiểu của mô hình rừng bền vững bắt đầu ở mức 8 cm ở độ cao 1,3m (chiều cao ngang ngực) phù hợp với quy định tại Thông tư 38/2007/TT-BNN.

Độ rộng các cấp đường kính được đặt ở mức trung bình 5 cm thường được các công ty hoạt động lâm nghiệp chuyên nghiệp áp dụng trong các hệ thống quản lý rừng thông thường. Độ rộng của cấp đường kính cao thứ nhì được đặt ở mức 10cm do số cây thực tế có thể phát hiện ra trong lâm phần trẻ hoặc rừng nghèo kiệt được giao cho người dân thường ở cấp này khá thấp. Thiết kế cấp đường kính phục vụ việc xây dựng thước đo điều chỉnh được cung cấp ở Bảng 1.

Bảng 1: Thước đo cây - Thiết kế cấp đường kính

Cấp đường kính ngang ngực [cm]	8-15	15-20	20-25	25-30	30-35	35-45	> 45
Độ rộng cấp đường kính [cm]	7	5	5	5	5	10	>
Giải màu và ký hiệu chỉ số cấp đường kính	Vàng	Đen	Sọc	Xanh	Chấm	Răng cưa	Đỏ

Cây có đường kính ngang ngực trên 45cm được gộp vào một cấp đường kính do hầu hết các khu rừng non hoặc rừng nghèo kiệt dự kiến được giao cho người dân địa phương có số lượng lớn cây ở trong cấp kính nhỏ hơn, chỉ có một số cây vượt quá cấp đường kính trên 45cm. Ngoài ra, bảng trên cũng giúp xác định cấp đường kính phù hợp cho khai thác.

Bước 4: Thu thập dữ liệu sẵn có về các đặc điểm của rừng

Cần có dữ liệu thô về điều tra danh mục rừng chính xác và đáng tin cậy để xây dựng mô hình rừng bền vững và thực tế nên thu thập các dữ liệu thô từ các cơ sở dữ liệu điều tra danh mục rừng trong GDGR. Cần có cơ sở dữ liệu sử dụng định dạng Excel theo quy định của Hướng dẫn thực hiện về QHSDĐ&GDGR có sự tham gia của Tỉnh ban hành ngày 16/12/2008.

Trong trường hợp chưa có dữ liệu ước đoán trữ lượng cần tiến hành phân tích hồi quy đường cong và lập phương trình 2 ẩn (độ cao – đường kính) cho kiểu rừng liên quan theo quy định trong Thông tư 38/2007/TT-BNN (xem thêm hướng dẫn chi tiết về quy trình thực hiện tại Hướng dẫn thực hiện cấp tỉnh về quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng có sự tham gia).

Nên bổ sung tất cả các dữ liệu nghiên cứu sẵn có từ các nguồn tin cậy để hoàn tất cơ sở dữ liệu hiện có.

Bước 5: Phân tích dữ liệu và xác định các mốc chuẩn của mô hình rừng bền vững

Cấu trúc tối ưu của mô hình rừng bền vững có thể được xác định qua trữ lượng gỗ [m^3/ha] hoặc tiết diện ngang [m^2/ha].

Theo truyền thống, trữ lượng gỗ được áp dụng theo như cách xác định trong Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/07/2005 về việc quy định khai thác gỗ và lâm sản của Bộ NNPTNT. Mức hạn chế khai thác (ví dụ $\geq 130m^3$) chủ yếu được lấy từ kết quả nghiên cứu khoa học song

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

được điều chỉnh lần cuối theo quyết định mang tính pháp lý. Do đó, mức hạn chế này không thể chỉ giải thích theo quan điểm khoa học lâm nghiệp.

Tương tự với mức trữ lượng, mốc chuẩn của mô hình rừng bền vững được xác định trong mức tiềm năng sản xuất tự nhiên của mỗi kiểu rừng liên quan (rà soát lại dữ liệu điều tra rừng) nhưng tối ưu nhất phải là một quyết định vừa mang tính khoa học vừa mang tính pháp lý.

Do đó, khi xác định các mốc chuẩn của mô hình rừng bền vững cần đạt được sự thỏa hiệp giữa các mục tiêu đặt ra ở trên.

Để đảm bảo đạt được tối thiểu là các lợi ích nhỏ song rõ ràng (các phương án khai thác đối với các lô rừng được giao) cho các hộ gia đình trong tương lai, đề xuất đặt ra là nên đặt mốc chuẩn ở mức khiêm tốn (ví dụ, thấp hơn một chút so với mức xác định theo Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/07/2005 về việc quy định khai thác gỗ và lâm sản của Bộ NN&PTNT). Về lâu dài, cấu trúc mô hình rừng bền vững có thể được điều chỉnh thêm nếu các nguồn lực của rừng được tu bổ đáng kể và trên diện rộng đạt được các mốc chuẩn của mô hình đối với các cấp đường kính.

Bước 6: Xác định số cây theo cấp đường kính

Một khi mốc chuẩn đã được xây dựng, cơ sở dữ liệu sẽ được rà soát để lấy các dữ liệu điều tra danh mục rừng thể hiện rõ nhất mốc chuẩn (giữ nguyên con số về trữ lượng). Mẫu này sẽ thể hiện cấu trúc rừng mong muốn và được sử dụng như mô hình rừng bền vững sơ bộ.

Cuối cùng, có thể áp dụng đồ thị số mũ theo hàm Meyer trên cấu trúc sơ bộ để làm nhẵn và chuẩn hóa đường cong.

Số cây trong mỗi cấp đường kính nên được làm tròn nhằm xác định một cấu trúc rõ ràng và đơn giản để người dân cũng như cán bộ chính quyền cấp xã và huyện có thể sử dụng được.

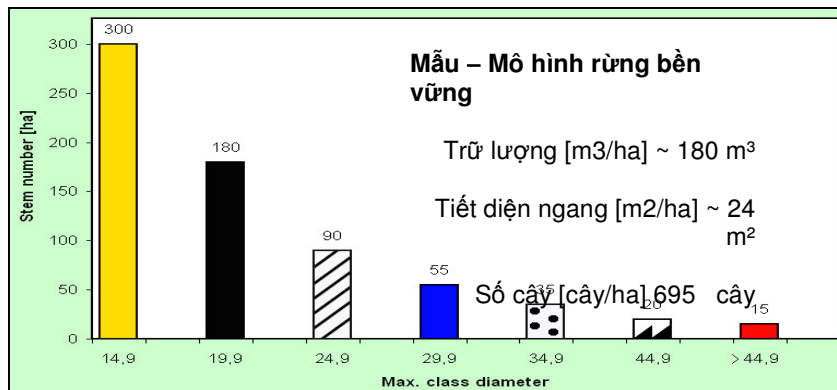
Tính toán tiết diện ngang⁴ để có nhận biết rõ hơn về mật độ của lâm phần và kiểm tra chéo tính khả thi của việc phân bố số cây theo cấp đường kính bằng cách so sánh con số phân bố với các kết quả nghiên cứu khoa học có sẵn từ các nguồn trong và ngoài khu vực nghiên cứu.

Phân bố cấp đường kính được xây dựng cho tất cả các loài cây không phân biệt loài cây, giá trị sinh thái hay kinh tế của chúng.

Bước 7: Mô tả và duyệt mô hình rừng bền vững (Sở NN&PTNTra quyết định duyệt)

Cuối cùng, các mô hình rừng bền vững cần có sự phê duyệt từ phía Sở NN&PTNT trước khi chúng có thể được áp dụng trong bối cảnh QLRCĐ.

Do đó, cần bổ sung thêm vào trong mô hình rừng bền vững bản mô tả ngắn thể hiện nguồn dữ liệu chính, quy trình ra quyết định trong quá trình phân tích dữ liệu và miêu tả Mô hình rừng bền vững trước khi trình lên Sở NN&PTNT để phê duyệt.



⁴ Tiết diện ngang của tất cả các cây trong một đơn vị rừng, thường được đo như đường kính ở độ cao ngang ngực (dbh) và được thể hiện bằng m² trên hecta. Thường được dùng để đo mật độ cây trong một lâm phần

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

	Min.	Max.	Min.	Max.	Min.	Max.	Min.	Max.	Min.	Max.	Min.	Max.		
<i>Cấp đường kính</i>	8	14,9	15	19,9	20	24,9	25	29,9	30	34,9	35	44,9	45	
<i>Số cây/ha</i>	300		180		90		55		35		20		15	
<i>Độ rộng cấp kính</i>	7		5		5		5		5		10		Để mở	

Hình 3: Mẫu một mô hình rừng bền vững xác định theo trữ lượng gỗ là 180m³/ha

Đề xuất tiêu chuẩn áp dụng cho toàn quốc

Theo đề xuất, tiêu chuẩn lập mô hình rừng bền vững ở cấp quốc gia cho bảy vùng sinh thái nông nghiệp của Việt Nam như sau:

- 1) Việc lập các mô hình rừng bền vững ở Việt Nam chỉ nên giao cho một nhóm chuyên gia về lâm sinh thực hiện để đảm bảo tiêu chuẩn và phương pháp áp dụng thống nhất.
- 2) Mỗi vùng sinh thái nông nghiệp nên có một mô hình rừng bền vững riêng.
- 3) Độ rộng cấp đường kính nên được chuẩn hóa để đảm bảo một thước đo đường kính chuẩn có thể sử dụng được cho toàn bộ các vùng của Việt Nam và được đề xuất như sau:

Bảng 2: Thiết kế cấp đường kính cho Mô hình rừng bền vững

Cấp đường kính [cm]	8-15	15-20	20-25	25-30	30-35	35-45	> 45
Độ rộng cấp đường kính [cm]	7	5	5	5	5	10	>
Giải màu và ký hiệu chỉ số cấp đường kính	Vàng	Đen	Sọc	Xanh	Chấm	Răng cưa	Đỏ
Số cấp đường kính	1	2	3	4	5	6	7

Phụ lục 5: Mẫu kế hoạch quản lý rừng cộng đồng cấp thôn bản

<p style="text-align: center;">CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----***-----</p> <p style="text-align: center;">KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG CẤP THÔN BẢN</p> <p style="text-align: center;">Thôn</p> <p style="text-align: center;">Xã</p> <p style="text-align: center;">Huyện.....</p> <p style="text-align: center;">Tỉnh</p> <p style="text-align: center;">Giai đoạn từ đến</p> <p style="text-align: right;">Ngày tháng năm</p>
--

UBND HUYỆN
UBND XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ... /TT-UB

....., ngày.... tháng năm 2006

TỜ TRÌNH

«V/v đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rừng cộng đồng cấp thôn bản»

Kính gửi : - UBND huyện

Bản kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng là kết quả của quá trình lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng thôn bản/nhóm hộ sử dụng dưới sự hướng dẫn của ban ngành địa phương có liên quan, tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý rừng được nêu trong Luật bảo vệ và phát triển rừng của Chính phủ Việt Nam.

Bản kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng hướng tới việc sử dụng và phát triển bền vững các nguồn tài nguyên rừng của thôn

Bản kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng được xây dựng để thực hiện trong 5 năm nhằm tạo sự ổn định trung hạn cần thiết để hướng dẫn việc thực hiện nhất quán các hoạt động quản lý rừng bền vững được trình bày trong bản kế hoạch.

Tất cả các tác động về mặt lâm sinh bao gồm cơ chế khai thác hàng năm đều dựa trên kết quả điều tra danh mục rừng đúng kỹ thuật được tiến hành cùng với toàn thể cộng đồng thôn/nhóm hộ sử dụng.

Chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện cấp cho toàn bộ diện tích rừng được nêu trong bản kế hoạch và được trao cho các đối tượng quản lý rừng hiện tại vào năm Thông tin bản đồ liên quan về nguồn tài nguyên rừng của thôn hiện có trong bản đồ giao đất rừng cấp thôn đã cập nhật được lưu giữ tại UBND xã.....

Bản kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng cho từng lô quản lý rừng trong diện tích rừng của thôn được dựa trên một danh mục rừng độc lập.

Để Bản kế hoạch Quản lý sử dụng rừng của xã được đưa vào thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rừng, phát triển rừng và bảo vệ rừng. UBND xã kính đề nghị UBND huyện xem xét phê duyệt bản Kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng của xã (chi tiết có Hồ sơ kèm theo).

Nơi nhân:

- Như trên
- Lưu

**T/M UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

(ký và đóng dấu)

Bảng 1: Các lô rừng hiện đang được các nhóm hộ sử dụng quản lý

(Kèm theo tờ trình số TT/UB ngày ... tháng....năm của

- Số nhóm hộ sử dụng rừng/thôn (chỉ cần thiết nếu hoạt động quản lý theo nhóm hộ dựa trên cơ sở có các giấy CNQSDĐ cho riêng từng hộ gia đình)
- Đối với nhóm hộ sử dụng rừng/thôn có chung giấy CNQSDĐ đề nghị xem thêm chi tiết trong giấy CNQSDĐ và Hồ sơ quản lý rừng của nhóm hộ

TT	Nhóm (Trưởng nhóm)	Địa điểm			Diện tích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
Tổng số nhóm sử dụng				Tổng diện tích rừng [ha]	

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Bảng 2: Kế hoạch quản lý rừng tự nhiên 5 năm (Số lô rừng bao gồm 01 hoặc nhiều nhóm hộ sử dụng)

(Kèm theo tờ trình số TT/UB ngày ... tháng....nămcủa

Diện tích [ha]	Tiểu khu	Khoảnh	Lô				
Nhóm hộ							
Loại rừng							
Mục đích quản lý							
Mục tiêu	Khối lượng	Đơn vị	Miêu tả	Trách nhiệm	Ngân sách yêu cầu	Nguồn	
Sử dụng [đường kính ≥ 20 cm] Đỏ = ≥ 45 cm Răng cưa = 35 - 44,9 cm Chấm = 30 - 34,9 cm Xanh = 25 - 29,9 cm Sọc = 20 - 24,9 cm	Đỏ		cây				
	Răng cưa		cây				
	Chấm		cây				
	Xanh		cây				
	Sọc		cây				
Cải tạo Đen = 15 – 19,9 cm Vàng = 08 - 14,9 cm	Đen		cây				
	Vàng		cây				
<i>Nuôi dưỡng rừng</i>		ha	<i>Loài:</i>				
Bảo vệ Xem thêm chi tiết trong QUBVPTR							
Khác /LSNG							

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
 Chi cục kiểm lâm

Bảng 3: Kế hoạch quản lý rừng 5 năm cấp thôn (Cấp thôn)

(Kèm theo Tờ trình số TT/UB ngày ... tháng....nămcủa

	Hoạt động	Tổng diện tích [ha]	Tuổi	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Ngân sách yêu cầu	Nguồn
Khai thác	<i>Keo tai tượng(1600 cây/ha)</i>							
	<i>Bạch đàn(1600 cây/ha)</i>							
	...							
	<i>Lâm sản ngoài gỗ</i>							
	Tổng khai thác [ha]							

	Hoạt động	Tổng diện tích [ha]	Đơn vị	Khoảnh	Lô	Ngân sách yêu cầu	Nguồn
Trồng rừng	<i>Keo tai tượng (1600 cây/ha)</i>						
	<i>Bạch đàn (1600 cây/ha)</i>						
	...						
	<i>Lâm sản ngoài gỗ</i>						
	Tổng trồng rừng [ha]						

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Phụ lục 7: Sổ theo dõi của xã/thôn – khai thác gỗ rừng tự nhiên

Bảng 4: Sổ theo dõi của xã/thôn – khai thác gỗ rừng tự nhiên

Thôn								Xã				Kế hoạch 5 năm	Từ đến	
		Cấp đường kính [cm]						Địa điểm khai thác						
		08-14,9	15-19,9	20-24,9	25-29,9	30-34,9	35-44,9	≥ 45	Lô	Khoảnh	Lô	Ký tên	Ký tên	
		Gỗ cho phép khai thác trong 5 năm						Số hộ được phép khai thác					<i>Trưởng nhóm</i>	<i>UBND xã</i>
		Khai thác thực tế						Số hộ khai thác thực tế						
Tổng														
Cân bằng¹														

¹(khai thác cho phép – khai thác thực tế)

Phụ lục 8: Hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh đối với quản lý rừng tự nhiên

1. Giới thiệu

Hướng dẫn này áp dụng cho các chủ rừng là nhóm hộ và cộng đồng buôn (thôn) đã được giao rừng tự nhiên để quản lý và bảo vệ lâu dài (giấy chứng nhận sở hữu và hồ sơ quản lý rừng).

1.1 Tình hình lâm sinh trong bối cảnh QLRCĐ

Do hầu hết những người sử dụng rừng chưa được tập huấn về quản lý và lập kế hoạch nên tài liệu hướng dẫn này nhằm hướng dẫn các khái niệm chính cũng như các kỹ thuật lâm sinh lựa chọn điều chỉnh phù hợp với năng lực hiện tại của cấp cơ sở. Vì vậy, quy trình kỹ thuật lập kế hoạch và lâm sinh truyền thống áp dụng cho các lâm trường quốc doanh phải được đơn giản hoá để đảm bảo cho người quản lý rừng có thể sử dụng rừng một cách bền vững.

Sự khác nhau giữa kỹ thuật lâm sinh truyền thống và kỹ thuật lâm sinh trong quản lý rừng cộng đồng (CFM)

Các chỉ tiêu so sánh	Lâm nghiệp truyền thống (áp dụng cho lâm trường quốc doanh)	Quản lý rừng cộng đồng
Phân loại lâm sản khai thác	Khai thác chọn lọc các loài gỗ cho mục đích thương mại dựa trên đường kính khai thác tối thiểu. Không có cải thiện lâm phần thông qua việc tỉa thưa các cấp kính nhỏ hơn ("khai thác và chờ")	Khai thác chọn từng cây theo tất cả các cấp kính dựa trên mô hình rừng bền vững. Lâm phần được cải thiện thông qua việc loại bỏ những cây xấu, dây leo, cây bụi để làm củi.
Các đơn vị tính toán	Mét khối	Số cây theo mỗi cấp kính
Chu kỳ khai thác	Một chu kỳ khai thác >30 năm (xem Quyết định 40/2005/QĐ-BNN)	Khai thác liên tục với khối lượng nhỏ theo nhu cầu địa phương (theo hệ thống quản lý rừng lâu dài)
Khối lượng mỗi lần khai thác	Khối lượng lớn (khai thác một lần toàn bộ số gỗ tăng trưởng trên 20 năm) theo tiêu chí thị trường, ví dụ chi phí vận chuyển, khối lượng bán, tiền công và các chi phí khác	Khối lượng nhỏ đến vừa (chủ yếu để dụng và số dư để bán)
Hoạt động khai thác	Các hoạt động khai thác sử dụng cơ giới hoá cao; phụ thuộc vào mạng lưới đường vận chuyển; đầu tư cao	Khai thác bằng tay hoặc máy ít bị tác động, sơ chế tại bãi khai thác và không yêu cầu nhiều về mạng lưới đường vận chuyển; đầu tư thấp
Tác động tới lâm phần còn lại	Hư hại nhiều do các hoạt động khai thác và kéo gỗ bằng phương tiện cơ giới; Nhiều nguy cơ về xói mòn đất, cỏ và dây leo mọc lên phá hoại sau khi mở tán	Gỗ được khai thác có định hướng theo cấu trúc rừng đã cải thiện từ mô hình rừng bền vững. Nguy cơ xói mòn đất và sự xâm nhập của cỏ dại thấp do khai thác với mật độ thấp

1.2 Nguyên tắc áp dụng kỹ thuật lâm sinh trong quản lý rừng cộng đồng

Các nguyên tắc	Mô tả
Có sự tham gia của người dân, cộng đồng	Các chủ rừng tham gia vào bước lập kế hoạch, thực hiện và giám sát và những kết quả chính đó sẽ do họ “sở hữu” và cam kết thực hiện. Các hoạt động trong khả năng của người dân tiếp tục thực hiện độc lập, lâu dài.
Sử dụng tài nguyên rừng đa mục tiêu, đa tác dụng	QLRCĐ đáp ứng được nhu cầu đa dạng của cộng đồng về gỗ, củi và LSNG, đồng thời đảm bảo các chức năng sinh thái của rừng theo ý tưởng “Bảo vệ rừng thông qua sử dụng bền vững”
Các quy trình lập kế hoạch liên quan	Chỉ thu thập và biên soạn những thông tin thật cần thiết về mục đích quản lý rừng (giảm thiểu quy trình lập kế hoạch và báo cáo)
Hiệu quả chi phí, thời gian	Quy trình này có hiệu quả chi phí và thời gian đảm bảo cộng đồng có thể áp dụng lập kế hoạch, thực hiện và báo cáo
Vận dụng kiến thức địa phương	Lồng ghép kinh nghiệm và kiến thức địa phương về sử dụng lâm sản (cây thuốc, vật liệu, thức ăn...) vào quy trình lập kế hoạch để tăng lợi nhuận cho cộng đồng và thoả mãn nhu cầu lâm sản đa dạng của cộng đồng
Cơ sở kỹ thuật quản lý rừng chính xác	Lập kế hoạch quản lý sử dụng rừng theo quy trình kỹ thuật chính xác và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về quản lý rừng bền vững
Sử dụng bền vững	Chỉ được phép sử dụng rừng dưới mức tăng trưởng thực tế đảm bảo rừng thường xuyên có lâm sản và độ che phủ rừng trong toàn khu vực bất cứ lúc nào theo mô hình rừng bền vững

2. Khai thác rừng:

2.1 Các mục tiêu cần đạt được

- Làm cơ sở cho việc lập kế hoạch, thực hiện và giám sát kế hoạch quản lý rừng 5 năm đã phê duyệt và kế hoạch hàng năm của thôn
- Đảm bảo an toàn cho người dân làm việc quanh vùng khai thác
- Giảm thiệt hại cho các cây tái sinh
- Giảm hư hại cho đất và sông suối
- Làm tăng chức năng bảo vệ và sinh thái của hệ sinh thái rừng
- Làm tăng khối lượng gỗ có thể sử dụng một cách có lợi từ mỗi cây chặt
- Tăng giá trị gỗ cho mỗi chu kỳ khai thác

2.2. Chặt chọn

Chặt chọn là việc lựa chọn và sử dụng những cây riêng lẻ trong lâm phần. Theo hệ thống này, chặt những cây trong luân kỳ khai thác thường xuyên hơn là chu kỳ khai thác tự nhiên mà vẫn giữ được cấu trúc rừng có cây có độ tuổi khác nhau. Việc khai thác dựa vào kế hoạch hàng năm và 5 năm của cộng đồng đã được phê duyệt.

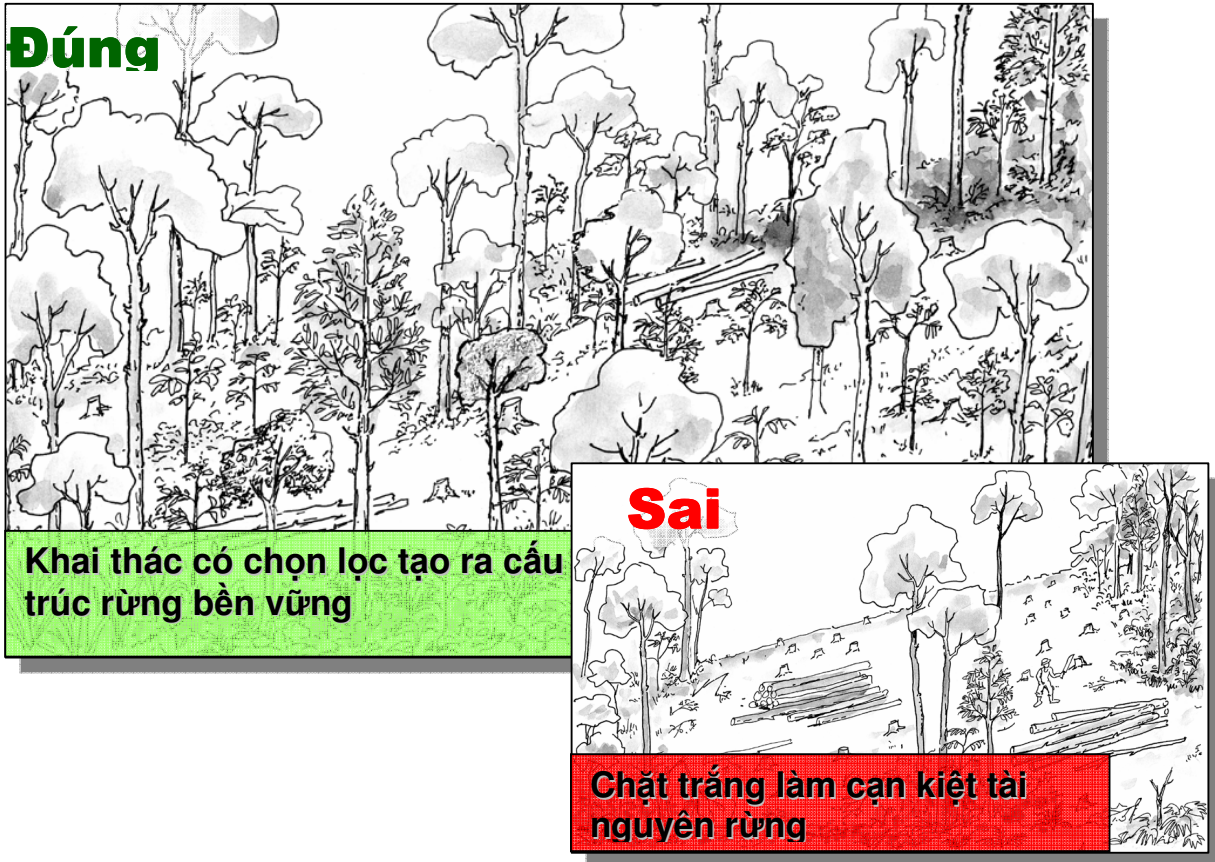
Việc lựa chọn những cây khai thác và giữ lại những cây khác dựa vào bộ tiêu chí (loài cây, chất lượng, mật độ, cạnh tranh..) đã trình bày chi tiết trong tài liệu hướng dẫn.

Hoạt động khai thác được thực hiện nhằm mục đích khai thác những cây có thể bán và những cây có chất lượng thấp cạnh tranh với những cây khác mà cấu trúc rừng vẫn thường xuyên được duy trì.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Theo hệ thống này, rừng có thể cung cấp gỗ với một khối lượng cơ bản thường xuyên với sự tái sinh tự nhiên liên tục sẽ thay thế những cây đã khai thác. Thực hiện khai thác gỗ theo các cấp kính dựa vào mô hình rừng ổn định nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về gỗ làm nhà, giường trại, củi và gỗ thương mại của chủ rừng.

Theo hệ thống này, cấu trúc rừng được bổ sung thường xuyên theo cấu trúc mô hình rừng bền vững phù hợp với mục tiêu quản lý rừng lâu dài đối với lâm phần tương ứng.



1.4 Khuôn khổ pháp lý, chính sách chặt chọn

Trong quản lý rừng truyền thống, chặt chọn áp dụng cho các lô rừng không đồng tuổi giàu trữ lượng, với nhiều cây có cấp kính lớn để khai thác (theo quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/07/2005 về việc quy định khai thác gỗ và lâm sản của Bộ NNPTNT). Mặt khác, thực hiện tỉa thưa tại rừng nghèo/rừng suy thoái và rừng sau khi chặt chọn quá mức nhằm cải thiện cấu trúc các tầng cây trung bình và thấp.

Trong QLRCĐ, các biện pháp lâm sinh nhằm mục đích cải thiện cấu trúc rừng và có thể áp dụng cho các loại rừng tự nhiên như rừng non, rừng nghèo/suy thoái, rừng trung bình và giàu miễn là đáp ứng các điều kiện sau:

- Đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia của người dân, phát hiện số lượng gỗ dư ra theo từng cấp kính cụ thể khi so sánh với mô hình rừng bền vững.
- Chủ rừng và cộng đồng đều mong muốn sử dụng gỗ dư ra để dùng hoặc bán.

2.2.1 Lập kế hoạch trước khai thác

Xác định địa điểm, diện tích, khối lượng cho các lô rừng dự kiến khai thác, xem xét kỹ lưỡng các thủ tục trình duyệt.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

2.1 Các tiêu chí lựa chọn loài

Trước khi chọn cây để khai thác, cần xác định những loài không được phép khai thác như sau:

- Loài quý hiếm được liệt kê chi tiết trong Sách đỏ⁵ và Nghị định số 32/2006/ND-CP về danh mục động thực vật rừng, các loài cây quý hiếm, nguy cấp ở Việt Nam
- Các loài cây có ý nghĩa về văn hoá, truyền thống, phong tục tập quán của cộng đồng (như cây làm nhà mồ, cây thờ phụng,...)
- Những cây và loài để nhân giống cần được bảo vệ hoặc những nguồn lâm sản ngoài gỗ quan trọng (như vỏ cây, lá, quả, ...)

Cộng đồng phải có sự hỗ trợ, tư vấn và trước khi quyết định điều gì phải được sự đồng ý nhất trí của cả cộng đồng. Danh mục loài đã xây dựng trong phân tích đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia của người dân nên dùng để tham khảo và các loài có ý nghĩa văn hoá phải lập danh mục riêng biệt.

2.2 Tiêu chí lựa chọn cây

Việc chọn lựa cây khai thác phải dựa vào các tiêu chí chung vì khai thác không phải là kỹ thuật lâm sinh quan trọng nhất, việc chọn cây sẽ xác định năng suất, tiềm năng rừng và chức năng môi trường của rừng trong tương lai.

Tiêu chí chọn cây lấy gỗ

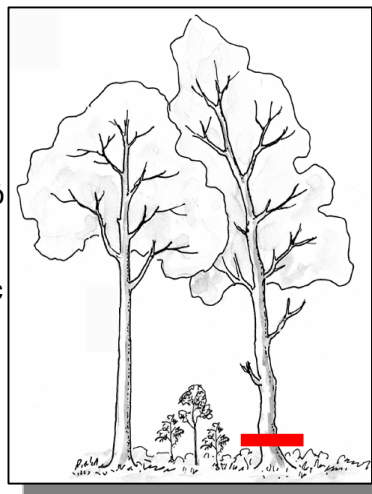
Cạnh tranh tán (tiêu chí chính)

Cây trồng tiềm năng phải có đủ chỗ để có điều kiện phát triển tốt nhất. Điều này có thể thực hiện được bằng cách tạo đủ khoảng trống và hạn chế sự cạnh tranh của những cây không tốt thông qua việc tỉa thưa.

Chỉ với những cây có tán cao hơn hoặc cùng độ cao với những cây trồng tiềm năng có thể gây ra sự cạnh tranh. Những cây nhỏ hơn không bị ảnh hưởng của sự phát triển của những cây trồng tiềm năng và chỉ nên khai thác cho nhu cầu lâm sản của họ.

Những cây được bảo vệ cho đến khi đạt được cấp kính khai thác cuối cùng phải có những đặc điểm sau:

- Phát triển mạnh, không bị sâu bệnh và phần vỏ chính không bị tổn thương
- Thân thẳng và tròn
- Tán rộng và dày
- Loài có tiềm năng sản xuất (gỗ hoặc LSNG)
- Có vị trí chiếm ưu thế hoặc cùng chiếm ưu thế ở tầng tán trên

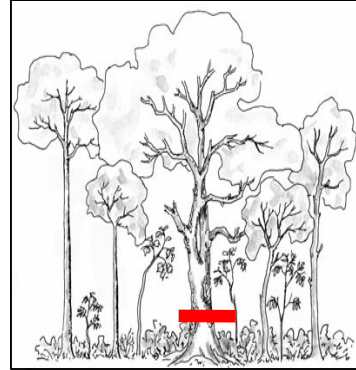


⁵ Sách đỏ các loài có nguy cơ đe dọa của tổ chức năm 1963

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Nên khai thác đối với những cây có cấp kính nhỏ hơn có đặc điểm như sau:

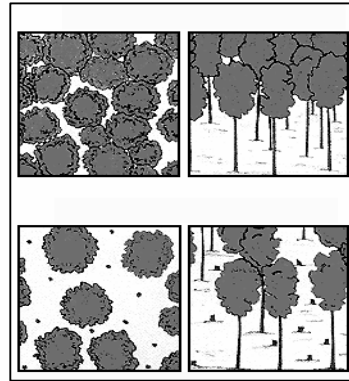
- Cây sâu bệnh hoặc chết có nguy cơ gây bệnh cho những cây còn lại trong rừng
- Những cây có hình dạng xấu (cong hoặc cây chia nhánh) cạnh tranh với những cây, loài tốt.
- Những cây không tốt ảnh hưởng đến sự tái sinh tự nhiên .



Không nên để lại những khoảng trống lớn trên tầng tán sau khi khai thác vì sẽ gây nên sự xâm nhập của cỏ dại và xói mòn đất.

Sau khai thác ít nhất 50% diện tích đất được tán dày che phủ (độ khép tán ít nhất là 50%).

Khoảng cách giữa các tầng tán riêng lẻ không nên mở rộng không gian tán cây trưởng thành .

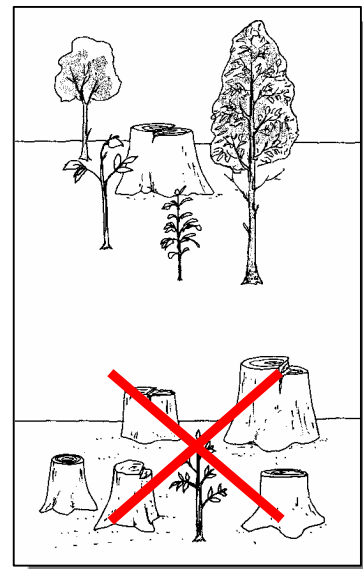


Đối với mỗi cây chặt, phải có đủ số cây nhỏ của nhiều loài để thay thế những cây đã chặt, nếu không phải thực hiện chăm sóc, trồng làm giàu rừng.

Những nơi không đủ tái sinh rừng tự nhiên phải giữ lại cây mẹ để gieo giống.

Đảm bảo khoảng cách nhỏ nhất giữa hai cây trưởng thành khai thác là 20m.

Việc khai thác nên được phân tán đều trong toàn lô rừng.

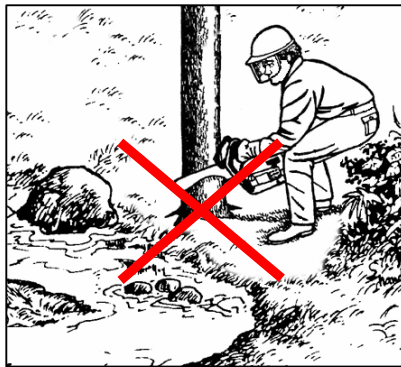


Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

Không được khai thác cây trong vùng đệm, hành lang của sông, suối. Tán cây bảo vệ nguồn nước uống và cá rất hiệu quả.

Chiều rộng sông (m)	Chiều rộng vùng đệm (m)
1-20	30 m
21-40	80 m
> 40	200 m

Không được chặt cây lấy gỗ ở những nơi đất quá dốc hoặc những nơi có đá lộ đầu để tránh nguy cơ xói mòn đất và tổn hại cho những cây khác.



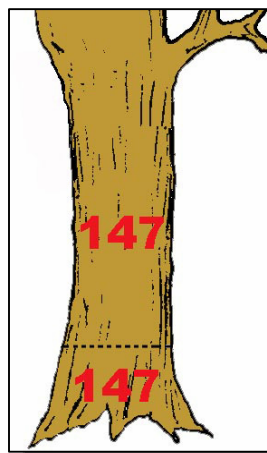
2.3 Đánh dấu cây - Lập danh mục cây

Những cây được chọn khai thác sẽ được đánh dấu bằng sơn dầu tại hai điểm:

- 1) một điểm tại độ cao ngang ngực
- 2) điểm kia tại gốc gần vết cưa.

Dấu sơn dưới vết cưa ở gốc để giám sát sau khai thác.

Những cây bài theo loài, cấp kính và được ghi chép vào lý lịch cây. Đây là số liệu cơ bản để so sánh số cây bài với kế hoạch khai thác hàng năm của lô rừng.



2.4 Mùa khai thác

Khai thác gỗ, chuẩn bị đường kéo gỗ ra bãi để vận chuyển, khai thác, chặt cây, vận chuyển và các hoạt động sau khai thác cần làm trong mùa khô, tránh khai thác vào mùa sinh trưởng của cây rừng.

Mùa khai thác tùy thuộc vào thời tiết và lao động, do đó, phải lập kế hoạch khai thác với cộng đồng để đảm bảo phù hợp thời gian cho các hoạt động liên quan đến khai thác.

Kế hoạch khai thác cần nêu chi tiết hoạt động, thời gian, địa điểm và trách nhiệm.

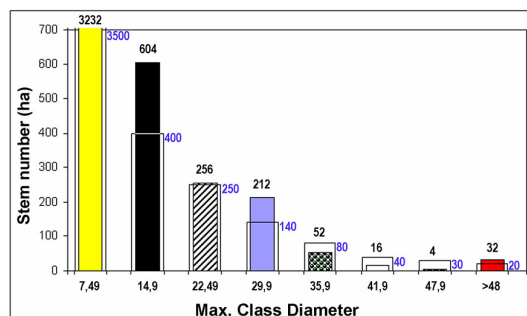


2.5. Số lượng được phép khai thác

Khai thác gỗ phải dựa trên kế hoạch quản lý rừng 5 năm đã phê duyệt cho từng lô rừng.

Do đó, các hoạt động khai thác, tỉa thưa đã đưa vào kế hoạch phải nằm trong mức khai thác cho phép trong thời kỳ 5 năm.

Tất cả hoạt động khai thác đều dựa vào kết quả điều tra danh mục rừng



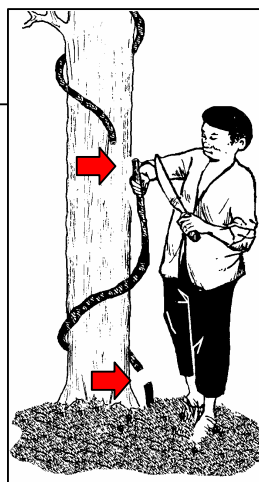
3. Khai thác gỗ

3.1 Chuẩn bị khai thác

Cắt dây leo một thời gian trước khi khai thác, vì dây leo có thể kết nối những tán cây khác làm hư hại các cây khác và gây nguy hiểm cho người khai thác

Dây leo có thể quấn cây làm thân cây bị thất lại, làm cây biến dạng và làm gỗ mất giá trị.

Trước khi khai thác, chặt những cây bụi hoặc thảm thực vật quanh cây đó để dễ dàng thực hiện hoạt động khai.

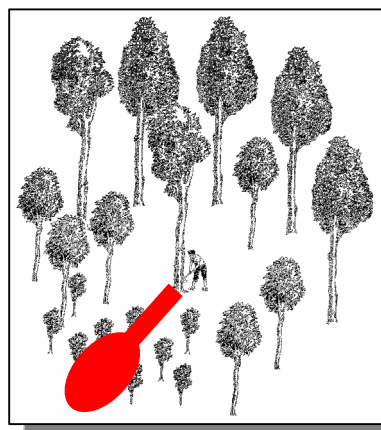


3.2 Chọn hướng cây đổ

Chọn hướng cây đổ để giảm thiệt hại cho những cây khác.

Tìm cách ngã cây vào khu trống hoặc các khu chỉ có những cây nhỏ, cây tái sinh có thể dễ dàng phục hồi khi chuyển những tán cây ra khỏi nơi khai thác.

Không chặt cây khi đang có bão vì gió có thể thay đổi hướng cây ngã và gây nguy hiểm cho người khai thác.

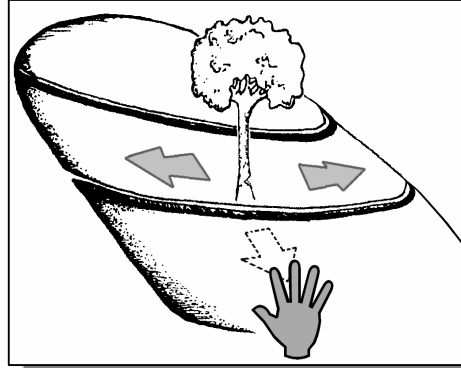


Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Không được chặt cây hướng xuống dốc trừ khi cây quá nghiêng về phía dưới dốc. Tìm cách chặt cây dọc theo đường đồng mức.

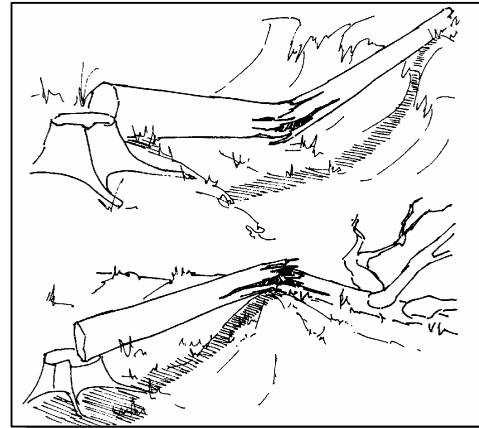
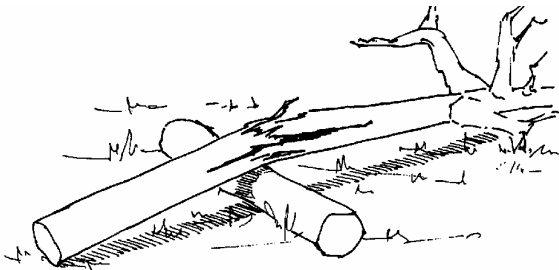
Khai thác kiểu này sẽ giúp hạn chế cây khai thác bị nứt, gãy và tổn hại đến lâm phần.

Hãy xem xét độ nghiêng của cây, vị trí cành nặng nhất và trọng lượng chung của tán, ta có thể dễ dàng xác định được hướng ngã cho cây.



Tránh cho cây ngã trên mương rãnh, gò, mô đất hoặc trên những cây khác vì điều này có thể làm cho cây nứt gãy và giảm giá trị.

Cố gắng tạo hướng ngã vào vùng những tán cây đã khai thác để giảm hư hại đối với lâm phần



4 Những quy định về an toàn lao động

Những yêu cầu về lao động khi sử dụng cưa xích

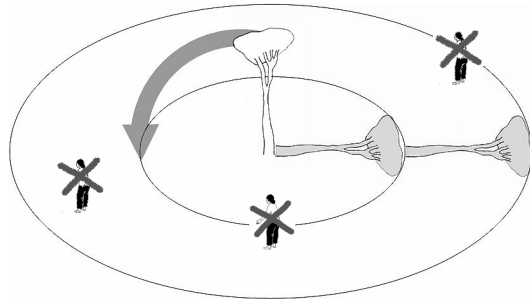
- Thể chất tốt và năng động;
- Đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm sử dụng và bảo trì cưa xích, chặt cây, cắt ngang;
- Không làm việc trong tình trạng ma túy, rượu bia hoặc mệt mỏi;
- Được trang bị bảo hiểm lao động đầy đủ.

Phải có thêm người hỗ trợ trong trường hợp khẩn cấp; chú ý không nên chặt cây hoặc sử dụng cưa xích một mình.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

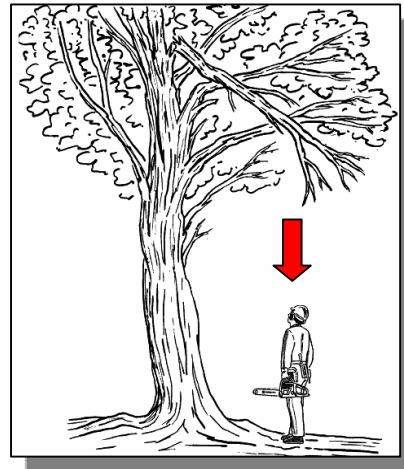
Trước khi chặt một cây, kiểm tra để đảm bảo trong vùng nguy hiểm không có người khác, trẻ em hoặc động vật.

Khu vực nguy hiểm là khoảng cách hai lần chiều dài của cây khai thác (hai lần chiều dài của cây đổ, vì cây này có thể ngã trúng cây khác làm cây này ngã theo). Nên tăng khoảng cách này lên nếu hướng ngã là hướng xuống dốc.



Kiểm tra cành nhánh khô gãy có thể còn vương lại trên tán cây và có thể rơi xuống khu vực khai thác khi cây ngã gây nguy hiểm. Những cây già thường hay có cành nhánh khô và gây tai nạn nghiêm trọng. Kiểm tra cây từ nhiều góc độ khác nhau để xem có cành nhánh khô vương lại trên cây hay không.

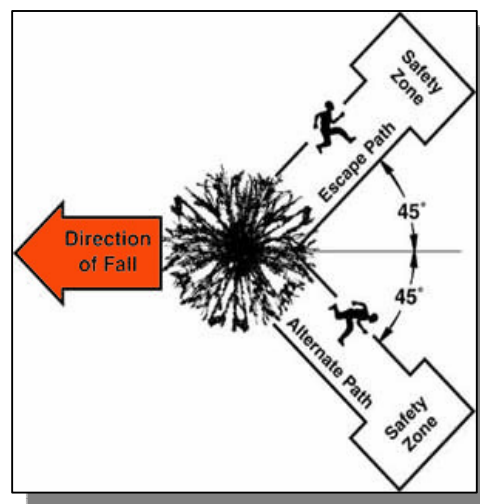
Kiểm tra những cành nhánh cài vào nhau hoặc cài vào cây. Những cành nhánh khô này có thể gãy khi cây ngã và rơi vào khu vực khai thác, làm cho cây ngã sai hướng mong muốn, hoặc làm những cây khác bật rễ



Để đánh giá khu vực khai thác và cây khai thác, chuẩn bị khu vực để khai thác cây.

Nếu có những cành nhánh thấp cản trở đường khai thác thì chặt bỏ

Phát quang đủ không gian trong khu vực khai thác xung quang cây và tạo ra lối thoát theo hướng chéo phía sau.



Hãy xem hướng cây ngã phía trước và xác định những mối nguy hiểm như gốc cây, cây gỗ, hoặc những ụ đất khi tiếp xúc có thể làm cây ngã giật ngược lại ra sau hoặc giật sang bên.

Chạy ra xa ngay khi cây có dấu hiệu ngã, và không bị kẹt lại

Không được đứng sau cây đang ngã vì gốc có thể giật ngược làm bị thương người khai thác.



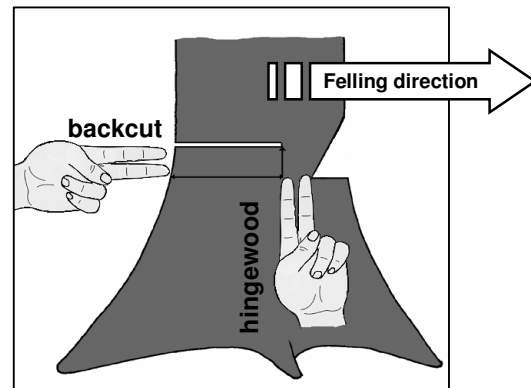
4.3 Kỹ thuật khai thác

Cựa đường cắt theo hướng ngã. Cựa đường cắt trên trước một góc 45° khoảng $\frac{1}{4}$ và $\frac{1}{3}$ của đường kính cây. Đường cựa phải đối diện chính xác với hướng mong muốn ngã và điểm kết thúc phải bằng phẳng. Đường cựa dưới phải gặp đường cựa trên và tạo thành hình chữ “V” cân đối ngang đường kính cây khi bỏ phần cắt.

Nếu cây có đường kính khoảng 30 cm cựa đường cắt phía sau cao hơn đường cắt phía trước “hai ngón tay”. Đối với những cây lớn hơn, đường cắt này nên cao hơn 3-4 ngón tay.

Đường cựa phía sau là đường cựa cuối cùng sẽ làm cây ngã. Đường cắt phải bằng phẳng và luôn luôn ở trên đường cựa hình chữ “V” (khoảng $\frac{1}{10}$ đường kính cây). Đường cựa phía sau sẽ không cắt ngang cây mà dừng lại với chiều rộng bằng chiều rộng của gỗ khớp nổi, khoảng “hai ngón tay” (hoặc $\frac{1}{10}$ đường kính) song song với đường cựa trước để tạo gỗ khớp nổi.

Gỗ khớp nổi điều khiển hướng ngã và ngăn ngừa cây không bị xoắn hoặc gãy sang một bên khi ngã..



Khi đã tiến hành đường cựa phía sau, cây bắt đầu ngã:

- Lấy cựa ra khỏi đường vết cựa và tắt máy cựa
- Đi vào lối ra theo kế hoạch
- Canh phòng vật liệu ngã xuống
- Canh phòng trường hợp cây bật ngược trở lại khi ngã xuống đất

Những mối nguy hiểm thường gặp khi cưa cây

Cưa cây trên dốc: Cần thận khi cưa cây trên dốc vì cây có thể trượt lui lại hoặc bật vào khu vực khai thác khi cây đổ xuống đất. Chạy nhanh theo lối thoát hiểm. Luôn luôn theo dõi đường thoát và quá trình cây đổ.

Cưa cây theo đường đồng mức: Đảm bảo không được đứng trên đường cây lăn. Chạy quay lại theo đường thoát hiểm.

Những cây không có tán (tán bị gãy sau khi có gió mạnh hoặc mưa lớn): Cắt đường cưa sâu hơn một chút (nhiều nhất là bằng một nửa đường kính). Đặt một cái nêm vào đường cưa phía sau càng nhanh càng để đảm bảo hướng ngã chính xác do cây không có tán nên khó ngã cây theo hướng mong muốn.

Cây “treo”: Khi một cây treo trên cây khác thì cây này phải được đưa xuống đất trước khi làm các việc khác. Không được để lại những cây như thế này trừ khi bạn đã đánh dấu khu vực và tìm kiếm sự trợ giúp, hoặc có người có mặt tại đó cảnh báo nguy hiểm cho những người khác.

5. Các hoạt động sau khai thác

5.1. Sơ chế tại chỗ

Tia thưa (cắt cành nhánh)

Trước tiên kiểm tra cây chặt xem có nguy hiểm hay không (độ căng, gãy...)

Kiểm tra những cây xung quanh xem có bị hư hại hay nguy hiểm không.

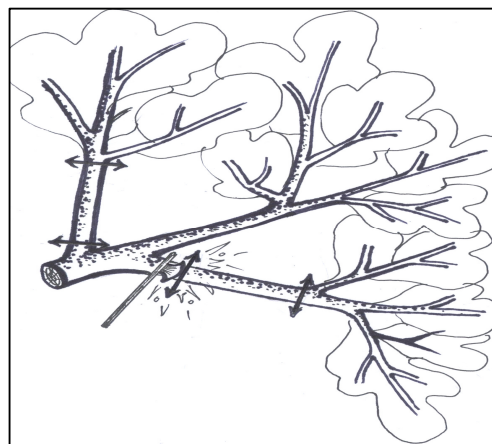
Đảm bảo cây phải đứng yên, không lăn hoặc chuyển động tác động lên cây. Nếu cây có thể lăn thì chèn lại, nhất là ở đường dốc.

Chỉ tỉa những cây nằm chặt dưới đất; không dùng cưa máy ở độ cao ngang vai (1.5m)

Cẩn thận những cây còn treo lơ lửng do mắc phải những cành cây khác.

Khi cây vẫn còn bị treo, tia cành lớn từ ngoài vào trong bằng cách cắt vài đường để kiểm tra xem cây có đứng yên hay ngã xuống.

Luôn đứng ở phía trên dốc khi cưa cây. Đưa cây ra khỏi hướng ngã mong muốn hoặc làm cho các cây khác ngã



Để ý những tán lá bị nén căng. Những tán này có thể bật ngược lại gây thương vong. Đứng cách xa tán cây bị nén căng và giảm sự nén này bằng cách cắt hai đường - đường thứ nhất ở phía bạn và đường kia ở phía bên kia..

Cắt ngang cây

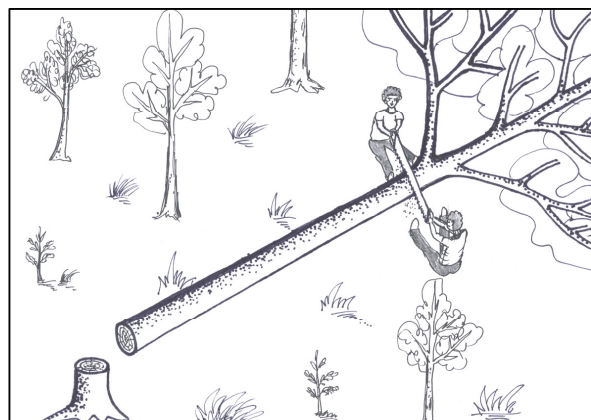
Sau khi tỉa cây có thể cắt cây theo chiều dài mong muốn để làm nhà, làm hàng rào, chuồng trại và củi.

Kiểm tra xem cây gỗ đó có nằm im, lăn hay rơi hay không và chèn lại. Kiểm tra xem gỗ có khiếm khuyết hay không như mục rỗng hoặc những cành lớn có thể tác động đến việc cắt ngang cây.

Không được cắt những cây đang treo lơ lửng trên độ cao hơn 1,5 mét. Cắt cây ngang kiểu này tức là đã sử dụng cưa để cưa cây trên độ cao ngang vai.

Phát quang đủ khoảng trống để thực hiện việc cắt.

Đảm bảo khi cưa cây không cho cưa chạm đất hoặc các vật khác có thể làm hư cưa.

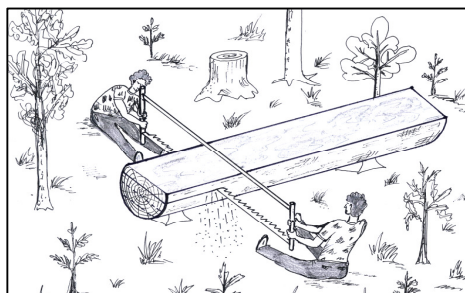


Luôn kết thúc đường cắt phía trên dốc để tránh cây lăn lên người. Đảm bảo những người khác vẫn an toàn nếu cây lăn xuống dốc.

Sơ chế tại chỗ

Những khúc gỗ to nên cưa thành ván ngay tại khu khai thác để giảm chi phí và giảm tác động tới đất và những cây khác khi dùng máy móc vận chuyển.

Ván xẻ có thể vận chuyển dễ dàng bằng tay hoặc bằng gia súc mà không cần chuẩn bị mạng lưới đường vận chuyển.



Vệ sinh rừng tại bãi khai thác

Sau khi chuyển những khúc gỗ ra khỏi bãi khai thác, những tán cây và cành nhánh lớn nên dùng để lấy củi.

Chuyển và để lại lá và vỏ cây trực tiếp tại bãi khai thác. Những nhánh nhỏ nên cắt nhỏ ra và rải đều trong rừng.

Nhiều cây sống dựa vào chất dinh dưỡng từ vỏ cây và lá cây. Để lại lá cây và vỏ cây tại bãi khai thác sẽ góp phần cải thiện sự tăng trưởng của cây sau này.



6. Tỉa thưa - biện pháp kỹ thuật lâm sinh để tu bổ rừng

Do đa số rừng tại thời điểm giao cho người dân chủ yếu là rừng non hoặc rừng nghèo, vì vậy mà mục tiêu quản lý chính là tu bổ trạng thái rừng nhằm làm cho rừng có năng suất cao hơn trong tương lai. Có rất nhiều biện pháp để tu bổ rừng tùy theo loại rừng, trạng thái rừng và nhu cầu lâm sản của người dân. Có một số biện pháp cũng mang lại lợi ích sử dụng, tuy nhiên mục đích chủ yếu khi áp dụng những biện pháp này là nhằm tu bổ rừng.

Thông thường tỉa thưa được thực hiện ở rừng non (thường gọi là giai đoạn cọc) khi kích thước của cây quá nhỏ để khai thác như gỗ cưa. Việc tỉa thưa cũng rất quan trọng ở những nơi mà cây cùng tuổi, cùng kích thước có mật độ dày.

Ở Việt Nam, công tác quản lý rừng truyền thống của các lâm trường quốc doanh không đề cập chi tiết các hoạt động tỉa thưa do chi phí thực hiện thường cao hơn giá trị sản xuất cọc tre. Nhưng trong QLRCĐ thì không như vậy bởi vì cọc tre được dùng để làm hàng rào, làm chuồng... và chi phí tỉa thưa do người dân thực hiện thấp.

Định nghĩa: Tỉa thưa tức là lấy đi những cây có mật độ dày hoặc lấy đi những cây không tốt trước khi cây đạt đến kích thước cho gỗ.

Mục đích của tỉa thưa

- Tăng tỉ lệ tăng trưởng về cấp kính của những cây khác trong rừng (giảm sự cạnh tranh giữa các cây)
- Tăng số cây cho gỗ cuối cùng bằng cách lấy đi những cành cong không cần thiết cho việc lấy gỗ
- Mở tán rừng để cung cấp ánh sáng cho việc tái sinh tự nhiên
- Cung cấp cọc và củi đáp ứng nhu cầu của người sử dụng rừng
- Đảm bảo những cây khác khỏe mạnh và có trạng thái ổn định (chống lại bão)

Những quy định về tỉa thưa

- Tỉa thưa lần 1 được tiến hành khi cây bắt đầu cạnh tranh nhau về ánh sáng và không gian sống. Sự cạnh tranh giữa các cây chỉ có thể được đánh giá thông qua sự cạnh tranh về tán cây (tán cây ít nhất phải chạm nhau).
- Mục tiêu quản lý là nhằm hỗ trợ các cây trồng lựa chọn bằng cách lấy đi các cây cạnh tranh về không gian trong tầng cây chiếm ưu thế. Các cây cạnh tranh là những cây có tầng tán chiếm ưu thế hoặc có tầng tán cao nhất, có chất lượng kém hơn phát triển gần cây trồng và che bóng tán của cây trồng từ phía trên hoặc từ hai bên.
- Đối với tầng cây chiếm ưu thế thì cần phải hạn chế tỉa thưa bằng cách tỉa thưa tán chọn lọc từ phía trên. Chỉ bằng cách lấy đi những cây ở tầng tán chiếm ưu thế thì cây trồng mới có thể phát triển. Hạn chế tỉa thưa ở tầng tán thấp và dưới tầng tán đối với những cây bị bệnh hoặc những cây bị chết.
- Đối với tầng cây thấp, cần phải chặt những dây leo và ngăn chặn các tác động tiêu cực như các hoạt động chăn thả hoặc cháy rừng nhằm thúc đẩy quá trình tái sinh tự nhiên. Những cây bụi và những cây không có giá trị dưới tầng tán thì không tiến hành tỉa thưa nhằm làm tăng cấu trúc rừng và bảo vệ sinh thái. Tuy nhiên, vẫn có thể khai thác chọn lọc những cây này nếu có nhu cầu về củi, chỉ lấy củi khô và để lại những cành, lá nhằm mục đích bảo vệ đất.
- Mức độ tỉa thưa phụ thuộc vào thời gian, được tiến hành cho đến khi cây bắt đầu có sự cạnh tranh tán. Đối với diện tích rừng gồm các loài cây con sinh trưởng nhanh thì cần phải tiến hành tỉa thưa thường xuyên hơn. Nhìn chung, tiến hành tỉa thưa 5 năm một lần là khoảng thời gian thích hợp để đảm bảo cho rừng phát triển tốt.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

- Không tiến hành tỉa thưa đối với những loài cây quý hiếm, nhất là đối với những cây cho hạt vì những loài này rất quan trọng đối với sự phát tán, tăng diện tích rừng trong tương lai.

Tác động của tỉa thưa đối với cấu trúc rừng còn lại

Tác động của việc tỉa thưa tu bổ rừng được minh họa bằng hình vẽ dưới đây. Những cây đánh dấu màu cam ở hình phía trên cần phải lấy đi trong quá trình tỉa thưa tu bổ rừng. Kết quả của tỉa nhằm tránh sự cạnh tranh tán cây và tạo ra điều kiện tăng trưởng thuận lợi cho cây trồng được minh họa ở hình bên dưới.



7. Khai thác củi

Củi là một lâm sản quan trọng. Ngay cả rừng nghèo cũng cung cấp một khối lượng củi đáng kể và hầu hết các biện pháp kỹ thuật lâm sinh vì mục đích sử dụng hoặc tu bổ rừng đều cung cấp một khối lượng củi nhất định.

Tiêu chí lựa chọn cây làm củi

Những cây khai thác không phù hợp để lấy gỗ (cành cong, bị hư hỏng)

Những cây bị chết, bị sâu bệnh không phù hợp để lấy gỗ

Những cây cạnh tranh với những cây có giá trị

Những cành nhánh và các bộ phận khác còn lại của cây khai thác sau khi đã lấy gỗ

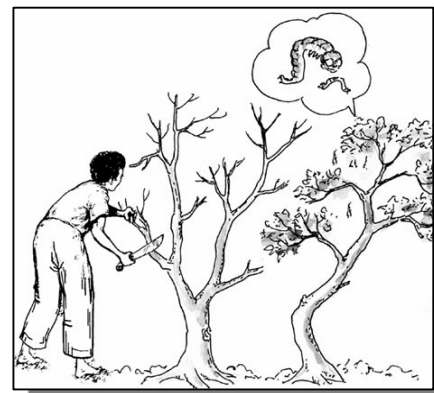
Những chồi và thân cây xấu còn lại sau khi tỉa thưa

Những cây bụi tạo ra trong quá trình phát quang và tỉa thưa

Những cành nhánh còn lại của hoạt động tỉa cành

Những nhánh cây bị chết, những cây bị chết đã ngã xuống và được thu nhặt mà không cần khai thác

Chú ý: những cây có tiềm năng cho gỗ cần phải được bảo vệ nghiêm ngặt để phát triển thành cây có cấp kính lớn hơn.



8. Kéo gỗ ra khỏi rừng

Các quy định về an toàn lao động

Các nguyên tắc làm giảm thiệt hại đối với những cây còn lại khi vận chuyển gỗ như sau:

- Kiểm tra và lựa chọn đường vận chuyển thích hợp (sử dụng bản đồ các đường đồng mức)
- Cố gắng sử dụng tối đa kiến thức bản địa và các nguồn lực địa phương (sức kéo của động vật, kéo gỗ theo sông, suối)
- Các công cụ như ván trượt hoặc xe trâu có thể nâng cao năng suất một cách đáng kể khi vận chuyển gỗ vì chúng giúp giảm lực ma sát và cho phép kéo được một lượng gỗ lớn

Các hoạt động khai thác không đúng kỹ thuật có thể dẫn đến:

- Mất khối lượng gỗ lớn hoặc chất lượng gỗ trong quá trình kéo gỗ.
- Gây thiệt hại lớn cho đất và sông, suối
- Gây thiệt hại lớn cho những cây xung quanh và cây con.

9. Xúc tiến tái sinh tự nhiên

9.1 Nguyên tắc chung

- Xúc tiến quá trình tái sinh tự nhiên bằng cách bảo vệ nghiêm ngặt đối với các hoạt động chặn thả, lấy củi và trong các hoạt động lâm sinh.
 - Bảo vệ nghiêm ngặt thảm thực bì phát triển ở các khoảng đất trống, nhất là thảm thực bì dọc các sông, suối, sườn dốc, ở các diện tích có tầng đất mỏng hoặc có đá lộ đầu. Ngoài tiềm năng sử dụng các loài cây, thảm thực bì cần phải được duy trì nhằm bảo vệ đất đai, chống xói mòn.
 - Không tiến hành tỉa thưa đối với những cây bụi và những cây không tốt dưới tầng tán nhằm nâng cao cấu trúc rừng và bảo vệ sinh thái. Tuy nhiên, có thể khai thác có chọn lọc một số cây nếu có nhu cầu về củi.

Xúc tiến tái sinh tự nhiên theo định hướng sử dụng tiềm năng rừng để tái sinh tự nhiên và tránh dùng những biện pháp tốn nhiều công sức và đầu tư cho trồng dặm hoặc trồng làm giàu rừng.

Do công tác quản lý rừng mang tính bền vững cho nên tái sinh rất cần thiết nhằm thay thế những cây đã khai thác hoặc cải tạo rừng bị suy thoái. Tái sinh những loài cây mong muốn và đảm bảo cho những cây này sống và phát triển là một phần quan trọng của công tác tu bổ rừng.

Nên phải bảo vệ và xúc tiến sự tái sinh tự nhiên hiện hành thông qua các hoạt động kỹ thuật lâm sinh (bao gồm các khu rừng trồng) theo quan điểm tạo ra được những lâm phần tự nhiên hỗn giao với những loài cây bản địa.

Đối với những diện tích rừng mà trước đây thường có các hoạt động chặn thả hoặc bị cháy thì thường không đủ tái sinh và cần phải tiến hành trồng làm giàu rừng nhằm đảm bảo có đủ số lượng cây trồng trong tương lai.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình Chi cục kiểm lâm

Nên tránh thành lập lâm trường bởi vì đây là một biện pháp kỹ thuật lâm sinh tốn nhiều công sức và chi phí trừ khi không có biện pháp thay thế để tái sinh rừng. Thực trạng tái sinh và điều kiện tán rừng để thành lập lâm trường được trình bày trong sơ đồ dưới đây. Điều này cho thấy chỉ có khu vực mà rừng hoàn toàn mở (không có tán rừng) và khu vực không có tái sinh tự nhiên thì nên thành lập các lâm trường. Ngược lại, tái sinh tự nhiên là một biện pháp thích hợp hơn cả. Trồng làm giàu rừng là biện pháp trước mắt khi đã thực hiện trồng rừng (với mật độ thấp) nhằm bổ sung cho sự tái sinh tự nhiên đã có.

Trạng thái tái sinh	Điều kiện tán rừng			
	Tốt	Bình thường	Kém	Mở
Dồi dào				
Rải rác/ ít				
Không				

	Tự nhiên
	Làm giàu rừng
	Trồng mới

9.2 Các biện pháp chính

- Bảo vệ nghiêm ngặt những cây non có tiềm năng sản xuất gỗ và LSNG.
- Không chặn thả gia súc hoặc cắt cỏ khô.
- Không đốt rừng (kể cả việc đốt thực bì chống cháy) bất cứ lúc nào.
- Hạn chế lấy củi và dùng những cây không có giá trị.
- Chặt bỏ những dây leo từ những cây đẹp để thân cây phát triển tốt
- Đánh dấu và bảo vệ nghiêm ngặt cây mẹ hoặc cây có hạt trong khu vực không đủ tái sinh tự nhiên.
 - Dựa vào nhu cầu của chủ rừng để lựa chọn loài cây, cây mẹ hoặc cây cho hạt mong muốn.
 - Chỉ áp dụng kỹ thuật lâm sinh tái sinh tự nhiên bằng cách trồng hoặc không trồng làm giàu rừng trong khu vực có thảm thực vật che phủ mà Tre, Nứa chiếm ưu thế và nếu Tre, Nứa là loài mà chủ rừng muốn giữ lại cho mục đích quản lý lâu dài. Việc chủ động loại trừ sự cạnh tranh của Tre, Nứa là để hỗ trợ cây tái sinh là một quá trình rất khó khăn cần nhiều sức lao động do khả năng tái sinh của Tre, Nứa rất mạnh.

Tài liệu tham khảo:

- 1) Bao Huy and Wode (2006): Silviculture and harvesting guideline. GTZ RDDDL Dak Lak.
- 2) Branney (2003): Community Forestry Manual for Bhutan Part III, Silvicultural options for community forestry. Wang Watershed Management Project.
- 3) Branney and Wode (2003): Silviculture Guidelines in CFM in the area of Song Da watershed, GTZ-SFDP.
- 4) Circular 48/2002/NĐ-CP dated 22/4/2002 on the adjustment and change of valuable fauna and flora list.
- 5) Dykstra, D. and R. Heinrich (1996): FAO Model Code of Forest Harvesting Practice. FAO. Rome.
- 6) Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD) (1998): The general outline of the technical procedures on natural forest regeneration and additional planting QPN 21-98
- 7) Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD) (2005): Decision 40/2005/QĐ-BNN dated 07/07/2005 v/v issued in accordance with regulations on harvesting timber and forest products.
- 8) Ministry of Forestry (former) (1993): Principles for silviculture techniques applied for forests that provide timber and bamboo (QPN 14-92), Agriculture Publishing House, Hanoi.
- 9) P. Sist, D. Dykstra, and R. Fimbel (1998): Reduced-Impact Logging Guidelines for Lowland and Hill Dipterocarp Forests in Indonesia. CIFOR Occasional Paper No. 15
- 10) Wode (2004): Forestry Extension Leaflet No. 4: Timber Harvesting, GTZ-SFDP.
- 11) Wode (2004): Commune Forest Management Planning, Harvesting regulations, ADB-FSP.
- 12) ALDER, D. AND SYNNOTT, T.J. 1992. Permanent Sample Plot Techniques for Mixed Tropical Forest. Tropical Forestry Papers No. 25. Oxford Forestry Institute, Department of Plant Science, University of Oxford.
- 13) BRANNEY, P. AND WODE, B. 2003. Silviculture Guidelines for Community Forest Management in the Song Da Watershed. 1st Draft. Son La, Vietnam. [online] <http://www.mekonginfo.org/partners/SFDP/index.htm>
- 14) CANCINO, J. u. GADOW, K. v., 2002: Stem number guide curves for uneven-aged forests - development and limitations. In: Gadow, K. v., Nagel, J. u. Saborowski, J., 2001: Continuous Cover Forestry - Assessment, Analysis, Scenarios. Kluwer.
- 15) DE LIOCOURT, F. 1898, De L'aménagement des sapinieres. Bull. Soc. Franche-Comté et Belfort.
- 16) GADOW, K. and HUI, G., 1999. Modelling forest development. Kluwer Acad. Publ. Dordrecht, the Netherlands.
- 17) KURTH, H., 1978. Die Raum-Zeit Ordnung des Waldes – Tharandter Beiträge zur Entwicklung der Forsteinrichtung. Wiss. Zeitschr. TU Dresden 27: 215 – 224.
- 18) MEYER, H.A., 1933. Eine mathematisch-statistische Untersuchung über den Aufbau des Plenterwaldes. Schweiz. Z. Forstwes., 84: 33-46, 88-103, 124-131
- 19) MITSCHERLICH, G., 1952. Der Tannen-Fichten-(Buchen)-Plenterwald. Heft 8 d. Schriftenreihe d. Bad. Forstl. Vers. Anst., Freiburg: 42 p.
- 20) PHILIP, M.S. 1994. Measuring Trees and Forests. Second Edition. Wallingford, Oxon, UK: CAB International, 1994. 310 p.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình
Chi cục kiểm lâm

- 21) STERBA, H. and LEDERMANN, T. , 2006, Inventory and modelling for forests in transition from even-aged to uneven-aged management. Forest Ecology and Management, 224: 278-285
- 22) Bộ tài liệu đào tạo về Lâm nghiệp công đồng, 2004. Dự án Lâm nghiệp Xã hội Sông Đà, GTZ/GFA, Hà Nội Việt Nam
- 23) Tài liệu hướng dẫn thực hiện - Lập kế hoạch quản lý rừng công đồng, 2006, Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc, GTZ/GFA, Đắc Lắc, Việt Nam.
- 24) Tài liệu hướng dẫn thực hiện – Cơ chế phân chia lợi ích, 2006, Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc, GTZ/GFA, Đắc Lắc, Việt Nam.
- 25) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Khai thác và kỹ thuật lâm sinh, 2006, Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc, GTZ/GFA, Đắc Lắc, Việt Nam.
- 26) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật – Mô hình cơ cấu rừng bền vững, khái niệm và sự phát triển, 2006. Tác giả Björn Wode. Dự án Phát triển Nông thôn Đắc Lắc, GTZ/GFA, Đắc Lắc, Việt Nam.
- 27) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Quản lý rừng cộng đồng, 2006. Tác giả Bảo Huy, Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo Phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp vùng cao (ETSP), Helvetas, Hà Nội, Việt Nam
- 28) Tài liệu hướng dẫn về một số kỹ thuật lâm sinh đơn giản trong quản lý rừng công đồng tài, 2006. Tác giả Bảo Huy, ETSP, Helvetas, Hà Nội, Việt Nam
- 29) Quản lý rừng cộng đồng – Tài liệu dành cho giảng viên, module 3, 2006. ETSP, Helvetas, Hà Nội, Việt Nam
- 30) Tài liệu tập huấn, Chương 1 và Chương 2, Dự án hợp tác tái chính lâm nghiệp hộ gia đình Việt - Đức, 2005. G. Kuchelmeister và Lê Quốc Huy. KFW/GFA/GWB. Margraf Publishers, Weikersheim, Đức.
- 31) Sổ tay lâm nghiệp thôn bản, 2001. Chương trình quản lý và bảo tồn rừng (FOMACOP), Bộ Nông – Lâm nghiệp, Ngân hàng Thế giới và các chính phủ Phần Lan, Lào.
- 32) Tài liệu tập huấn lâm nghiệp thôn bản, 2001. FOMACOP, Bộ Nông – Lâm nghiệp, Ngân hàng Thế giới và các chính phủ Phần Lan, Lào
- 33) Lập kế hoạch quản lý rừng cấp thôn bản Module 1-3, 2006. Tác giả Björn Wode. Chương trình quản lý và khôi phục rừng tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên (KfW 6)
- 34) Tài liệu tập huấn về kết hợp điều tra danh mục rừng với giao đất rừng và lập kế hoạch quản lý rừng cấp thôn bản, 2007. Tác giả Björn Wode. Chương trình quản lý và khôi phục rừng tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên (KfW 6)
- 35) Lập kế hoạch quản lý rừng cấp xã – Tài liệu tập huấn Phần 1 & 2, 2004. Tác giả Björn Wode. Chương trình ngành rừng (ADB)